

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103001665 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 19 tháng 06 năm 2003, số 0302963695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 17 tháng 05 năm 2023



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 514./QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 26. tháng 6. năm 2025)

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

Trụ sở : Tầng 4 và 5 Tòa nhà Samsora Premier, 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024 3933 3636

Fax: 024 3933 6426

Website : <https://vietabank.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : Nguyễn Hồng Hải

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Điện thoại : 024 3933 3636

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Trụ sở chính : Tầng 5 Tòa nhà Samsora Premier, 105 Chu Văn An, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024 3944 5474

Fax: 024 3944 5475

Website : www.nsi.com.vn

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103001665 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19/06/2003, số 0302963695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 17/05/2023



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	VAB
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu.
Tổng số lượng niêm yết:	539.960.043 cổ phiếu.
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:	5.399.600.430.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)

Trụ sở chính : Tầng 5 Tòa nhà Samsora Premier, 105 Chu Văn An, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024 3944 5474

Fax: 024 3944 5475

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2023

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện Thoại: (84) 24 3824 1990

Fax: 024 3944 5475

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC

Địa chỉ: Số 389A Điện Biên Phủ, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện Thoại: 028 3832 9129

Fax: (028) 3834 2957

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi ro về kinh tế.....	7
1.1.	Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam	7
1.2.	Lạm phát	9
1.3.	Rủi ro về lãi suất	10
1.4.	Rủi ro về tín dụng.....	11
1.5.	Rủi ro về ngoại hối.....	11
1.6.	Rủi ro về thanh toán	12
1.7.	Rủi ro về các hoạt động ngoại bảng	13
2.	Rủi ro luật pháp.....	13
3.	Rủi ro đặc thù ngành	14
3.1.	<i>RỦI RO HOẠT ĐỘNG NGÀNH NGÂN HÀNG</i>	14
3.2.	<i>RỦI RO VỀ TÀI SẢN ĐÁM BẢO</i>	14
3.3.	<i>RỦI RO HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ("CNTT")</i>	15
3.4.	<i>RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU</i>	15
4.	Rủi ro khác	16
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH....	17
1.	Tổ chức niêm yết.....	17
2.	Tổ chức tư vấn	17
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	18
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	20
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	20
1.1.	<i>Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết</i>	20
1.2.	<i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	20
1.3.	<i>Các giải thưởng và thành tựu đạt được</i>	22
2.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn điều lệ của Ngân hàng.....	26
3.	Cơ cấu tổ chức công ty.....	36
4.	Cơ cấu quản lý của công ty	38

4.1.	Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý.....	38
4.2.	Diễn giải sơ đồ bộ máy quản lý của Ngân hàng.....	39
5.	Danh sách cổ đông của VAB	42
5.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VAB và những người có liên quan	42
5.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	45
5.3.	Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/05/2025.....	45
6.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VAB, những công ty mà VAB đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với VAB.....	46
6.1.	Công ty mẹ	46
6.2.	Công ty con của VAB.....	46
6.3.	Những công ty mà VAB đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	47
6.4.	Công ty liên kết của VAB.....	47
6.5.	Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với VAB.....	47
7.	Hoạt động kinh doanh	47
7.1.	Ngành nghề kinh doanh của ngân hàng	47
7.1.1.	Hoạt động huy động vốn.....	47
7.1.2.	Hoạt động tín dụng.....	60
7.2.	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn.....	81
7.2.1.	Tổng quan.....	81
7.2.2.	Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Khối Quản trị rủi ro	82
7.2.3.	Các phương pháp đánh giá rủi ro các khoản vay	83
7.2.4.	Mục tiêu và định hướng công tác quản trị rủi ro	84
7.3.	Thị trường hoạt động.....	85
7.4.	Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.....	87
7.5.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	87
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng	87
8.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về HĐSXKD của Ngân hàng	87

8.2 Phân tích các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh.....	90
8.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo.....	95
9. Vị thế của Ngân hàng so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	96
9.1 Vị thế của Ngân hàng trong ngành.....	96
9.2 Triển vọng phát triển của ngành	97
9.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành	98
9.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	100
10.1 Số lượng người lao động trong Ngân hàng.....	101
10.2 Chính sách thu hút và giữ nhân tài.....	102
10.3 Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	102
10.4 Chế độ bảo hiểm, phúc lợi	103
10.5 Chuyển đổi số trong quản trị nhân sự	104
11. Chính sách cổ tức	104
12. Tình hình tài chính	104
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	107
13.1 Hội đồng quản trị.....	107
13.2 Ban Kiểm soát.....	123
13.3 Ban Tổng giám đốc.....	129
13.4 Kế toán trưởng.....	130
14. Tài sản.....	132
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	139
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	143
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	143
18. Các thông tin các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết	145
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....	146
1. Loại cổ phiếu.....	146

2. Mệnh giá	146
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết	146
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của VAB	146
5. Xếp hạng tín nhiệm	147
6. Phương pháp tính giá	147
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	148
8. Các loại thuế có liên quan	148
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	150
VIII. PHỤ LỤC	151

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Việt Á	37
Sơ đồ 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý	38
Sơ đồ 3: Cơ cấu tổ chức của khối quản trị rủi ro	82

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các giải thưởng và thành tựu đạt được	22
Bảng 2: Quá trình tăng vốn của VAB từ khi thành lập	26
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VAB	42
Bảng 4: Danh sách những người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5%	42
Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VAB	44
Bảng 6: Danh sách những người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5%	44
Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/05/2025	45
Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh công ty con của VAB	47
Bảng 9: Tình hình huy động vốn của VAB (Hợp nhất)	55
Bảng 10: Tình hình huy động vốn của VAB (Riêng)	56
Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn	67
Bảng 12: Dư nợ cho vay theo lĩnh vực	68

Bảng 13: Dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp	71
Bảng 14: Dư nợ cho vay theo nhóm nợ.....	72
Bảng 15: Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.....	73
Bảng 16: Hoạt động đầu tư của VAB.....	73
Bảng 17: Hoạt động đầu tư của VAB.....	74
Bảng 18: Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn của VAB	76
Bảng 19: Kết quả hoạt động đầu tư.....	76
Bảng 20: Hoạt động kinh doanh ngoại hối.....	78
Bảng 21: Hoạt động dịch vụ (Hợp nhất)	80
Bảng 22: Hoạt động dịch vụ (Riêng).....	80
Bảng 23: Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của VAB	85
Bảng 24: Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2023 đến Quý I/2025 (Hợp nhất)	88
Bảng 25: Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2023 đến Quý I/2025 (Công ty mẹ).....	89
Bảng 26: Cơ cấu thu nhập của VAB	91
Bảng 27: Chỉ số NIM	92
Bảng 28: Cơ cấu chi phí của VAB	93
Bảng 29: So sánh về tình hình tài chính của một số ngân hàng năm 2024	98
Bảng 30: So sánh chất lượng nợ cho vay của một số ngân hàng	99
Bảng 31: Tình hình tài chính (Hợp nhất)	104
Bảng 32: Tình hình tài chính (Riêng).....	105
Bảng 33: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	107
Bảng 34: Ban Kiểm soát.....	123
Bảng 35: Ban Tổng Giám đốc.....	129
Bảng 36: Kế toán trưởng	130
Bảng 37: Tài sản cố định hữu hình.....	132
Bảng 38: Tài sản cố định vô hình.....	133
Bảng 39: Bất động sản thuộc quyền sở hữu của VAB đến 31/12/2024	133
Bảng 40: Bất động sản thuộc quyền sử dụng của VAB đến 31/12/2024	134

Bảng 41: Tài sản có khác	135
Bảng 42: Chi tiết các khoản phải thu của VAB đến 31/12/2024	135
Bảng 43: Chi tiết Tài sản có khác.....	138
Bảng 44: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	140

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2014-2024	7
Hình 2: Lạm phát giai đoạn 2014-2024.....	9
Hình 3: Tương quan VND và USD	12
Hình 4: Cơ cấu huy động vốn theo đối tượng khách hàng của VAB	55
Hình 5: Tình hình tiền gửi của khách hàng qua các năm	59
Hình 6: Tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn của VAB	59
Hình 7: Tình hình hoạt động tín dụng của VAB	67
Hình 8: Cơ cấu dư nợ cho vay theo kỳ hạn	68
Hình 9: Cơ cấu dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp	71

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần rủi ro bởi các yếu tố rủi ro sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

Cũng giống như các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, VAB phải đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, kết quả hoạt động, trong đó có các rủi ro cơ bản như rủi ro kinh tế, rủi ro luật pháp,... Tuy nhiên, với tư cách là tổ chức tín dụng thì VAB còn chịu các rủi ro đặc thù khác như rủi ro tín dụng, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh khoản, rủi ro liên quan đến cam kết ngoại bảng, và các rủi ro cụ thể khác.

Do đó, VAB luôn chú trọng việc xây dựng chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, nâng cao năng lực quản trị rủi ro đảm bảo quy định của pháp luật chuyên ngành và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

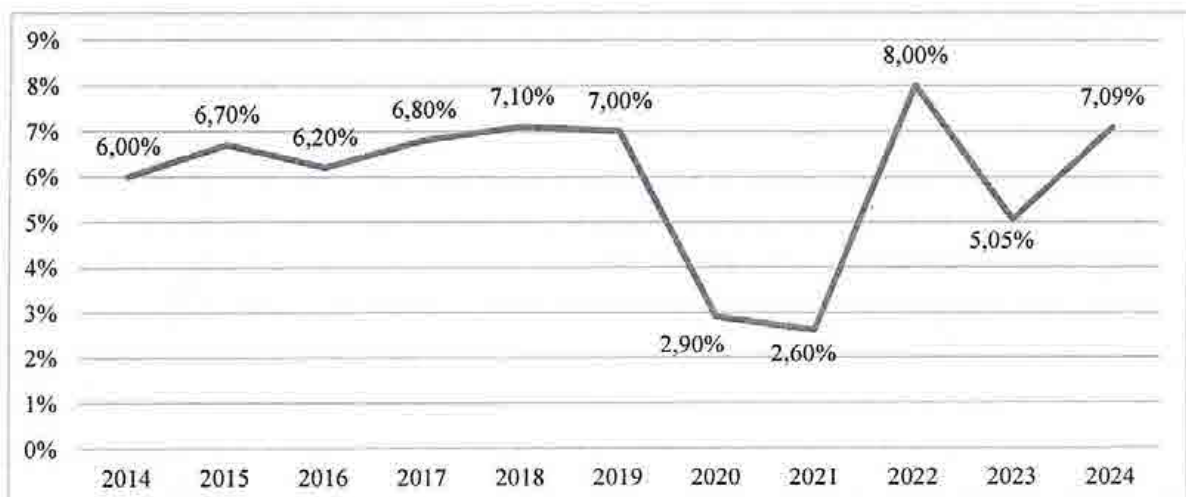
Một số rủi ro mà VAB thường xuyên đối mặt:

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2022 đạt 8,02% và năm 2023 giảm mạnh xuống 5,05%. GDP năm 2024 tăng mạnh trở lại đạt 7,09% so với năm trước.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2014-2024



Nguồn: Tổng cục thống kê

Năm 2024, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khó khăn nhiều hơn thuận lợi nhưng kinh tế Việt Nam đã đạt được tăng trưởng tích cực, quý sau cao hơn quý trước (Quý I tăng 5,98%, Quý II tăng 7,25%, Quý III tăng 7,43%, Quý IV tăng 7,55%)¹. Tính chung GDP cả năm 2024 tăng 7,09%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Các cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 3.692,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm trước, trong đó vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước. Nhìn chung, kinh tế của Việt Nam trong năm 2024 đạt được kết quả tích cực, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường.

Năm 2025, Quốc hội đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP của Việt Nam khoảng từ 6,5% đến 7,0%, phấn đấu từ 7,0% đến 7,5%². Tuy nhiên, Chính phủ đặt mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP năm 2025 đạt trên 8,0% hoặc cao hơn trong điều kiện thuận lợi. Một số tổ chức quốc tế Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) cũng dự thảo triển vọng tăng trưởng tích cực cho Việt Nam. Theo ADB, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2025 có thể đạt 6,6% nhờ sự phục hồi mạnh mẽ trong sản xuất, thương mại và các biện pháp tài khóa hỗ trợ. Tương tự, WB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam lên 6,5% trong năm 2025³.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) Quý I năm 2025 ước tính tăng 6,93% so với cùng kỳ năm 2024, đạt mức tăng cao nhất so với Quý I các năm trong giai đoạn 2020 - 2025. Kết quả tăng trưởng này đã vượt mục tiêu đặt ra cho Quý I năm 2025 của kịch bản tăng trưởng cả năm 6,5% - 7,0%, nhưng chưa đạt mục tiêu phấn đấu của kịch bản tăng trưởng năm 2025 đạt 8,0% do thế giới biến động nhanh, nhiều bất ổn đã ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%, đóng góp 6,09% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,42%, đóng góp 40,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,70%, đóng góp 53,74%.

Tuy đạt được những kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2024 và quý I năm 2025, nền kinh tế Việt Nam vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt đối với hệ thống ngân hàng. Một trong những rủi ro chính là tốc độ tăng trưởng kinh tế không đạt được như kỳ vọng trong các quý tiếp theo, gây ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng và chất lượng tài sản của ngân hàng. Nếu doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh do suy giảm đơn hàng hoặc chi phí đầu vào tăng cao, khả năng trả nợ đúng hạn sẽ bị ảnh hưởng, làm gia tăng nợ xấu trong hệ thống. Bên cạnh đó, nguy cơ xảy ra một cuộc chiến tranh thương mại toàn cầu mới, nhất là giữa các nền kinh tế lớn như Mỹ - Trung, có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng, làm giảm kim ngạch xuất nhập khẩu và ảnh hưởng

¹ Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2025/01/mot-so-diem-sang-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/>

² <https://quochoi.vn/hoatdongdbqh/Pages/tin-hoat-dong-dai-bieu.aspx?ItemID=90655>

³ <http://laodong.vn/kinh-doanh/du-bao-bat-ngo-ve-tang-truong-gdp-nam-2025-cua-viet-nam-1445510.lao>

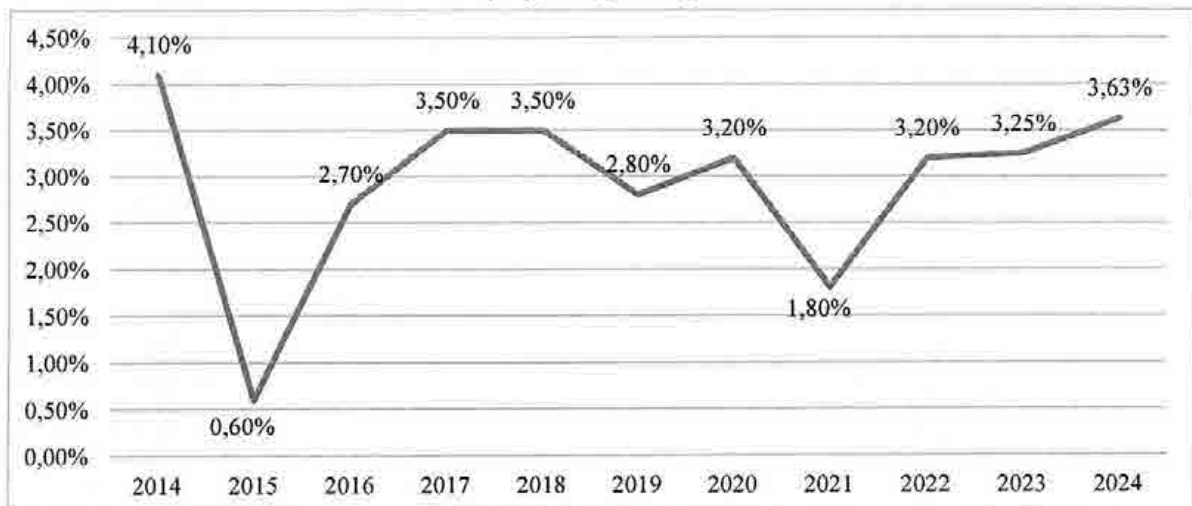
đến dòng vốn đầu tư quốc tế, từ đó tác động tiêu cực đến hoạt động tài chính – ngân hàng trong nước.

1.2. Lạm phát

Năm 2024, xung đột quân sự, biến động chính trị, bất ổn tiếp tục leo thang tại một số nước; kinh tế, thương mại toàn cầu phục hồi chậm, thiếu vững chắc; tổng cầu, đầu tư sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, tác động nặng nề tới phát triển kinh tế – xã hội và đời sống của người dân. Xu hướng cắt giảm lãi suất của một số ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới tiếp tục mở rộng do lạm phát đang tiến gần đến mục tiêu 2,0%. Ngày 12/12/2024, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) lần thứ tư trong năm giảm lãi suất thêm 0,25 điểm phần trăm xuống còn 3,0%/năm. Ngày 18/12/2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cũng tiếp tục cắt giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm xuống còn 4,25% - 4,5%/năm. Trong tháng 11/2024, lạm phát của Mỹ tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước; khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu tăng 2,2%, trong đó Tây Ban Nha tăng 2,4%; Đức tăng 2,2%; Pháp tăng 1,3%. Tại châu Á, lạm phát tháng 11/2024 của Ấn Độ tăng 5,5%; Nhật Bản tăng 2,9%; Phi-li-pin tăng 2,5%; In-đô-nê-xi-a tăng 1,6%; Hàn Quốc tăng 1,5%. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, CPI tháng 12/2024 tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước.⁴

Trong nước, năm 2024, Việt Nam đã kiểm soát lạm phát hiệu quả, với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,63% so với năm 2023, nằm dưới ngưỡng mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2024 tăng 2,71% so với năm trước, thấp hơn mức tăng CPI chung, chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục và y tế tăng.

Hình 2: Lạm phát giai đoạn 2014-2024



Nguồn: Tổng cục thống kê

⁴ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thanh-tuu-kiem-soat-lam-phat-nam-2024-va-ap-luc-lam-phat-trong-nam-2025/>

CPI bình quân Quý I năm 2025 tăng 3,22% so với cùng kỳ năm 2024 đến từ: Thuốc và dịch vụ y tế tăng 14,4%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,63%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,11%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,78%; đồ uống và thuốc lá tăng 2,26%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,16%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,57%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,17%; bưu chính viễn thông giảm 0,59%; giáo dục giảm 0,61%; giao thông giảm 2,4%.

Trước những biến động khó lường của nền kinh tế, VAB đã thực hiện xây dựng kế hoạch kinh doanh trên cơ sở thận trọng, phù hợp với chiến lược phát triển của VAB, vừa hạn chế tối đa những điểm tiêu cực, vận dụng những điểm tích cực của chính sách, nhằm đảm bảo kế hoạch tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà VAB đang đề ra.

1.3. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro cơ bản, ảnh hưởng đến thu nhập lãi và giá trị vốn kinh tế của ngân hàng. Rủi ro lãi suất là rủi ro phát sinh khi có sự biến động của chênh lệch lãi suất giữa lãi suất cho vay của ngân hàng với lãi suất phải trả cho việc đi vay, dẫn đến làm giảm thu nhập của ngân hàng. Có hai (02) yếu tố chính có thể gây nên những rủi ro về lãi suất trong hoạt động của ngân hàng thương mại, đó là:

- Lãi suất thị trường: Lãi suất là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí huy động vốn của ngân hàng, qua đó có thể gia tăng hoặc bào mòn lợi nhuận của ngân hàng. Trong nền kinh tế, lãi suất là yếu tố rất nhạy cảm đối với biến động của nền kinh tế; Hơn nữa, lãi suất là công cụ trong việc thực hiện chính sách tài chính tiền tệ của Chính phủ. Vì vậy, rủi ro lãi suất là rủi ro xuất hiện thường xuyên trong hoạt động kinh doanh ngân hàng.
- Mối quan hệ qua lại của tài sản Nợ và tài sản Có của ngân hàng: Cơ cấu tài sản Có, tài sản Nợ sẽ quyết định tình trạng rủi ro lãi suất của một ngân hàng. Tình trạng rủi ro lãi suất phụ thuộc vào mức độ cân đối giữa tài sản Có và tài sản Nợ mà điển hình là khi ngân hàng dùng tài sản Nợ ngắn hạn (có đặc trưng là lãi suất thay đổi) để đầu tư vào tài sản Có dài hạn (với đặc trưng là lãi suất cố định)

Trên thực, ảnh hưởng đối với thu nhập lãi do việc thay đổi lãi suất và sẽ phụ thuộc vào mức độ và thời gian thay đổi lãi suất, hành vi của các bên và ngày định giá lại theo thỏa thuận đối với tài sản có và tài sản nợ của VAB và khả năng thích ứng đối với thay đổi lãi suất của các khoản vay liên ngân hàng.

Rủi ro lãi suất là rủi ro thị trường, về cơ bản các ngân hàng thương mại sẽ không thể loại bỏ hoàn toàn rủi ro này. Để quản trị rủi ro lãi suất, Hội đồng ALCO của VAB đã thiết lập các giới hạn về khoảng chênh lệch kỳ hạn định lại lãi suất Tài sản Nợ - Tài sản Có nhạy cảm với lãi suất, các chỉ tiêu đo lường ảnh hưởng của biến động lãi suất đến thu nhập lãi thuần và xây dựng hệ thống báo cáo để cảnh báo khi gần đạt tới các giới hạn này.

1.4. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng phát sinh từ việc khách hàng chậm hoặc không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và các khoản phải trả khác theo cam kết. Nguyên nhân rủi ro tín dụng có thể là do kết quả kinh doanh sụt giảm của khách hàng dẫn đến khó khăn trong việc trả nợ, hoặc có thể do chủ ý lừa đảo của bên đi vay. Rủi ro tín dụng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận, khả năng thu hồi vốn và làm sụt giảm giá trị tài sản của Ngân hàng.

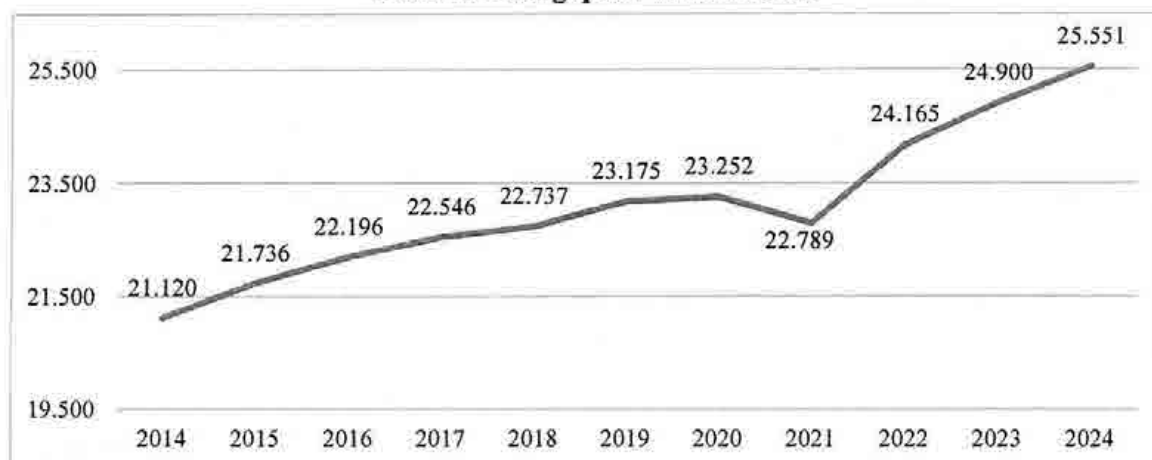
Để hạn chế rủi ro tín dụng, VAB luôn chú trọng vào việc xây dựng và triển khai hệ thống quản trị rủi ro xuyên suốt và hiệu quả. Trong đó, hoạt động tín dụng phải được xây dựng, đánh giá một cách bài bản và hướng vào các phân khúc ít rủi ro hơn như khách hàng có thu nhập và khả năng trả nợ cao, gia tăng các khoản cho vay thế chấp, cho vay ngắn hạn, thực hiện định hướng các ngành nghề trọng tâm như: Thiết bị y tế; Dược phẩm, Xuất nhập khẩu Logistic; Bất động sản Khu công nghiệp – nghỉ dưỡng du lịch; Xử lý môi trường; Năng lượng... Quy trình quản lý rủi ro tín dụng được phân tách đúng theo tinh thần tách biệt giữa các khâu như tiếp xúc khách hàng; thẩm định giá; thẩm định tín dụng; phê duyệt tín dụng theo từng hạn mức để hạn chế tối đa rủi ro; gian lận và tăng cường khả năng đánh giá.

Bên cạnh việc lựa chọn đối tượng khách hàng cho vay, VAB cũng đề cao việc xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro tín dụng nội bộ cho phép VAB kiểm soát được chất lượng tín dụng của khách hàng, có những cảnh báo sớm nhằm xác định sớm những thay đổi có thể xảy ra trong khả năng thanh toán của khách hàng. Cuối cùng, để đảm bảo có nguồn bù đắp tổn thất khi rủi ro xảy ra, VAB luôn tuân thủ và chủ động trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định.

1.5. Rủi ro về ngoại hối

VAB chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá hối đoái do một phần tài sản nợ và tài sản có của VAB được hạch toán bằng ngoại tệ, và do việc nắm giữ và giao dịch hối đoái và chứng khoán đầu tư, kể cả các công cụ phái sinh (như giao dịch hối đoái kỳ hạn, giao dịch hối đoái hoán đổi và giao dịch hối đoái quyền chọn) của Ngân hàng. Mặc dù VAB thực hiện nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro (hedging) để giảm thiểu rủi ro ngoại hối, nhưng các rủi ro liên quan đến ngoại hối vẫn có thể phát sinh khi VAB không thể dự đoán được một cách chính xác ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam ("VND") và Đô la Mỹ ("USD") và các tiền tệ khác đối với doanh thu và lãi biên của Ngân hàng. Ngoài ra, VND là đơn vị tiền tệ báo cáo của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Biến động tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng khi các tài sản có và tài sản nợ bằng ngoại tệ của VAB được chuyển đổi thành VND nhằm mục đích báo cáo tài chính. Nếu VND tăng giá so với các ngoại tệ, giá trị các tài sản có bằng ngoại tệ sẽ giảm (mặc dù giá trị tài sản nợ bằng ngoại tệ cũng giảm). Ngược lại, nếu VND giảm giá so với các ngoại tệ, giá trị các tài sản có bằng ngoại tệ sẽ tăng (nhưng giá trị tài sản nợ bằng ngoại tệ cũng tăng). Điều này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính của Ngân hàng.

Hình 3: Tương quan VND và USD



Nguồn: Investing.com

Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND đã trải qua biến động đáng kể, với đồng Việt Nam (VND) mất giá khoảng 4,31% so với đồng đô la Mỹ (USD). Cụ thể, tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) niêm yết vào ngày 31/12/2024 đạt 24.335 VND/USD, tăng gần 2% so với đầu năm. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá chốt phiên cuối năm ở mức 25.485 VND/USD, tăng 5,1% so với cuối năm 2023. Tỷ giá tại các ngân hàng thương mại niêm yết mức mua vào - bán ra là 25.221 – 25.551 VND/USD, trong khi thị trường tự do giao dịch quanh mức 25.750 – 25.850 VND/USD. Bình quân Quý I năm 2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,63%.

Rủi ro xảy ra chiến tranh thương mại, chiến tranh tiền tệ giữa các quốc gia vẫn khiến cho tỷ giá biến động rất mạnh trong thời gian tới. Để quản trị rủi ro ngoại hối, VAB đã đặt ra các giới hạn về trạng thái đối với từng loại tiền tệ đồng thời giám sát các trạng thái này hằng ngày, theo dõi thường xuyên biến động giá, lãi suất của các loại tiền tệ để đánh giá tác động và cảnh báo, khuyến nghị về việc nắm giữ các trạng thái này cũng như đưa ra các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro kịp thời. Ngoài ra, VAB cũng sử dụng các công cụ đo lường rủi ro như công cụ VAR để quản lý rủi ro biến động tỷ giá.

1.6. Rủi ro về thanh toán

Rủi ro thanh toán (rủi ro thanh khoản) phát sinh trong quá trình VAB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Ngân hàng. Rủi ro tiềm tàng về tính thanh khoản luôn tồn tại trong hoạt động của các ngân hàng Việt Nam, kể cả VAB, do (i) lệch kỳ hạn đáo hạn giữa vốn huy động từ tiền gửi và các khoản cho vay khách hàng; hoặc do (ii) khách hàng vay không trả nợ đúng hạn. Với đặc tính thị trường, do khoảng lãi suất giữa các kỳ hạn huy động không đủ hấp dẫn và biến động, nên VAB cũng giống các ngân hàng khác, tỷ trọng tiền gửi ngắn hạn và không kỳ hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số tiền gửi của khách hàng. Theo các nghiên cứu phân tích đánh giá, do thị trường Việt Nam còn thiếu các sản phẩm đầu tư thay thế, tỷ lệ lớn các khoản tiền gửi ngắn hạn không rút tiền trước thời hạn và thường quay vòng tiền gửi

thêm một hoặc nhiều kỳ hạn. Do vậy, đây là một nguồn vốn huy động trung hạn ổn định của các ngân hàng.

Để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đảm bảo an toàn vốn, VAB xây dựng và vận hành các chính sách, quy định quản lý rủi ro thanh khoản và hệ thống các chỉ số, giới hạn kiểm soát, cảnh báo sớm khả năng xảy ra rủi ro thanh khoản. Ngoài ra VAB cũng dự phòng các tài sản có tính thanh khoản cao ở mức hợp lý và chú trọng đàm phán với các tổ chức tín dụng khác để cấp cho VAB hạn mức tín dụng để dự phòng cho nhu cầu thanh toán khi cần thiết.

1.7. Rủi ro về các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình kinh doanh thông thường, VAB đưa ra các cam kết tài trợ cho khách hàng, và các cam kết không được ghi nhận là nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán (kể cả các chấp thuận thanh toán, bảo lãnh và thư tín dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng của khách hàng của VAB, v.v.). VAB có thể phải chịu rủi ro tín dụng trong các cam kết ngoại bảng của mình do các cam kết ngoại bảng này cần được thực hiện trong một số trường hợp nhất định. Nếu VAB không thể thu hồi được khoản thanh toán từ các khách hàng của mình liên quan đến các cam kết mà VAB đã thực hiện, thì kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của VAB có thể bị ảnh hưởng bất lợi.

VAB chủ trương kiểm soát chặt chẽ các hoạt động cam kết ngoại bảng; các khoản cam kết cấp tín dụng đều được đảm bảo đầy đủ bằng tài sản bảo đảm (TSBĐ); ngoài ra các khoản cam kết trong hoạt động kinh doanh ngoại hối được kiểm soát trực tuyến khi phát sinh cam kết; nằm trong giới hạn được Hội đồng quản trị (HDQT) ban hành và được đánh giá theo giá thị trường hàng ngày.

2. Rủi ro luật pháp

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tăng trưởng nhanh chóng. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách của Việt Nam vẫn chưa đồng bộ và ổn định như các nền kinh tế đã phát triển. Thêm vào đó, sự thay đổi chính sách hay cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với các doanh nghiệp trong nước.

Lĩnh vực hoạt động của VAB là tài chính – tiền tệ, là một lĩnh vực nhạy cảm và có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt hoạt động xã hội. Vì vậy, ngoài những văn bản quy phạm pháp luật chung của Nhà nước, hoạt động của VAB còn được điều chỉnh bởi một hệ thống các văn bản dưới luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN). Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là văn bản của Ngân hàng Nhà nước đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của VAB. Tuy nhiên, với tình hình tài chính minh bạch, kinh nghiệm quản trị, điều hành – kiểm soát được đúc kết qua nhiều năm hoạt động, cùng với định hướng phát triển ổn định của NHNN những năm gần đây đã tạo điều kiện thuận lợi cho VAB thích ứng nhanh với những thay đổi từ hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

Bên cạnh đó, VAB luôn chủ động cập nhật các văn bản pháp luật và phổ biến cho toàn thể cán bộ nhân viên. VAB cũng đã xây dựng các quy trình, quy định để đảm bảo bộ phận phụ trách về Pháp chế của Ngân hàng tham gia và kiểm soát quá trình xây dựng và ban hành các quy trình, quy định, các chính sách, sản phẩm... mới nhằm đảm bảo hoạt động của VAB luôn tuân thủ với các quy định hiện hành, cập nhật với các quy định dự kiến sẽ ban hành của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Bên cạnh những rủi ro vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của VAB.

3.1. Rủi ro hoạt động ngành ngân hàng

Rủi ro hoạt động có thể phát sinh từ việc các quy định nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VAB.

Để hạn chế rủi ro hoạt động, VAB đã triển khai áp dụng những hệ thống quy định/quy trình nhằm phát hiện sớm những rủi ro hoạt động. Bên cạnh đó, VAB cũng ban hành hệ thống các quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và các hình thức kỷ luật/khen thưởng đối với các hành vi ứng xử vi phạm quy tắc/chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp nhằm hạn chế rủi ro hoạt động. Để nâng cao ý thức tuân thủ và hiểu biết của cán bộ nhân viên về rủi ro hoạt động, VAB thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, tập huấn, truyền thông cho cán bộ nhân viên về nghiệp vụ, ý thức và kiến thức quản trị rủi ro hoạt động.

3.2. Rủi ro về tài sản đảm bảo

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tăng trưởng nhanh chóng. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách của Việt Nam vẫn chưa đồng bộ và ổn định như các nền kinh tế đã phát triển. Thêm vào đó, sự thay đổi chính sách hay cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với các doanh nghiệp trong nước.

Lĩnh vực hoạt động của VAB là tài chính – tiền tệ, là một lĩnh vực nhạy cảm và có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt hoạt động xã hội. Vì vậy, ngoài những văn bản quy phạm pháp luật chung của Nhà nước, hoạt động của VAB còn được điều chỉnh bởi một hệ thống các văn bản dưới luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN). Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là văn bản của Ngân hàng Nhà nước đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của VAB. Tuy nhiên, với tình hình tài chính minh bạch, kinh nghiệm quản trị, điều hành – kiểm soát được đúc kết qua nhiều năm hoạt động, cùng với định hướng phát triển ổn định của NHNN những năm gần đây đã tạo điều kiện thuận lợi cho VAB thích ứng nhanh với những thay đổi từ hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

Bên cạnh đó, VAB luôn chủ động cập nhật các văn bản pháp luật và phổ biến cho toàn thể các cán bộ công nhân viên. VAB cũng đã xây dựng các quy trình, quy định để đảm bảo bộ phận phụ trách về Pháp chế của Ngân hàng tham gia và kiểm soát quá trình xây dựng và ban hành các quy trình, quy định, các chính sách, sản phẩm... mới nhằm đảm bảo hoạt động của VAB là tuân thủ với các quy định hiện hành, cập nhật với các quy định dự kiến sẽ ban hành của pháp luật.

3.3. *Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin (“CNTT”)*

VAB sử dụng hệ thống CNTT để thực hiện một số lượng lớn các nghiệp vụ, các giao dịch một cách chính xác và kịp thời, đồng thời lưu trữ và xử lý về cơ bản tất cả các dữ liệu liên quan đến công việc kinh doanh và các hoạt động của mình. Việc ứng dụng hệ thống CNTT cho hoạt động kiểm soát tài chính, quản trị rủi ro (QTRR), phân tích tín dụng và báo cáo, hạch toán, kế toán, dịch vụ khách hàng và các hệ thống khác, cũng như các mạng lưới liên lạc giữa các chi nhánh của VAB và các trung tâm xử lý dữ liệu chính vận hành tốt có tính quyết định đối với hoạt động kinh doanh và năng lực cạnh tranh hiệu quả của VAB. Vì vậy, các hoạt động như đột nhập vào hệ thống mạng, vi phạm bảo mật dữ liệu cũng ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống CNTT, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của Ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro từ hệ thống CNTT, VAB đã xây dựng một bộ phận chuyên trách về An ninh Thông tin để quản lý, phát hiện và xử lý các vấn đề về an ninh thông tin, chủ động xây dựng các giải pháp ngăn chặn và phản ứng phù hợp để đảm bảo sự an toàn và an ninh cho mọi giao dịch của khách hàng.

3.4. *Rủi ro biến động giá cổ phiếu*

Cổ phiếu VAB khi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giúp Ngân hàng quảng bá thương hiệu, nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển, chuẩn mực hóa hoạt động quản trị Ngân hàng và tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu VAB sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu và mối quan hệ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình chính trị, xã hội, kinh tế trong nước và quốc tế, hoạt động của Ngân hàng cũng như các thay đổi về luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý, cách thức giao dịch và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường. Đồng thời trong trường hợp VAB thực hiện chào bán/phát hành tăng vốn, thu nhập trên cổ phiếu bị pha loãng. Do vậy, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là không tránh khỏi hay sự tăng giảm giá cổ phiếu của VAB sẽ là một yếu tố khó lường trước.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như chiến tranh, thiên tai, hòa loạn, bão lụt, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, ... là những rủi ro bất khả kháng. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của VAB. Đây là các rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, VAB thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, chủ động tham gia mua bảo hiểm cho cán bộ nhân viên của VAB, xây dựng kịch bản và phương án ứng phó với các sự kiện bất ngờ ...

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

Ông Phương Thành Long	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Trọng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Công	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Kim Phụng	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Đại diện theo pháp luật:

Ông Hồ Anh Dũng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
------------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết số 23.4/HĐTVNY/NSI-VAB ngày 23/04/2025 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á cung cấp.

(Phần còn lại của trang đang được cố ý bỏ trống)

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

ATM	: Máy rút tiền tự động
BCTC	: Báo cáo tài chính
BĐS	: Bất động sản
BKS	: Ban Kiểm soát
CA	: Công an
CBNV	: Cán bộ nhân viên
CCCD	: Căn cước công dân
CCTC	: Công cụ tài chính
CCTG	: Chứng chỉ tiền gửi
CMND	: Chứng minh nhân dân
CNDKKD	: Chứng nhận đăng ký kinh doanh.
CTCP	: Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HC	: Hộ chiếu
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
HĐTV	: Hội đồng Thành viên
HOSE/HSX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
KHCL	: Khách hàng chiến lược
KHCN	: Khách hàng cá nhân
KHDN	: Khách hàng doanh nghiệp
LNST	: Lợi nhuận sau thuế

MTV	: Một thành viên
Ngân hàng/VietABank/VAB	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á
QLDN	: Quản lý doanh nghiệp
QTRR	: Quản trị rủi ro
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TMCP	: Thương mại cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP,	: Thành phố
TSCĐ	: Tài sản cố định
TSLĐ	: Tài sản lưu động
TCTD	: Tổ chức tín dụng
NHNNVN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
VĐL	: Vốn điều lệ

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết

Tên tổ chức: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á**
Tên tiếng anh: **VIETNAM - ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
Tên viết tắt: **VAB**
Trụ sở: Tầng 4 và 5, toà nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: 024 3933 3636
Fax: 024 3933 6426
Website: <https://vietabank.com.vn/>

Logo:



Mã cổ phiếu: **VAB**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103001665 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19/06/2003, số 0302963695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 17/05/2023

Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số: 55/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 31/05/2019.

Vốn điều lệ: 5.399.600.430.000 đồng (Bằng chữ: Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Vốn điều lệ thực góp: 5.399.600.430.000 đồng (Bằng chữ: Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại Cổ phần số: 55/GP-NHNN ngày 31/05/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gồm: Hoạt động trung gian tiền tệ khác, dịch vụ ngân hàng và các hoạt động khác của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á là một trong những ngân hàng trẻ trong hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam, được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 04/07/2003. Ngân hàng được hình thành trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Tài chính Cổ phần Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đà Nẵng, theo Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 09/05/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cùng ngày, VAB được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 12/NH-GP, với trụ sở chính đặt tại số 115 – 121 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31/05/2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/GP-NHNN, xác lập trụ sở chính tại địa chỉ: 34A và 34B phố Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Từ năm 2019 đến nay, VAB chính thức chuyển trụ sở chính ra Hà Nội và liên tục duy trì hoạt động điều hành tại đây. Từ năm 2021, trụ sở chính được đặt tại Tầng 4 và 5, Tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, VAB đã không ngừng mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao chất lượng sản phẩm – dịch vụ và từng bước khẳng định vị thế trên thị trường tài chính – ngân hàng Việt Nam. Với phương châm hoạt động “Đồng hành cùng khát vọng”, VAB cam kết đồng hành cùng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, trở thành đối tác tin cậy trong hành trình phát triển kinh tế bền vững của đất nước. Với mục tiêu lấy sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm của hoạt động kinh doanh, VAB liên tục hoàn thiện cơ chế hoạt động, đào tạo đội ngũ CBNV toàn hệ thống nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng. VAB luôn nỗ lực để khẳng định vị trí là ngân hàng uy tín cao trên thị trường, cùng với chất lượng dịch vụ tốt và mặt bằng lãi suất hấp dẫn, qua đó cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng tốt, an toàn và linh hoạt.

Hiện nay, VAB đang triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ ưu đãi như: Tài khoản ký quỹ dành cho các doanh nghiệp, Gói cho vay ưu đãi 1.000 tỷ đồng, Chương trình gắn kết phát triển dành cho Hội viên Hội Doanh Nhân Trẻ Việt Nam,... Đặc biệt, VAB luôn nỗ lực hoàn thiện và phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử nhằm tiện lợi hóa giao dịch khách hàng với mức độ an toàn và bảo mật cao nhất.

Trong các năm qua, VAB đã nhận được nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế như: Top 500 thương hiệu lớn nhất Việt Nam, thương hiệu mạnh ASEAN, ngân hàng phát triển bền vững nhất Việt Nam nhiều năm liền, giải thưởng "Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam" do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam vinh danh và Giải thưởng “Doanh nghiệp phát triển bền vững” do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam & Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) trao tặng ... VAB sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm - dịch vụ, hệ thống

ngân hàng điện tử, chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng để nâng tầm thương hiệu trở thành một doanh nghiệp Việt Nam phát triển vững mạnh trong thị trường tài chính.

Những danh hiệu trên là kết quả ghi nhận sự cố gắng không ngừng nghỉ của tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên ngân hàng trong suốt thời gian qua, nhằm mang đến khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tiện ích và chất lượng. Sự yêu mến, tin tưởng và lựa chọn của quý khách hàng là động lực để VAB tiếp tục hoàn thiện cơ chế hoạt động. Mục tiêu của VAB trong thời gian tới là tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, tăng cường năng lực tài chính, nâng cao uy tín trên thị trường dựa trên việc chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Nhà nước nói chung và quy chế ngành nói riêng.

1.3. Các giải thưởng và thành tựu đạt được

Bảng 1: Các giải thưởng và thành tựu đạt được

Thời gian	Chi tiết
2012	<ul style="list-style-type: none"> ▪ "Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2012" do Báo đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn. ▪ "Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2012" do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng. ▪ Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
2013	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giải "Sao Vàng Đất Việt" do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam bình chọn. ▪ "Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2013" do Báo đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn. ▪ "Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2013" do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng. ▪ Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam. ▪ Giải thưởng "Doanh nghiệp phát triển bền vững" do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) chứng nhận. ▪ Trao thưởng 1 trong 20 đơn vị chấp hành tốt Quy chế hoạt động thông tin tín dụng của NHNN.
2014	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đạt chỉ số tín nhiệm "Doanh nghiệp phát triển bền vững – Sustainable Development Business 2014" do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) chứng nhận. ▪ "Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2014" do Báo đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn.

Thời gian	Chi tiết
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ "Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2014" do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng. ▪ "Ngân hàng điện tử được yêu thích – My Ebank" do Báo điện tử VNExpress tổ chức trao giải. ▪ "Doanh Nghiệp Xuất Sắc nhất năm 2014" dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của VietNam Report. ▪ "Thương hiệu Vàng Việt Nam năm 2014" do Liên hiệp các hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam, Hội tiêu chuẩn và Bảo vệ Người tiêu dùng Việt Nam phối hợp cùng Báo Người Tiêu Dùng tiến hành khảo sát và bình chọn. ▪ "Thương hiệu nổi tiếng trong Hội nhập kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương" do sự bảo trợ của Cục Xúc Tiến Thương Mại – Bộ Công Thương, Trung tâm Empretec Việt Nam – Trung tâm đầu tiên tại Châu Á trong chương trình quản lý của Tổ chức Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), VCCI, Trung tâm Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương phối hợp tổ chức và trao giải.
2015	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giải "Sao Vàng Đất Việt" do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam bình chọn. ▪ Đạt chỉ số tín nhiệm "Doanh nghiệp phát triển bền vững – Sustainable Development Business 2015" do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) chứng nhận. ▪ "Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2015" do Bạn đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn. ▪ "Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2015" do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng. ▪ Giải thưởng "Thương hiệu vì cộng đồng".
2016	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đạt chỉ số tín nhiệm "Doanh nghiệp phát triển bền vững - Sustainable Development Business 2016" do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức - Châu Âu) chứng nhận. ▪ Giải thưởng "Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam" do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam vinh danh. ▪ Giải thưởng "Thương hiệu mạnh Việt Nam 2016" do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục xúc tiến thương mại (Bộ Công thương) bình chọn và trao thưởng.
2017	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giải thưởng "Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam" do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report) và báo điện tử Vietnamnet bình chọn.

Thời gian	Chi tiết
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2017” do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục xúc tiến thương mại (Bộ Công thương) trao tặng. ▪ Giải thưởng “Top 10 Thương hiệu tín nhiệm” do Viện chất lượng Việt Nam kết hợp cùng Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm phát triển tài sản trí tuệ - Cục sở hữu trí tuệ trao tặng.
2018	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giải thưởng “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2018” do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report) và báo điện tử Vietnamnet bình chọn. ▪ Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. ▪ Giải thưởng “Ngân hàng Phát triển bền vững nhất Việt Nam 2018” (Best Bank for Sustainable Development Vietnam 2018) do tạp chí Global Banking and Finance Review (Vương quốc Anh) bình chọn và trao tặng.
2019	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Danh hiệu Sao Khuê do Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam trao tặng. ▪ Giải thưởng “Ngân hàng Phát triển bền vững nhất Việt Nam 2019” (Best Bank for Sustainable Development Vietnam 2019) do tạp chí Global Banking and Finance Review (Vương quốc Anh) bình chọn và trao tặng. ▪ Giải thưởng Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất (Best Savings Bank) do Global Business Outlook (Vương quốc Anh) bình chọn. ▪ Chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp, Top 10 Doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế năm 2018 do Trung tâm thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp trao tặng. ▪ Top 100 Sản phẩm – Dịch vụ được Tin & Dùng do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng.
2020	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nâng hạng trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. ▪ Ngân hàng phát triển bền vững nhất Việt Nam. ▪ Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất.
2021	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Moody’s xếp hạng tín nhiệm B2 và đánh giá triển vọng ổn định. ▪ Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021 được trao bởi Tạp chí Kinh tế Việt Nam ▪ Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2021 được trao bởi Trung tâm nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á ▪ Giải thưởng “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2021” do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report) và báo điện tử Vietnamnet bình chọn.

Thời gian	Chi tiết
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất Việt Nam 2021 được trao bởi Tạp chí Global Business Outlook (Tạp chí tài chính nổi tiếng của Vương quốc Anh) ▪ Dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp tốt nhất Việt Nam được trao bởi Tạp chí Global Business Outlook (Tạp chí tài chính nổi tiếng của Vương quốc Anh) ▪ Ngân hàng phát triển bền vững nhất Việt Nam 2021 được trao bởi Global Banking and Finance Review (Tạp chí tài chính nổi tiếng của Vương quốc Anh)
2022	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam được trao bởi Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam và báo điện tử Vietnamnet. ▪ Ngân hàng phát triển bền vững nhất Việt Nam. ▪ Năm thứ 2 Moody's xếp hạng tín nhiệm B2 và đánh giá triển vọng ổn định. ▪ Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất Việt Nam. ▪ Thương hiệu mạnh ASEAN. ▪ TOP 10 sản phẩm tốt người Việt tin dùng.
2023	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất năm 2023 do Tổng cục Thuế công bố. ▪ Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2023 Được trao bởi Công ty cổ phần Nghiên cứu Kinh doanh Việt Nam và Báo đầu tư. ▪ VietNam Top 500 Best Employers 2023. ▪ Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam 2023 do Liên hiệp Khoa học Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam bình chọn. ▪ “Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất Việt Nam 2023” – Best Savings Bank do Global Outlook – GBO (Vương Quốc Anh) bình chọn. ▪ Năm thứ 3 liên tiếp xếp hạng tín nhiệm B2 và đánh giá triển vọng ổn định do tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín hàng đầu thế giới Moody's công bố
2024	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm thứ 4 liên tiếp xếp hạng tín nhiệm B2 và đánh giá triển vọng ổn định do tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín hàng đầu thế giới Moody's công bố ▪ Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2023 được trao bởi Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam và báo điện tử Vietnamnet ▪ Sản phẩm, Dịch vụ Đổi mới – Sáng tạo – Hiệu quả của năm ngành Ngân hàng (Products of the year - POY) do Công ty CP Nghiên cứu Kinh doanh Việt Nam (Viet Research) và Báo Đầu tư bình chọn

Thời gian	Chi tiết
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngân hàng phát triển bền vững nhất Việt Nam (Best Bank for Sustainable Development Vietnam 2024) được trao bởi Tạp chí Global Banking and Finance Review (Vương quốc Anh) ▪ Top 10 Thương hiệu Xanh Việt Nam do Hiệp hội Công nghiệp Môi trường Việt Nam bình chọn ▪ Top 5 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất Ngành Tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán và Top 33 Nhà tuyển dụng yêu thích nhất toàn ngành theo kết quả khảo sát Employer of Choice 2024 do CareerViet phối hợp cùng công ty nghiên cứu thị trường Amco Việt Nam tổ chức.

Nguồn: VAB

2. Giới thiệu về quá trình tăng vốn điều lệ của Ngân hàng

Ngày 04/07/2003, VAB thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Ngân hàng TMCP Nông thôn Đà Nẵng và Công ty Tài chính cổ phần Sài Gòn theo Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 09/5/2003 của Thống đốc NHNN v/v Cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với Ngân hàng TMCP Việt Á với mức vốn điều lệ ban đầu là 75.729 triệu đồng (Bảy mươi lăm tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu đồng). Ngân hàng TMCP Việt Á đã thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, và được sự giám sát của NHNNVN.

Năm 2007, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á được chấp thuận đăng ký công ty đại chúng, quá trình tăng vốn của VAB từ khi thành lập đến nay như sau:

Bảng 2: Quá trình tăng vốn của VAB từ khi thành lập

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Vốn điều lệ trước khi tăng	Vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Văn bản, báo cáo
Năm 2003	75.729.000	0	75.729.000	Vốn Điều lệ (VDL) đã có sau khi hợp nhất	- Giấy phép số 12/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 09/5/2003; - Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 19/6/2003.

(Lần 1) Năm 2003	75.729.000	39.709.000	115.438.000	Cổ đông góp vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Số 1141/NHNN-HCM.02 ngày 02/12/2003 của NHNN Chi nhánh (CN) TP.HCM về việc (v/v) chấp thuận cho VAB thay đổi mức VDL từ 75,729 tỷ đồng lên 150,729 tỷ đồng; - Số 037/NHNN-HCM.02 ngày 07/01/2004 của NHNN CN TP.HCM v/v VAB xin gia hạn thời gian thay đổi mức VDL; - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 25/12/2003 (mức vốn 115,438 tỷ đồng).
(Lần 2) Năm 2004	115.438.000	17.807.000	133.245.000	Cổ đông góp vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 20/5/2004 (mức VDL 133,245 tỷ đồng).
(Lần 3) Năm 2004	133.245.000	57.194.000	190.439.000	Cổ đông góp vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Số 953/NHNN-HCM.02 ngày 18/6/2004 của NHNN CN TP.HCM v/v chấp thuận cho VAB thay đổi mức VDL từ 133,245 tỷ đồng lên 200,245 tỷ đồng;

					- Số 1713/NHNN-HCM.02 ngày 20/10/2004 của NHNN CN TP.HCM v/v VAB xin gia hạn thời gian thay đổi mức VDL lên 200,245 tỷ đồng; - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 ngày 09/12/2004 (mức VDL 190,439 tỷ đồng).
(Lần 4) Năm 2005	190.439.000	59.902.000	250.341.000	Cổ đông góp vốn	- Số 1486/NHNN-HCM.02 ngày 08/7/2005 của NHNN CN TP.HCM v/v VAB xin thay đổi mức VDL lên 250,439 tỷ đồng; - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 07 ngày 13/12/2005 (mức VDL 250,341 tỷ đồng).
(Lần 5) Năm 2006	250.341.000	70.011.000	320.352.000	- Cổ đông góp vốn: 52,483 tỷ đồng; - Quỹ dự trữ bổ sung VDL 17,528 tỷ đồng.	- Số 749/NHNN-HCM.02 ngày 08/7/2005 của NHNN CN TP.HCM v/v VAB xin thay đổi mức VDL lên 500,341 tỷ đồng; - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần
(Lần 6)	320.352.000	91.278.000	411.630.000	Cổ đông góp vốn	

Năm 2006					08 ngày 10/8/2006 (mức VĐL 320,352 tỷ đồng);
(Lần 7) Năm 2006	411.630.000	88.700.000	500.330.000	Cổ đông góp vốn	- Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 27/9/2006 (mức VĐL 411,630 tỷ đồng); - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 27/12/2006 (mức VĐL 500,330 tỷ đồng).
(Lần 8) Năm 2007	500.330.000	249.670.000	750.000.000	- Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung VĐL và thặng dư vốn cổ phần năm 2006): 150,204 đồng	- Số 1001/NHNN- HCM.02 ngày 09/7/2007 của NHNN CN TP.HCM v/v thay đổi VĐL từ 500,330 tỷ đồng lên 1.125 tỷ đồng của VAB;
(Lần 9) Năm 2007	750.000.000	250.000.000	1.000.000.000	- Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 249,670 tỷ đồng. - Phát hành cho Đối tác chiến lược trong nước: 99,795 tỷ đồng.	- Công văn số 1208/UBCK-QLPH không phản đối về nguyên tắc việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần; - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 198/UBCK-GCN; - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 11 ngày 28/11/2007 (mức VĐL 750 tỷ đồng);

					- Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 ngày 31/12/2007 (mức VDL 1.000 tỷ đồng).
(Lần 10) Năm 2008	1.000.000.000	104.834.860	1.104.834.860		- Số 1051/NHNN-HCM.02 ngày 26/6/2008 của NHNN CN TP.HCM v/v thay đổi VDL từ 1.000 tỷ đồng lên 1.354.834.860.000 đồng của VAB;
(Lần 11) Năm 2008	1.104.834.860	255.000.000	1.359.834.860	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2007: 104,834 tỷ đồng; - Thặng dư vốn cổ phần năm 2007: 250 tỷ đồng; - Quỹ thặng dư vốn cổ phần năm 2006 để thưởng cho CBNV: 05 tỷ đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số 10069/NHNN-CNH ngày 13/11/2008 của NHNN v/v chấp thuận cho VAB tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần năm 2006; - Số 2079/NHNN-HCM.02 ngày 18/11/2008 của NHNN CN TP.HCM v/v VAB tăng VDL từ 1.354.834.860.000 đồng lên 1.359.834.860.000 đồng; - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 13 ngày 15/11/2008 (VDL 1.104.834.860.000 đồng);

					<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 14 ngày 31/12/2008 (VĐL 1.359.834.860.000 đồng).
(Lần 12) Năm 2009	1.359.834.860	155.502.050	1.515.336.910		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 số 40Đ/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/3/2009; - Số 243/NHNN-HCM.08 ngày 29/01/2010 của NHNN CN TP.HCM v/v gia hạn thời gian thay đổi mức VĐL của VAB; - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 445/UBCK-GCN ngày 03/11/2009; - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 15 ngày 11/12/2009 (VĐL 1.515.336.910.000 đồng); - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 16 ngày 03/02/2010 (VĐL 1.631.801.830.000 đồng).
(Lần 13) Năm 2010	1.515.336.910	116.464.920	1.631.801.830	Chào bán cho cổ đông hiện hữu	

(Lần 14) Năm 2010	1.631.801.830	455.793.170	2.087.595.000	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2009: 95,79317 tỷ đồng. Nhà đầu tư, đối tác trong nước: 360 tỷ đồng.	- Số 5531/NHNN-TTGSNH ngày 26/7/2010 của NHNN v/v tăng VDL năm 2010 của VAB (tăng lên 3.000 tỷ đồng); - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 17 ngày 01/11/2010 VDL 2.087.595.000.000 đồng); - Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 18 ngày 29/12/2010 (VDL 2.936.893.200.000 đồng).
(Lần 15) Năm 2010	2.087.595.000	849.298.200	2.936.893.200	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đối tác trong nước: 849,2982 tỷ đồng.	
(Lần 16) Năm 2011	2.936.893.200	161.106.800	3.098.000.000	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.	- Số 2922/QĐ-NHNN ngày 06/12/2010 của NHNN về thời hạn chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu của VAB để thực hiện tăng vốn điều lệ (161.106.800.000 đồng); - Số 296/QĐ-NHNN ngày 17/02/2012 của NHNN v/v sửa đổi VDL ghi trong Giấy phép hoạt động của VAB (VDL

					3.098.000.000.000 đồng);
					- Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 19 ngày 28/02/2011.
(Lần 17) Năm 2015	3.098.000.000	401.990.470	3.499.990.470	<p>Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ Dự trữ bổ sung VDL: 170,690 tỷ đồng;</p> <p>Phát hành cổ phần chào bán riêng lẻ: 231,300 tỷ đồng.</p>	<p>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 077A/NQ-ĐHĐCĐ/14 ngày 25/4/2014 của VAB;</p> <p>- Nghị quyết số 046/NQ-HĐQT/15 ngày 01/4/2015 của Hội đồng Quản trị VAB;</p> <p>- Nghị quyết số 076/NQ –HĐQT/15 ngày 21/4/2015 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng;</p> <p>- Nghị quyết số 76-2/NQ-HĐQT/15 ngày 21/4/2015 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng.</p> <p>- Số 3423/NHNN-TTGSNH ngày 19/5/2015 của NHNN v/v VAB tăng vốn từ 3.098 tỷ đồng lên 3.500 tỷ đồng;</p> <p>- Số 7354/UBCK-QLPH ngày 24/11/2015 v/v đăng ký chào bán cổ phiếu</p>

					<p>riêng lẻ, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.</p> <p>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 061/CV-HĐQT/15 ngày 18/12/2015 của VAB;</p>
					<p>- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 5960/CV-VAB/15 ngày 24/12/2015 của Ngân hàng;</p> <p>- Công văn số 8003/UBCK-QLPH ngày 28/12/2015 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phần riêng lẻ;</p> <p>- 333/QĐ-NHNN ngày 01/3/2018 của NHNN v/v sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của VAB;</p> <p>- Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 25 ngày 07/11/2017</p>

					do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp.
(Lần 18) Năm 2020	3.499.990.470	949.645.200	4.449.635.670	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 151/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2020; - Công văn số 10088/NHNN-TTGSNH ngày 25/12/2019 của NHNN;
					<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận số 45/GCN-UBCK ngày 26/3/2020; - Công văn số 7191/UBCK-QLCB ngày 07/12/2020 của UBCKNN; - Quyết định số 949/QĐ-NHNN ngày 02/6/2021 của NHNN; - Đăng ký kinh doanh lần thứ 28 ngày 16/6/2021 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp.

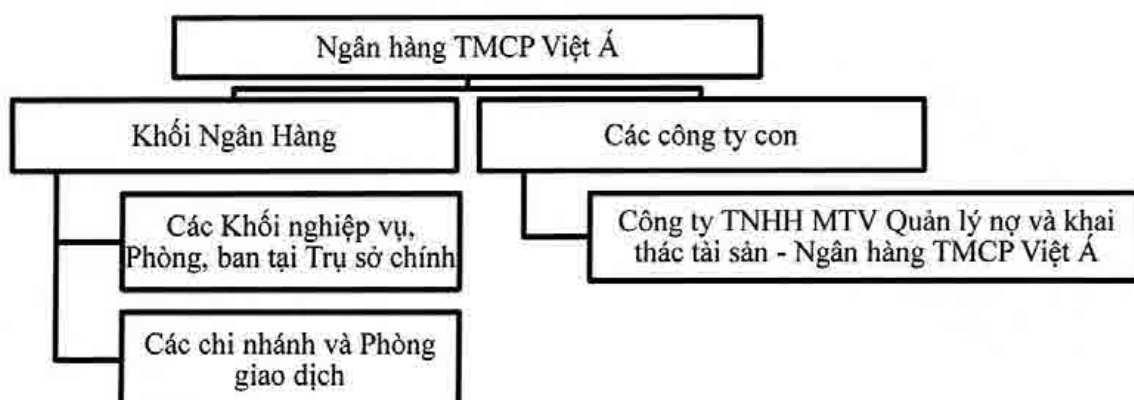
(Lần 19) Năm 2022	4.449.635.670	949.964.760	5.399.600.430	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2021; - Công văn số 905/NNHN-TTGSNH ngày 23/12/2021 của NHNN; - Công văn số 9154/UBCK-QLCB ngày 31/12/2021; - Công văn số: 672/UBCK-QLCB ngày 14/02/2022 của UBCKNN v/v Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Quyết định số 314/QĐ-NHNN ngày 08/3/2022 của NHNN; - Đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 15/3/2022 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp.
----------------------------	---------------	-------------	---------------	--	---

Nguồn: VAB

3. Cơ cấu tổ chức công ty

Ngân hàng TMCP Việt Á được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp và Luật Các Tổ chức Tín dụng. Các hoạt động của VAB tuân thủ Luật Doanh nghiệp, luật các Tổ chức Tín Dụng và Điều lệ VAB đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Việt Á



Nguồn: VAB

Tính đến thời điểm 31/12/2024, cơ cấu tổ chức của VAB bao gồm:

❖ **Khối Ngân hàng (Công ty mẹ) gồm có:**

- 01 Trụ sở chính đặt tại Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Hà Nội
- 24 Chi nhánh và 73 phòng giao dịch khắp cả nước.

❖ **Công ty con**

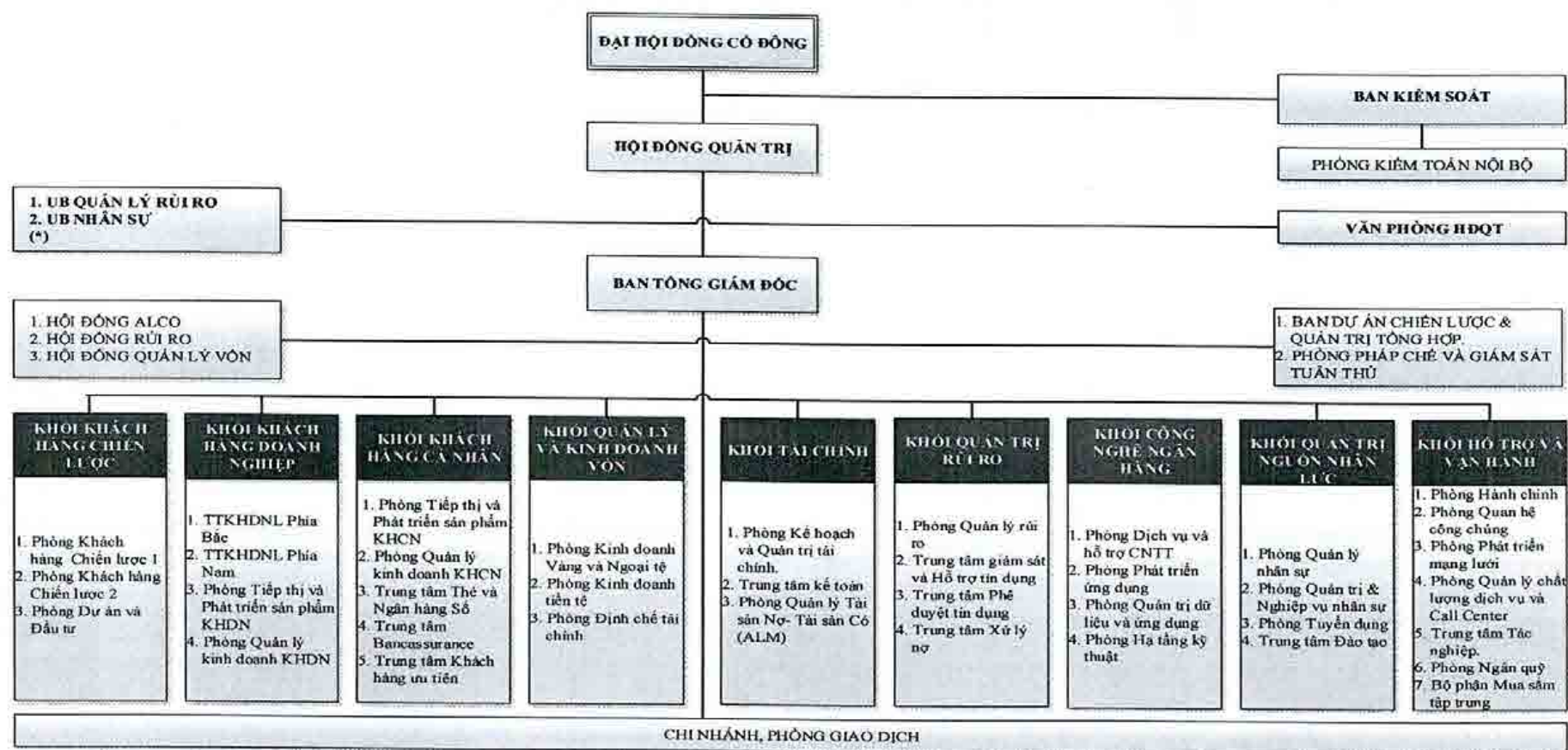
- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Việt Á
- Trụ sở: Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Giấy phép hoạt động: Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 0310540710 được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 26/6/2023 và giấy phép hoạt động số 2764/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà Việt Nam nước cấp ngày 18/11/2010.
- Ngành nghề kinh doanh: Nắm giữ tài sản; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; xây dựng nhà các loại
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VAB: 100%

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

4. Cơ cấu quản lý của công ty

4.1. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



(*): Va các Ủy Ban/Hội đồng, Đơn vị khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ.

4.2. Diễn giải sơ đồ bộ máy quản lý của Ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần, gồm:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của VAB, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

❖ Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị VAB có 05 thành viên.

❖ Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra; Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ VAB trong quản trị, điều hành VAB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT VAB. Ban Kiểm soát VAB có 03 thành viên.

❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của VAB theo Điều lệ của VAB. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị (HĐQT). Ban Tổng Giám đốc thành lập các hội đồng là Hội đồng ALCO, Hội đồng Rủi ro và Hội đồng Quản lý vốn. Ban Tổng Giám đốc gồm có 3 thành viên: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

❖ Các khối chức năng tại Trụ sở chính

Trụ sở chính của VAB được tổ chức theo 09 khối chức năng và 02 Phòng/Ban trực thuộc Tổng Giám đốc bao gồm:

× Khối Khách hàng chiến lược

- Xây dựng chiến lược kinh doanh và tổ chức quản lý, phát triển hoạt động kinh doanh đối với phân khúc khách hàng chiến lược trên toàn hệ thống.
- Tạo lập doanh thu trong phạm vi rủi ro cho phép thông qua việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng chuyên biệt cho phân khúc khách hàng chiến lược.
- Thực hiện các hoạt động đầu tư, M&A, hợp tác chiến lược và quản lý danh mục khách hàng có ảnh hưởng lớn đến định hướng phát triển của Ngân hàng.

× Khối Khách hàng doanh nghiệp

- Xây dựng chiến lược kinh doanh và tổ chức quản lý, phát triển hoạt động kinh doanh đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp trên toàn hệ thống.
- Tạo lập doanh thu trong phạm vi rủi ro cho phép thông qua việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng chuyên biệt cho khách hàng doanh nghiệp.
- Quản lý tín dụng, tài trợ thương mại, phát triển sản phẩm chuyên biệt và hỗ trợ kinh doanh khách hàng doanh nghiệp tại các đơn vị trong hệ thống.

*** Khối Khách hàng cá nhân**

- Xây dựng chiến lược kinh doanh và tổ chức quản lý, phát triển hoạt động kinh doanh đối với phân khúc khách hàng cá nhân trên toàn hệ thống.
- Tạo lập doanh thu trong phạm vi rủi ro cho phép thông qua việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng bán lẻ chuyên biệt cho khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh và DN siêu nhỏ.
- Quản lý và phát triển hoạt động thẻ, ATM/POS, ngân hàng số và các kênh phân phối hiện đại phục vụ các phân khúc khách hàng trên toàn hệ thống

*** Khối Quản lý và kinh doanh vốn**

- Xây dựng chiến lược kinh doanh và tổ chức quản lý, phát triển hoạt động kinh doanh đối với phân khúc định chế tài chính và thị trường vốn trên toàn hệ thống.
- Tạo lập doanh thu trong phạm vi rủi ro cho phép thông qua việc cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính, tiền tệ, vàng, ngoại tệ, công cụ phái sinh.
- Thực hiện điều tiết thanh khoản, quản lý bảng cân đối vốn và đầu tư tài chính nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng vốn toàn hệ thống.

*** Khối Tài chính**

- Xây dựng chiến lược chức năng và các bộ khung chính sách, quy định chuyên môn về tài chính – kế toán – ngân sách toàn hệ thống.
- Tổ chức quản lý và triển khai các hoạt động lập kế hoạch tài chính, phân bổ ngân sách, quản trị kế toán và tài sản nợ – có trên toàn hệ thống.
- Thực hiện phân tích hiệu quả kinh doanh và tư vấn chiến lược tài chính cho Ban điều hành, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý tài chính.

*** Khối Quản trị rủi ro**

- Xây dựng chiến lược chức năng và các bộ khung chính sách, quy định chuyên môn về quản trị rủi ro toàn diện.
- Tổ chức quản lý và triển khai các hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và thanh khoản trên toàn hệ thống.
- Thực hiện tái thẩm định tín dụng, kiểm soát tuân thủ chính sách rủi ro và đề xuất giải pháp xử lý nợ phù hợp với khẩu vị rủi ro đã xác lập.

*** Khối Công nghệ ngân hàng**

- Xây dựng chiến lược chức năng và các bộ khung chính sách, quy định chuyên môn về hạ tầng và an toàn thông tin.
- Tổ chức quản lý và triển khai các hoạt động vận hành hệ thống công nghệ thông tin, bảo mật dữ liệu và hỗ trợ nền tảng số toàn hệ thống.
- Phát triển, nâng cấp hệ thống ứng dụng, trung tâm dữ liệu và các công cụ số phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh.

*** Khối Quản trị nguồn nhân lực**

- Xây dựng chiến lược chức năng và các bộ khung chính sách, quy định chuyên môn về tổ chức, nhân sự, chế độ tiền lương – phúc lợi.
- Tổ chức quản lý và triển khai các hoạt động tuyển dụng, đánh giá hiệu suất, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trên toàn hệ thống.
- Phát triển lộ trình nghề nghiệp, chương trình kế thừa và xây dựng văn hóa doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đội ngũ và sự gắn kết nội bộ.

*** Khối Hỗ trợ và vận hành**

- Xây dựng chiến lược chức năng và các bộ khung chính sách, quy định chuyên môn về tác nghiệp hỗ trợ kinh doanh và vận hành nội bộ.
- Tổ chức quản lý và triển khai các hoạt động thanh toán, ngân quỹ, vận hành giao dịch, hậu cần, quản trị mạng lưới, chăm sóc khách hàng trên toàn hệ thống.
- Đảm bảo hoạt động thông suốt, an toàn và nâng cao chất lượng dịch vụ trong toàn bộ quy trình vận hành và hỗ trợ kinh doanh.

*** Ban Dự án Chiến lược và Quản trị Tổng hợp**

Tham mưu xây dựng định hướng chiến lược tổng thể và giám sát việc thực thi chiến lược của Ngân hàng. Quản lý và điều phối các dự án trọng điểm trên toàn hệ thống. Thực hiện nhiệm vụ trợ lý, thư ký cho Ban Tổng Giám đốc và làm đầu mối tổng hợp báo cáo, tài liệu phục vụ điều hành chiến lược. Đồng thời tổ chức xây dựng các công cụ, quy trình quản lý và giám sát hiệu quả hoạt động dự án.

*** Phòng Pháp chế và Giám sát Tuân thủ**

Tư vấn pháp lý cho toàn hệ thống; thẩm định tính pháp lý các văn bản, hợp đồng, biểu mẫu nội bộ. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật và quy chế nội bộ. Tổ chức công tác phòng chống rửa tiền, tuân thủ FATCA, phòng chống khủng bố và bảo vệ an ninh nội bộ. Giải quyết tranh chấp và tham mưu các biện pháp phòng ngừa rủi ro pháp lý trong hoạt động của Ngân hàng.

*** Các Chi nhánh/Phòng giao dịch**

Thực hiện các hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ, dịch vụ theo phân cấp, ủy quyền của VAB và theo quy định của pháp luật.

5. Danh sách cổ đông của VAB

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VAB và những người có liên quan

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VAB

STT	Tên cổ đông và những người có liên quan	Địa chỉ	Số ĐKKD/CMND	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	Tầng 6 Tòa nhà Samsora Premier 105 Chu Văn An, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, T.p Hà Nội, Việt Nam	Giấy ĐKKD số 0100237852 cấp ngày 04/03/2025 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	65.913.130	12,21

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 09/05/2025 của VSDC

Bảng 4: Danh sách những người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5%

S.T.T	Tên tổ chức, cá nhân	Mối quan hệ với cổ đông	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I Người có liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương						
1	Phuong Hữu Việt	Chủ tịch HĐQT Công ty	CCCD số 027064000264 cấp ngày 31/12/2024 tại Bộ Công an	72D Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, HN	24.551.404	4,55
2	Lương Thị Linh	Chị dâu Ông Phuong Hữu Việt – Chủ tịch HĐQT Công ty	CCCD số 027155000017 cấp ngày 03/06/2014 tại Cục CS ĐKQLCTVDL QGVDC	Số 44 Liên Trì, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	1.280.363	0,24
3	Nguyễn Thị Lan	Mẹ của Bà Phuong Minh Huệ - Tổng	CCCD số 027149007625 cấp ngày 24/06/2021 tại Cục CS	24/31 Vân Đồn, P. Bạch Đằng, Q. Hai	1.536.436	0,28

		Giám đốc Công ty	ĐKQLCTVDL QGVDC	Bà Trung, HN		
4	Nguyễn Bá Phong	Anh chồng của Bà Phương Minh Huệ - Tổng Giám đốc Công ty	CCCD số 027067000203 cấp ngày 02/05/2021 tại Cục CS ĐKQLCTVDL QGVDC	2 nhà 42A Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.180.571	0,22
	Tổng cộng				28.548.774	5,29

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 09/05/2025 của VSDC

Căn cứ quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, theo đó: một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng; cổ đông và người có liên quan không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.

Tiếp theo, khoản 11 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 quy định các tổ chức tín dụng phải duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phần phù hợp với giới hạn pháp luật, không được gia tăng vượt mức quy định.

Thực hiện quy định mới tại Điều 63 của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, cụ thể: Khoản 2: “Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng”; Khoản 3: “Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng. Cổ đông lớn và người có liên quan không được đồng thời sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác”. Theo đó, nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương đã hoàn tất giao dịch thoả thuận bán 17.000.000 cổ phiếu VAB vào ngày 30/05/2025 để giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần VAB từ 12,21% còn 9,06%..

Việc chuyển nhượng này đã dẫn đến thay đổi cơ cấu cổ đông của VAB, qua đó tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương và các bên có liên quan được điều chỉnh phù hợp với giới hạn pháp luật, bảo đảm VAB tiếp tục duy trì việc tuân thủ đầy đủ các quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành. Chi tiết như sau:

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VAB

STT	Tên cổ đông và những người có liên quan	Địa chỉ	Số ĐKKD/CMND	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	Tầng 6 Tòa nhà Samsora Premier 105 Chu Văn An, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, T.p Hà Nội, Việt Nam	Giấy ĐKKD số 0100237852 cấp ngày 04/03/2025 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	48.913.130	9,06

Nguồn: VAB

Bảng 6: Danh sách những người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5%

S T T	Tên tổ chức, cá nhân	Mối quan hệ với cổ đông	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I Người có liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương						
1	Phương Hữu Việt	Chủ tịch HĐQT Công ty	CCCD số 027064000264 cấp ngày 31/12/2024 tại Bộ Công an	72D Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, HN	24.551.404	4,55
2	Lương Thị Linh	Chị dâu Ông Phương Hữu Việt – Chủ tịch HĐQT Công ty	CCCD số 027155000017 cấp ngày 03/06/2014 tại Cục CS ĐKQLCTVDL QGVDC	Số 44 Liên Trì, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	1.280.363	0,24
3	Nguyễn Thị Lan	Mẹ của Bà Phương Minh Huệ - Tổng Giám đốc Công ty	CCCD số 027149007625 cấp ngày 24/06/2021 tại Cục CS ĐKQLCTVDL QGVDC	24/31 Vân Đồn, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, HN	1.536.436	0,28

4	Nguyễn Bá Phong	Anh chồng của Bà Phương Minh Huệ - Tổng Giám đốc Công ty	CCCD số 027067000203 cấp ngày 02/05/2021 tại Cục CS ĐKQLCTVDL QGVDC	2 nhà 42A Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.180.571	0,22
Tổng cộng					28.548.774	5,29

Nguồn: VAB

Căn cứ theo Báo cáo số 90A/BC-VPG ngày 30/05/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương, tại thời điểm hiện tại, Công ty đang nắm giữ 9,06% vốn điều lệ của VAB. Tổng tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương và các bên có liên quan tại VAB là 14,35% vốn điều lệ.

Như vậy, đến thời điểm hiện tại, VAB đã tuân thủ đầy đủ quy định tại Điều 63 của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, liên quan đến giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cổ đông và người có liên quan tại tổ chức tín dụng.

5.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020: *Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại Hội đồng cổ đông.*

VAB được thành lập và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 04/07/2003 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103001665 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19/06/2003 với 07 sáng lập viên và 250 cổ đông, do đó tính đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập đã không còn hiệu lực.

5.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/05/2025

Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/05/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (CP)	Số cổ phần (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	7.007	538.623.658	5.386.236.580.000	99,75%

1	Tổ chức	34	132.344.996	1.323.449.960.000	24,51%
2	Cá nhân	6.973	406.278.662	4.062.786.620.000	75,24%
II	Cổ đông nước ngoài	14	1.336.385	13.363.850.000	0,25%
1	Tổ chức	3	1.270.400	12.704.000.000	0,2353%
2	Cá nhân	11	65.985	659.850.000	0,0122%
	Tổng cộng	7.021	539.960.043	5.399.600.430.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 09/05/2025 của VSDC

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VAB, những công ty mà VAB đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với VAB

6.1. Công ty mẹ

Không có.

6.2. Công ty con của VAB

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân Hàng TMCP Việt Á

Tên viết tắt: AMC VAB

Địa chỉ: Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh: Nắm giữ tài sản; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; xây dựng nhà các loại.

Vốn điều lệ đã đăng ký: 500.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực góp: 500.000.000.000 đồng.

Vốn thực góp của VAB: 500.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ nắm giữ của VAB: 100%.

Hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 2764/QĐ-NHNN do NHNNVN cấp ngày 18/11/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310540710 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 26/6/2023.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh công ty con của VAB

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024
1	Doanh thu	99.120.193.603
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	40.628.965.373
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	32.503.172.298

Nguồn: VAB

6.3. Những công ty mà VAB đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

6.4. Công ty liên kết của VAB

Không có.

6.5. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với VAB

Không có.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Ngành nghề kinh doanh của ngân hàng

Ngân hàng TMCP Việt Á thuộc loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và chịu sự quản lý trực tiếp của NHNN. Cũng như các ngân hàng thương mại khác, VAB đã và đang kinh doanh các nghiệp vụ huy động vốn ngắn hạn; không kỳ hạn; chứng chỉ tiền gửi; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; hoạt động đầu tư và các dịch vụ tài chính ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại và hiệu quả. Cụ thể, các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng như sau:

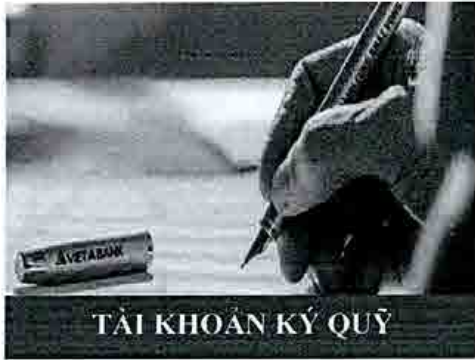
7.1.1. Hoạt động huy động vốn

Hoạt động huy động vốn luôn được xem là hoạt động cốt lõi của ngân hàng thương mại. Hoạt động huy động vốn của VAB có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống.

Các sản phẩm huy động vốn của VAB được xây dựng đa dạng và linh hoạt với các kỳ hạn, lãi suất và hình thức huy động khác nhau nhằm đem đến sự lựa chọn tối ưu cho khách hàng. Các sản phẩm huy động vốn của VAB được phân loại theo các đối tượng khách hàng cụ thể như sau:

❖ Sản phẩm dành cho khách hàng doanh nghiệp

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



TÀI KHOẢN KÝ QUỸ

Tài khoản ký quỹ là sản phẩm đáp ứng nhu cầu cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện và phải mở tài khoản ký quỹ để hoàn chỉnh sổ/thủ tục thành lập doanh nghiệp hoặc đảm bảo duy trì kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật. Các tiện ích:

- Lãi suất hấp dẫn, được sử dụng tiền lãi phát sinh trên số tiền ký quỹ;
- Thủ tục đơn giản – thời gian xử lý nhanh chóng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng;
- Được tư vấn bởi đội ngũ nhân viên nhiệt tình, chuyên nghiệp.



TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN

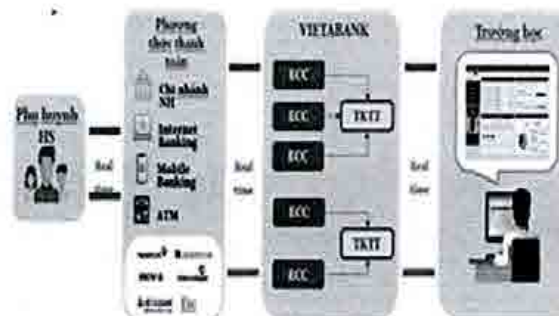
VAB cung cấp sản phẩm “Tiền gửi có kỳ hạn” với lãi suất hấp dẫn tương ứng với từng kỳ hạn nhằm đáp ứng nhu cầu



TÀI KHOẢN THANH TOÁN

Nhằm gia tăng lợi ích cho Quý Doanh nghiệp có nhu cầu giao dịch thường xuyên, VAB Á triển khai sản phẩm Gói Tài khoản thanh toán V-Flex với nhiều ưu đãi vượt trội. Các tiện ích của tài khoản V-Flex:

- Tặng tài khoản số đẹp loại 3;
- Giảm 25% phí dịch vụ thu ngân sách nhà nước tại quầy;
- Miễn phí chuyển khoản trong và ngoài hệ thống thông qua Internet Banking;
- Miễn phí dịch vụ SMS banking;
- Truy vấn thông tin dễ dàng thông qua Internet Banking;
- Miễn phí dịch vụ chi lương & nhiều ưu đãi khác cho CBNV của Doanh nghiệp sử dụng dịch vụ.



DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN THEO MÃ ĐỊNH DANH

Chuyển tiền theo mã định danh” là dịch vụ hỗ trợ quản lý dòng tiền thông qua mã số định danh cho KHDN, khi bên thanh

sinh lời tối đa cho doanh nghiệp. Các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm của doanh nghiệp bao gồm:

- **Tiền gửi trả lãi trước:** VAB thực hiện trả lãi trước cho KH đối với các khoản tiền gửi tham gia sản phẩm.
- **Tiền gửi lẻ ngày:** tối thiểu là 31 ngày, tối đa 455 ngày.
- **Tiền gửi online** giúp doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận từ nguồn vốn nhàn rỗi, tiết kiệm thời gian và bảo mật tuyệt đối mọi thông tin giao dịch.

toán thực hiện chuyển tiền cho doanh nghiệp theo mã định danh được cấp, toàn bộ số tiền sẽ được báo có trực tiếp vào TKTT của Doanh nghiệp. Dịch vụ mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp:

- Quản lý dòng tiền, theo dõi công nợ theo thời gian thực;
- Tiết kiệm thời gian, chi phí quản lý và đối chiếu các khoản phải thu, công nợ;
- Thao tác đơn giản, ghi nhớ dễ dàng;
- Chủ động quản lý bên thanh toán bằng mã định danh;
- Tiền được báo có trực tiếp vào tài khoản thanh toán của doanh nghiệp liên kết với mã định danh.



CHO VAY DOANH NGHIỆP SME

VAB cung cấp đa dạng các sản phẩm tín dụng cho khách hàng, đặc biệt là gói vay ưu đãi cho Doanh nghiệp SME. Các sản phẩm cho vay bao gồm:

- Cấp tín dụng đảm bảo bằng tiền gửi;
- Cấp tín dụng dành cho ngành Dược, y tế;
- Thấu chi KHDN;
- Cho vay theo dự án SMEFP III;
- Cho vay theo dự án RDF II.



TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI

Đáp ứng mọi nhu cầu tài trợ của khách hàng, VAB cung cấp các sản phẩm tài trợ thương mại phục vụ cho hoạt động sản xuất của Doanh nghiệp không chỉ trên lãnh thổ Việt Nam, cụ thể:

- Dịch vụ chuyển tiền quốc tế;
- Tài trợ xuất khẩu;
- Tài trợ nhập khẩu;
- Tài trợ LC nội địa.



VAB cung cấp các sản phẩm bảo lãnh với mức phí ưu đãi, thủ tục nhanh chóng, an toàn:

- Bảo lãnh dự thầu;
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- Bảo lãnh hoàn tạm ứng;
- Bảo lãnh thanh toán;
- Bảo lãnh bảo hành;
- Bảo lãnh thanh toán thuế;
- Bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai.



Là hình thức do VAB hợp tác với Tổng cục Thuế, để cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử cho khách hàng với các ưu điểm:

- Nhanh chóng;
- Tiết kiệm;
- Chính xác;
- Nộp thuế tại bất cứ địa điểm nào có kết nối Internet hoặc tại quầy giao dịch của VAB;
- Được xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế ngay khi khách hàng trích nợ thành công trên tài khoản tại VAB.



VAB cung cấp sản phẩm thầu chi cho KHDN:

- Thời gian vay tối đa 12 tháng;
- Không tính lãi suất phát sinh trong ngày;



Là hình thức do VAB hợp tác với Quỹ phát triển doanh nghiệp Nhỏ và vừa để hỗ trợ cho vay đối với các Doanh nghiệp với lãi suất vay ưu đãi:

- Lãi suất ưu đãi: ngắn hạn 1,2%/ năm

- Thu gốc linh hoạt theo dòng tiền của khách hàng;
- Tài sản đảm bảo đa dạng;
- Giảm tối đa lãi vay qua hệ thống thu nợ gốc tự động;
- trung dài hạn 4,4%/năm;
- Khách hàng đáp ứng điều kiện Doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Khách hàng thực hiện kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh theo hướng dẫn của Quý;
- Thời gian vay: tối đa 7 năm;
- Tài sản đảm bảo: linh hoạt đa dạng theo quy định VAB từng thời kỳ.

❖ Sản phẩm dùng cho khách hàng cá nhân



Dịch vụ Nickname gắn với tài khoản thanh toán của VietABank giúp KHCN hóa tài khoản, giao dịch nhanh chóng và quản lý tài chính dễ dàng. Chỉ với vài thao tác, bạn có thể đặt biệt danh như "Tiền tiêu vật" hay "Tiết kiệm nhà" thay vì số tài khoản dài dòng. Tính năng này mang đến sự tiện lợi, thân thiện và an toàn trên ứng dụng VietABank EzMobile. Nickname không chỉ đơn giản hóa giao dịch mà còn hỗ trợ lập kế hoạch tài chính hiệu quả.



Tài khoản thanh toán số tự chọn của VietABank cho phép bạn tự tay chọn số tài khoản dễ nhớ, như ngày sinh hoặc con số may mắn, ngay tại quầy giao dịch. Tiện ích này giúp bạn ghi nhớ tài khoản mà không cần tra cứu, tiết kiệm thời gian

khi chuyển khoản hay thanh toán. Mọi giao dịch trở nên nhanh chóng, chính xác nhờ sổ tài khoản mang dấu ấn cá nhân. VietABank đảm bảo quy trình mở tài khoản tại quầy đơn giản, an toàn và thuận tiện tuyệt đối

- **Tiền gửi tiết kiệm**

Các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm bao gồm:



TIẾT KIỆM TRUYỀN THÔNG

Với sản phẩm tiết kiệm có kỳ hạn Khách hàng có thể chủ động chọn cho mình kỳ hạn gửi linh hoạt theo yêu cầu với mức lãi suất hấp dẫn. Sổ tiết kiệm được sử dụng làm tài sản đảm bảo để vay vốn ưu đãi tại Ngân hàng.



TIẾT KIỆM ONLINE

Không cần phải tới Ngân hàng giao dịch mà khách hàng vẫn sở hữu được Sổ Tiết kiệm với lãi suất cao vượt trội. Chủ động quản lý các tài khoản tiết kiệm của mình mà không phải lo lắng các vấn đề an ninh bảo mật.

TIẾT KIỆM ĐẶC LỢI

- Lãi suất tốt nhất
- Giao dịch nhanh chóng
- Nhận lãi ngay khi gửi tiền

T.K ĐẶC LỢI

Là một sản phẩm tiền gửi tiết kiệm trả lãi trước được thiết kế để mang lại lợi ích tối ưu cho khách hàng với lãi suất hấp dẫn và các kỳ hạn gửi linh hoạt (3, 6, 7, 12, 13, 15 tháng) linh hoạt, cho phép khách hàng gửi tiền và

VIETABANK

TIẾT KIỆM ĐẶC LỘC

0.25%

- Lãi suất tăng tự động (%)
- Gửi tại quầy/Online
- Giao dịch nhanh chóng

TIẾT KIỆM ĐẶC LỘC

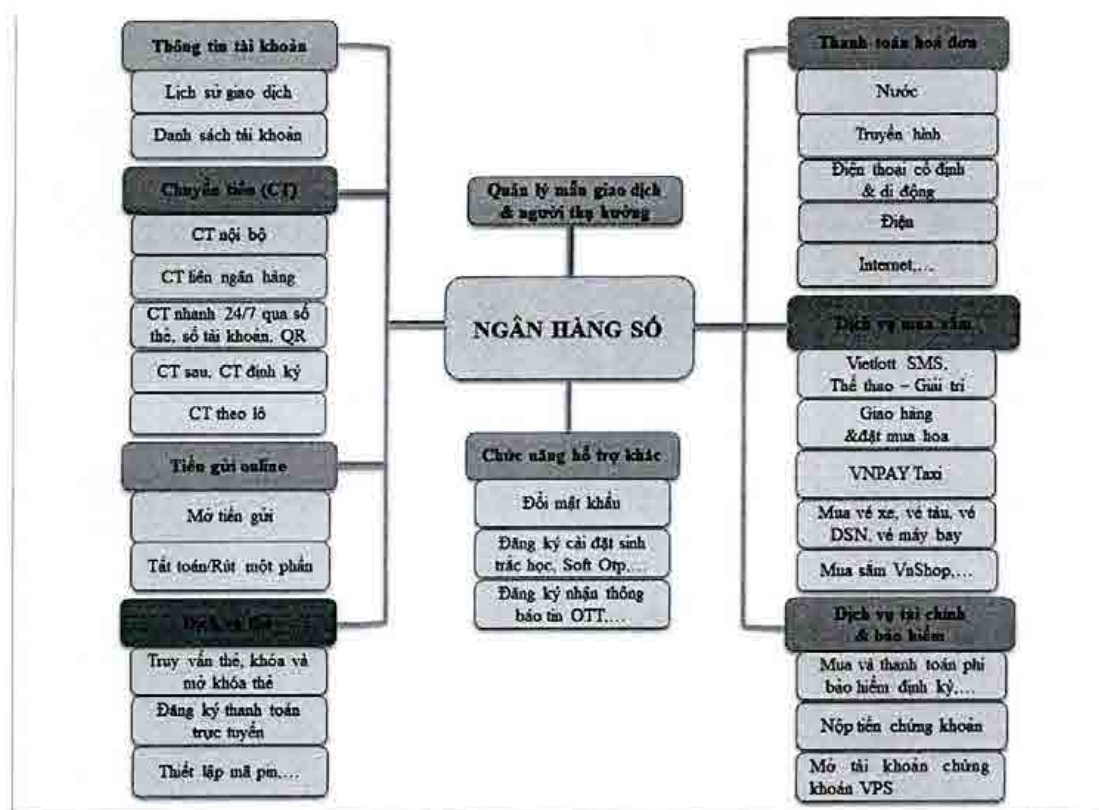
Ngân hàng Việt Á xin trân trọng giới thiệu chương trình “Tiết kiệm Đặc Lộc” vượt trội, cung cấp các tính năng, tiện ích nổi bật sau:

hưởng lãi suất cố định trong suốt thời gian gửi

- KH duy trì số dư trong Tài khoản càng cao, lãi suất cộng thêm cho tiền gửi tiết kiệm càng lớn.
- KH có thể trải nghiệm gửi tiết kiệm online với thao tác nhanh chóng, an toàn và có mức ưu đãi lãi suất hấp dẫn.
- KH được tự động điều chỉnh lãi suất định kỳ hàng tháng trong suốt kì hạn gửi tiền.

• **Dịch vụ Ngân hàng số:**

Dịch vụ Ngân hàng Số cung cấp các giải pháp tài chính trực tuyến thông qua nền tảng công nghệ, cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng một cách tiện lợi và an toàn mà không cần đến quầy giao dịch. Các dịch vụ này bao gồm:



- **Dịch vụ Thẻ:** VAB cung cấp đa dạng các sản phẩm thẻ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán, chi tiêu và quản lý tài chính linh hoạt cho nhiều phân khúc khách hàng, bao gồm:
 - ✓ Thẻ ghi nợ nội địa (VietABank VCCS): với 2 loại thẻ Classic, Gold

- **Tính năng nổi bật:**
 - + Thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại hàng ngàn điểm chấp nhận thẻ nội địa trên toàn quốc.
 - + Rút tiền mặt tại tất cả ATM trong liên minh Napas.
 - + Quản lý chi tiêu tiện lợi qua Mobile App VietABank.
- **Ưu điểm:** An toàn bảo mật chip EMV, liên kết tài khoản giao dịch linh hoạt, công nghệ thanh toán Contactless, giao dịch thuận tiện 24/7.
- ✓ Thẻ tín dụng nội địa VietABank (TDNĐ): có 02 hạng thẻ Classic, Platinum
- **Tính năng nổi bật:**
 - + Hạn mức tín dụng hấp dẫn, miễn lãi lên đến 50 ngày.
 - + Mua trước – trả sau linh hoạt.
 - + Thanh toán qua POS, QR Code, và Internet nhanh chóng.
 - + Quản lý chi tiêu tiện lợi qua Mobile App VietABank.
- ✓ Thẻ tín dụng quốc tế VietABank Visa: có 2 hạng thẻ Visa Classic, Visa Platinum
- **Tính năng nổi bật:**
 - + Sử dụng toàn cầu tại hàng triệu điểm chấp nhận Visa.
 - + Mua sắm trực tuyến, đặt vé máy bay, khách sạn toàn cầu.
 - + Chi tiêu trước, trả tiền sau, miễn lãi lên đến 50 ngày
 - + Tính năng bảo mật nâng cao với 3D Secure.
 - + Quản lý chi tiêu tiện lợi qua Mobile App VietABank.
- **Ưu đãi đặc biệt:** Ưu đãi đặt phòng, khách sạn, du lịch, ưu đãi sân golf, du lịch, chăm sóc sức khỏe...

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, tổng giá trị huy động vốn của VAB tại 31/12/2024 đạt xấp xỉ 108.638 tỷ đồng, tăng 7,47% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó tiền gửi của khách hàng năm 2024 tăng 4,15% so với năm 2023. Khả năng huy động vốn ổn định và đa dạng từ nhiều kênh đã giúp VAB kiểm soát tốt rủi ro thanh khoản, đảm bảo hoạt động kinh doanh của VAB.

❖ **Kết quả hoạt động huy động vốn của VAB trong những năm qua**

Trong những năm qua, VAB tiếp tục triển khai hiệu quả chính sách đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn, tập trung mở rộng huy động từ nhiều đối tượng khách hàng như cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính trong nước, đồng thời từng bước tiếp cận các tổ chức tài chính quốc tế. Ngân hàng

đẩy mạnh hoạt động phát hành giấy tờ có giá nhằm củng cố nguồn vốn trung và dài hạn, đồng thời luôn đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn giữa vốn ngắn hạn và cho vay trung dài hạn. Nhờ các giải pháp đồng bộ, hoạt động huy động vốn của VAB đã ghi nhận kết quả tích cực. Cụ thể, năm 2023 tổng nguồn vốn huy động đạt 101.082 tỷ đồng, tăng 5.460 tỷ đồng (5,71%) so với năm 2022. Bước sang năm 2024, tổng nguồn vốn huy động tiếp tục tăng mạnh, đạt 108.637 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 7.555 tỷ đồng (7,47%) so với năm trước, theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán. Trong Quý I năm 2025, huy động vốn từ các khoản nợ và vay Ngân hàng Nhà nước tăng 143,4% và phát hành giấy tờ có giá tăng 65,5%.

Bảng 9: Tình hình huy động vốn của VAB (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Loại hình	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	Các khoản nợ và vay NHNN	-	-	2.089.135	1,92	5.084.004	4,3%
2	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	13.884.118	13,74	14.105.595	12,98	15.189.916	12,9%
3	Tiền gửi của khách hàng	86.694.868	85,77	90.289.420	83,11	93.896.377	79,8%
4	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	17.041	0,01	8.625	0,01	469	0,0%
5	Phát hành giấy tờ có giá	486.000	0,48	2.145.000	1,97	3.550.000	3,0%
	Tổng	101.082.027	100	108.637.775	100	117.720.766	100%
	<i>Trong đó:</i>	<i>100.900.221</i>	<i>99,82</i>	<i>108.411.392</i>	<i>99,79</i>	<i>117.488.683</i>	<i>99,80</i>

- Khách hàng trong nước							
- Khách hàng nước ngoài	181.806	0,0018	226.383	0,21	232.083	0,20	

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Bảng 10: Tình hình huy động vốn của VAB (Riêng)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Loại hình	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	Các khoản nợ và vay NHNN	-	-	2.089.135	1,92	5.084.004	4,3
2	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	13.884.118	13,73	14.105.595	12,97	15.189.916	12,9
3	Tiền gửi của khách hàng	86.701.602	85,77	90.370.684	83,12	93.974.178	79,8
4	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	17.041	0,02	8.625	0,01	469	0,0
5	Phát hành giấy tờ có giá	486.000	0,48	2.145.000	1,97	3.550.000	3,0
	Tổng	101.088.761	100	108.719.039	100	117.798.567	100
	<i>Trong đó:</i>						
	- Khách hàng trong nước	100.906.955	99,82	108.492.656	99,79	117.566.484	99,80
	- Khách hàng nước ngoài	181.806	0,0018	226.383	0,21	232.083	0,20

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC riêng Quý I/2025 của VAB

Các khoản nợ và vay Ngân hàng Nhà nước (NHNN):

Trong năm 2023, VAB không ghi nhận khoản vay nào từ NHNN. Tuy nhiên, đến năm 2024, dư nợ từ kênh này đạt 2.089.135 triệu đồng và tiếp tục tăng lên 5.084.004 triệu đồng vào Quý I/2025.

Sự gia tăng đột biến này cho thấy ngân hàng đã chủ động tận dụng nguồn vốn hỗ trợ từ NHNN để tăng cường thanh khoản, đặc biệt trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động liên quan đến lãi suất và tín dụng bị siết chặt. Đây là động thái hợp lý nhằm ổn định nguồn vốn ngắn hạn và hỗ trợ hoạt động tín dụng.

Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác:

Nguồn vốn này được duy trì ổn định, dao động trong khoảng 12,9% – 13,7% tổng huy động, với giá trị tuyệt đối tăng nhẹ qua các kỳ: từ 13.884.118 triệu đồng (2023) lên 15.189.916 triệu đồng (Quý I năm 2025). Tỷ trọng ổn định cho thấy VAB duy trì được mối quan hệ hợp tác tài chính bền vững với các tổ chức tín dụng trong hệ thống, từ đó tạo ra một kênh huy động vốn linh hoạt và đóng vai trò quan trọng trong điều tiết thanh khoản ngắn hạn.

Tiền gửi của khách hàng:

Đây vẫn là kênh huy động vốn chủ lực của VAB, với giá trị tăng đều qua từng kỳ: từ 86.701.602 triệu đồng (2023) lên 93.974.178 triệu đồng (Quý I năm 2025). Tuy nhiên, tỷ trọng trong tổng huy động lại có xu hướng giảm dần, từ 85,77% xuống còn 79,8%. Diễn biến này phản ánh chiến lược đa dạng hóa nguồn vốn của ngân hàng, giảm dần sự phụ thuộc vào tiền gửi truyền thống. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy VAB đang cân đối tốt giữa chi phí vốn và quản trị rủi ro thanh khoản.

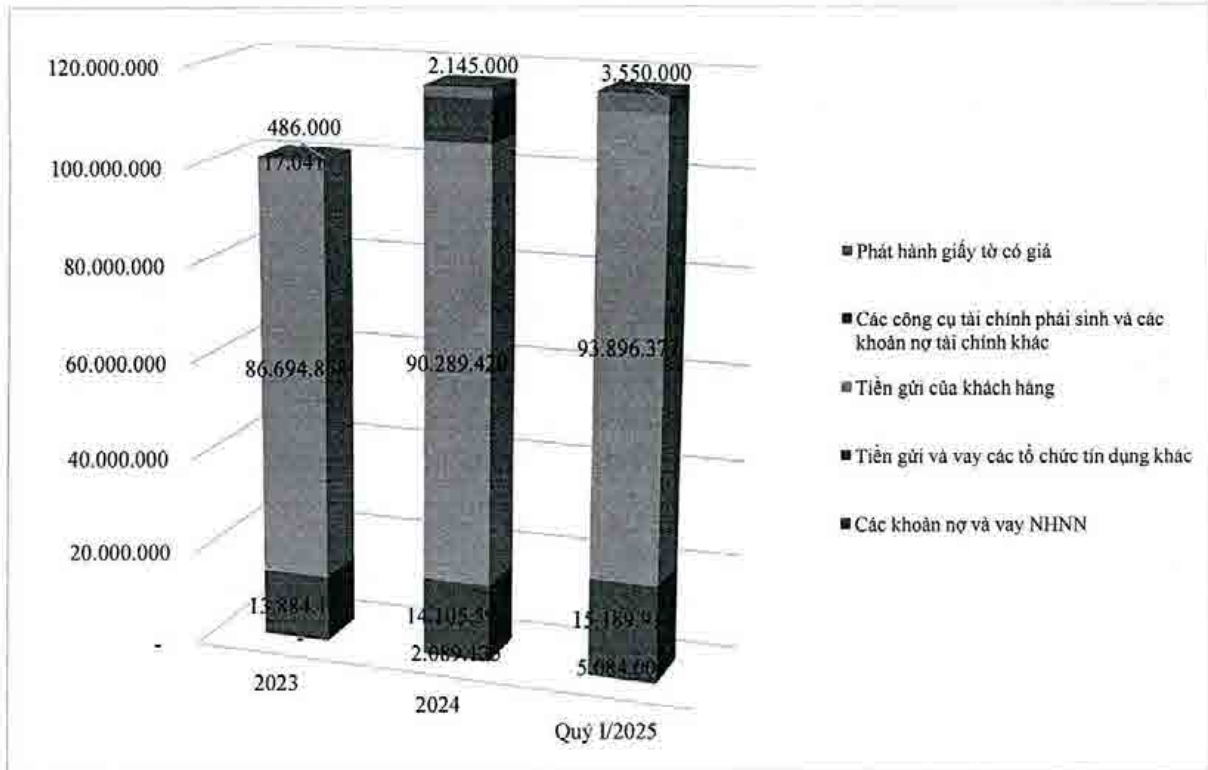
Phát hành giấy tờ có giá:

Hoạt động phát hành giấy tờ có giá (bao gồm trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi...) tăng mạnh trong giai đoạn 2023 – Quý I năm 2025. Cụ thể, giá trị phát hành tăng từ 486.000 triệu đồng (2023) lên 2.145.000 triệu đồng (2024) và đạt 3.550.000 triệu đồng trong Quý I/2025 - gấp hơn 7 lần chỉ sau hơn một năm. VAB đang đẩy mạnh huy động vốn từ các TCTD, Công ty tài chính để đa dạng hóa cơ cấu nguồn, bao gồm cả huy động kỳ hạn trung và dài hạn, góp phần kéo dài kỳ hạn nguồn vốn, từ đó giảm thiểu rủi ro kỳ hạn giữa huy động và cho vay, đồng thời tạo nền tảng cho tăng trưởng tín dụng bền vững.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

Hình 4: Cơ cấu huy động vốn theo đối tượng khách hàng của VAB

Đơn vị tính: Triệu đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Trong cơ cấu huy động vốn của VAB, tiền gửi của khách hàng là nguồn huy động vốn lớn nhất và là nguồn huy động đem lại hiệu quả kinh tế cao cho các ngân hàng thương mại nói chung.

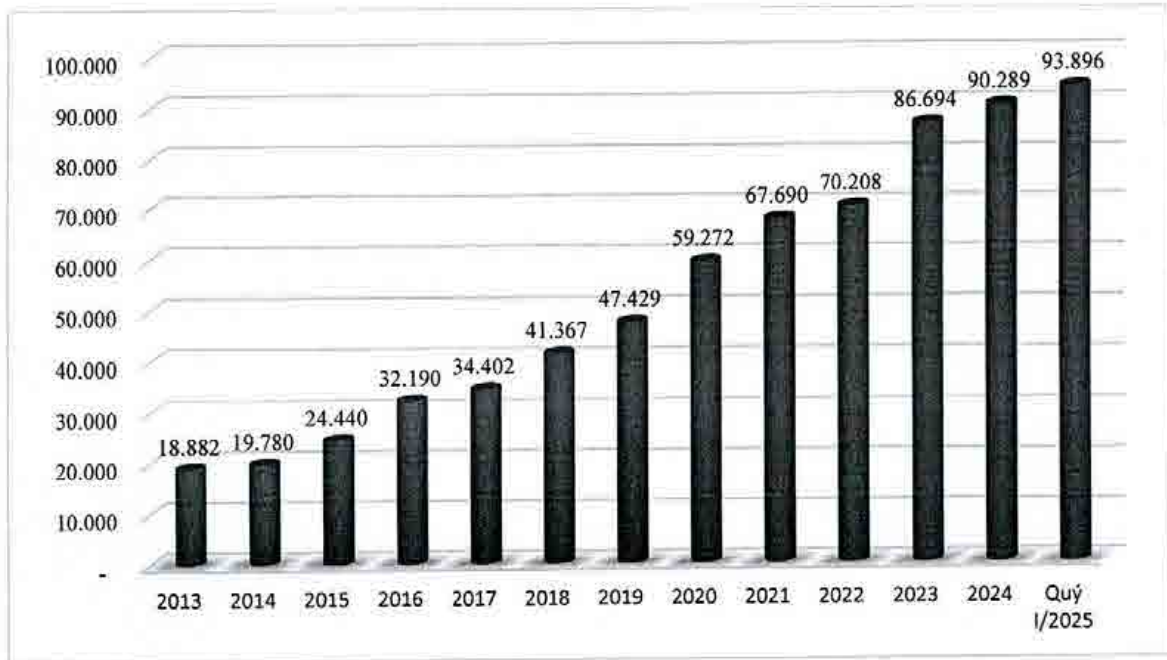
Tổng tiền gửi từ các đối tượng này đã tăng từ 18.882 tỷ đồng vào năm 2013 lên 93.896 tỷ đồng vào Quý I năm 2025, tương ứng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) đạt khoảng 15,87%. Tính đến ngày 31/03/2025, tỷ trọng dư nợ tiền gửi cá nhân trên tổng nguồn vốn huy động đạt 79,8%, tăng gần 3% so với mức 77% của năm 2024, thể hiện quy mô huy động từ KHCN tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu nguồn vốn của VAB.

Để đạt được kết quả trên, VAB đã chủ động xây dựng các sản phẩm phù hợp, triển khai các chương trình trọng điểm cho từng khu vực và từng phân khúc khách hàng với lãi suất linh hoạt và mạng lưới rộng khắp cùng với cơ chế thi đua nội bộ, tăng cường lực lượng bán hàng và kỹ năng chăm sóc khách hàng nhằm gia tăng quy mô huy động ở các đơn vị.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

Hình 5: Tình hình tiền gửi của khách hàng qua các năm

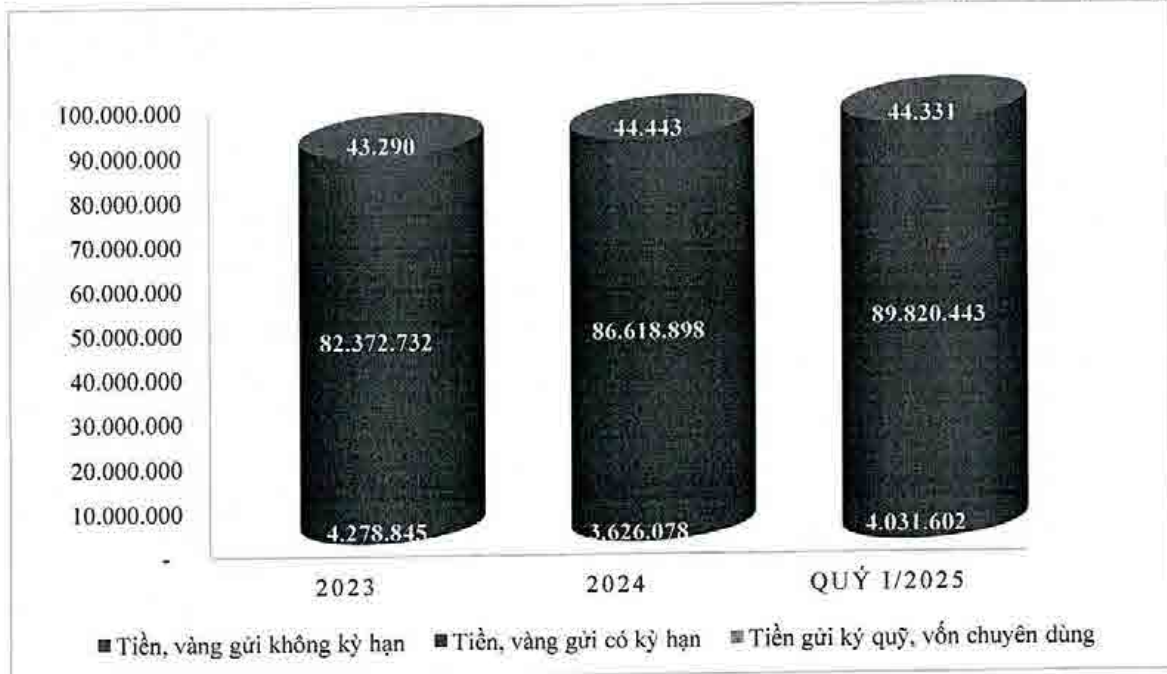
Đơn vị tính: Triệu đồng



Nguồn: VAB

Hình 6: Tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn của VAB

Đơn vị tính: Triệu đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của VAB

7.1.2. Hoạt động tín dụng

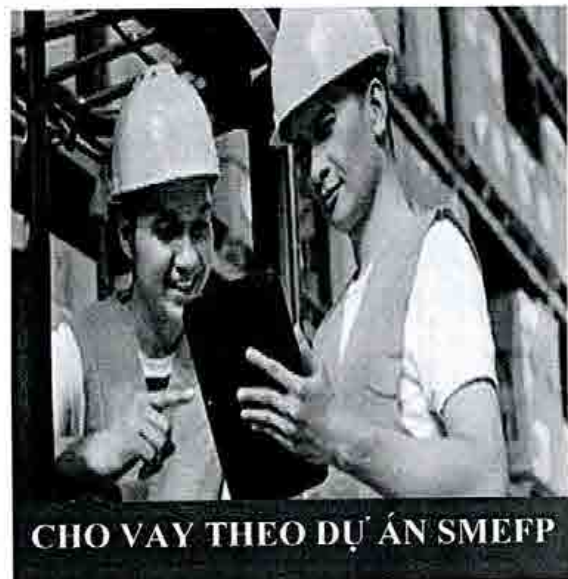
VAB theo đuổi định hướng phát triển tín dụng an toàn và bền vững, đảm bảo hài hòa mục tiêu an toàn quản lý rủi ro và chất lượng tín dụng hiệu quả.

❖ Sản phẩm dành cho khách hàng doanh nghiệp

Với cam kết luôn đồng hành cùng Quý Khách hàng Doanh nghiệp, VAB phát hành gói tín dụng “Đồng Hành – Phát Triển” tổng hạn mức 1000 tỷ với lãi suất vay chỉ từ 7,5%, đây là chương trình nhằm hỗ trợ các Doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn giá rẻ để bổ sung nguồn vốn lưu động phát triển kinh doanh và mở rộng quy mô sản xuất. Các gói sản phẩm tín dụng được VAB xây dựng đa dạng về lãi suất, kỳ hạn, hình thức vay và các phương thức đảm bảo khác nhau nhằm đáp ứng tốt nhất các nhu cầu vốn của khách hàng. Một số gói sản phẩm tín dụng của VAB bao gồm:



Đồng hành cùng doanh nghiệp, VAB triển khai các gói sản phẩm tài trợ dành riêng cho từng ngành hàng, với điều kiện linh hoạt và lãi suất ưu đãi phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của doanh nghiệp trong ngành. VAB xem xét nhận TSDB là hàng hóa và quyền phải thu từ các hợp đồng xuất khẩu. Đặc biệt VAB hiện đang cung cấp gói giải pháp tài chính cho các doanh nghiệp ngành gạo, theo đó tài trợ cho các doanh nghiệp từ khâu thu mua, dự trữ đến các khâu trước và sau giao hàng.



SMEFP III (Small & Medium Enterprise Finance Program) là sản phẩm cho vay vốn trung dài hạn ưu đãi dành cho khách hàng SME do VAB phối hợp với Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế ODA – NHNN và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản thực hiện. Với sản phẩm này, VAB cam kết cung cấp giải pháp tài chính trung dài hạn ưu đãi nhất cho khách hàng để đầu tư mở rộng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.



CHO VAY TRUNG DÀI HẠN

Tài trợ trung dài hạn là giải pháp tài chính hữu ích mà VAB hỗ trợ quý doanh nghiệp trong việc chủ động đầu tư mua sắm tài sản cố định hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh với mức chi phí hợp lý



MUA Ô TÔ LINH HOẠT 12H

Với sản phẩm “Cho vay mua Ô tô linh hoạt 12 giờ” của VAB, KHDN có thêm nhiều lựa chọn trong việc mua sắm xe ô tô với TSBĐ linh hoạt, thời gian xử lý nhanh chóng chỉ sau 12 giờ làm việc

TÀI TRỢ VKD 12 THÁNG TRẢ GỐC LINH HOẠT



Sản phẩm Cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, với tiện ích nổi bật về phương thức trả nợ gốc linh hoạt, phù hợp với dòng tiền và tình hình kinh doanh thực tế của Doanh nghiệp

❖ Sản phẩm tín dụng dành cho cá nhân

Hiện nay VAB đang triển khai nhiều sản phẩm cho vay cá nhân đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng, sản xuất của các cá nhân, hộ gia đình và hộ kinh doanh cá thể. Các khoản vay đều được sử dụng đa dạng các loại tài sản đảm bảo, lãi suất linh hoạt, thời hạn vay có thể lên đến 30 năm, tỷ lệ tài trợ lên đến 80% nhu cầu vốn của khách hàng. Một số sản phẩm cho vay như sau:

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



CHO VAY VỐN LƯU ĐỘNG

Với sản phẩm truyền thống này, VAB hỗ trợ doanh nghiệp trong việc bổ sung nguồn vốn lưu động tạm thời thiếu hụt trong ngắn hạn với nhiều hình thức linh hoạt, giá cả cạnh tranh.



**Lãi Suất Vàng
KINH DOANH RỘN RÀNG**

Ưu đãi cho vay chỉ **5%**/năm

- ✓ Lãi suất hấp dẫn nhất trên thị trường
- ✓ Miễn phí trả nợ trước hạn

Hỗ kinh doanh, Cá nhân có nhu cầu vay kinh doanh

Quét QR để xem thông tin chi tiết chương trình

VIETABANK
ĐỒNG HÀNH CÙNG KHÁT VỌNG

Hotline: 1900 555 590
www.vietabank.com.vn

Chương trình ưu đãi lãi vay ngắn hạn “Lãi suất vàng – kinh doanh rộn ràng” với mức lãi suất siêu hấp dẫn chỉ 5%/năm, là chương trình VAB thiết kế dành riêng cho các KHCN có nhu cầu vay vốn trong ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Ngoài mức lãi suất vay vô cùng hấp dẫn, khách hàng còn được hưởng các lợi ích khác như: miễn phí phạt trả nợ trước hạn, hồ sơ thủ tục đơn giản (chấp nhận bằng kê khai thu nhập với KH đủ điều kiện theo quy định VAB), thời gian phê duyệt nhanh chóng...



**Vay Ưu Đãi
Lãi TRI ÂN**

Dành cho cá nhân vay mua/xây sửa nhà, kinh doanh, tiêu dùng

Lãi suất chỉ từ **3%**/năm


Áp dụng khoản vay **TỪ 60 THÁNG**

An hạn gốc tối đa **12** tháng

VIETABANK
ĐỒNG HÀNH CÙNG KHÁT VỌNG

Hotline: 1900 555 590
www.vietabank.com.vn

Chương trình ưu đãi lãi vay trung, dài hạn “Vay ưu đãi – Lãi tri ân” với mức lãi suất VAB tri ân khách hàng chỉ từ 3%/năm, là chương trình được thiết kế dành riêng cho các KHCN có nhu cầu vay mua/xây sửa nhà, vay tiêu dùng, vay đầu tư tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh, vay mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh... Ngoài mức lãi suất vay tri ân, khách hàng còn có cơ hội được sử dụng các dịch vụ, sản phẩm ưu việt khác của VAB như: tài khoản số tự chọn, tài khoản nickname... Đặc biệt khách hàng được miễn phí trả nợ trước hạn khi khoản vay đã duy trì thời gian từ 5 năm trở lên.



**VAY MUA NHÀ DỰ ÁN
CONIC BOULEVARD**

Hỗ trợ
lãi suất
trong vòng
18 tháng **0%**

Hạn trả nợ gốc 05 Năm	Vay lên đến 85% Giá trị căn hộ	Thời gian vay đến 25 Năm
------------------------------------	---	---------------------------------------

Quét QR để biết
thêm thông tin chi tiết



VIETABANK
ĐỒNG HÀNH CÙNG KHÁT VỌNG

Vay mua nhà dự án Conic Boulevard:

Để giúp khách hàng dễ dàng sở hữu căn hộ mơ ước tại Dự án Conic Boulevard, VietABank giới thiệu chương trình cho vay mua nhà với những ưu đãi đặc biệt, giúp khách hàng dễ dàng hiện thực hóa ước mơ sở hữu ngôi nhà riêng. VietABank hiện là ngân hàng độc quyền hợp tác với Bên bán nhà/Chủ đầu tư dự án Conic Boulevard. Sản phẩm có những ưu đãi hấp dẫn như: Khách hàng sẽ được hỗ trợ lãi suất 0% trong 18 tháng đầu tiên, giúp tiết kiệm chi phí và ổn định tài chính ban đầu. Sau thời gian này, lãi



Vay mua bất động sản siêu tốc

Để hiện thực hóa giấc mơ sở hữu ngôi nhà riêng của khách hàng, VAB đã cho ra mắt sản phẩm cho vay mua bất động sản siêu tốc, với những lợi ích tuyệt vời như: áp dụng mức lãi suất vay siêu hấp dẫn của chương trình “Vay ưu đãi – Lãi tri ân” chỉ từ 3%/năm, chấp nhận bảng kê khai thu nhập tối đa lên tới 5 tỷ đồng, thời gian ân hạn gốc lên tới 24 tháng... Đặc biệt, với các khách hàng trẻ (độ tuổi từ 22-35 tuổi), có thể lựa chọn phương thức trả gốc linh hoạt chia làm 4 giai đoạn, để giảm gánh nặng tài chính cho khách hàng, thủ tục và hồ sơ vay đơn giản, thời gian ra phê duyệt nhanh chóng...

suất sẽ áp dụng theo lãi suất cơ sở + 3,5%/năm, ân hạn gốc lên đến 5 năm, tỷ lệ vay lên đến 85% giá trị căn hộ, thời gian vay tối đa 25 năm. Đặc biệt khách hàng được miễn phí trả nợ trước hạn khi khoản vay đã duy trì thời gian từ 5 năm trở lên.



Vay tiêu dùng thế chấp:

Nếu quý khách đang có nhu cầu vay vốn để trang trải các chi phí sinh hoạt, du lịch, cưới hỏi, mua sắm nội thất gia đình...thì VietABank có giải pháp cho quý khách bằng sản phẩm cho vay tiêu dùng. Với những lợi ích vượt trội của sản phẩm như: được áp dụng mức lãi suất ưu đãi của chương trình “Vay ưu đãi – Lãi tri ân” chỉ từ mức 3%/năm (với khoản vay tiêu dùng từ 60 tháng trở lên), thời gian vay tối đa lên tới 120 tháng, được áp dụng bảng kê khai thu nhập, miễn phí phạt trả nợ trước hạn, thủ tục và hồ sơ vay đơn giản...Đặc biệt khách hàng có thể vay bù đắp với các khoản đã chi tiêu cho mục đích tiêu dùng với thời gian lên tới 90 ngày.

Thấu chi tài khoản thanh toán (có TSBD và không có TSBD)

Sản phẩm vay thấu chi dành cho KHCN tại VietABank cho phép khách hàng sử dụng vượt số dư có trên tài khoản thanh toán, mang lại sự thuận tiện cho quý khách. Nếu quý khách là CBNV của công ty đang sử dụng dịch vụ trả lương qua tài khoản tại VietABank, quý khách sẽ có cơ hội được cấp hạn mức thấu chi không tài sản bảo đảm tối đa lên tới 120 triệu đồng. Nếu quý khách chưa đáp ứng điều kiện để được cấp thấu chi không tài sản bảo đảm thì cũng đừng lo lắng, VietABank còn có sản phẩm cấp thấu chi có tài sản bảo đảm, với các loại tài sản được chấp nhận như: sổ dư tiền gửi tại VietABank, bất động sản đã có giấy chứng nhận với số tiền Hạn mức thấu chi lên đến 1 tỷ đồng...Những lợi ích vượt trội của sản phẩm thấu chi như sau: lãi suất hấp dẫn (nếu sử dụng

1 triệu thấu chi thì quý khách chỉ cần thanh toán lãi tương ứng là 700 đồng/ngày, tương đương 21 ngàn đồng/tháng); nếu quý khách chưa chi tiêu thấu chi thì hạn mức thấu chi còn nguyên trong tài khoản và quý khách không phải trả bất cứ chi phí nào; thấu chi có thể được sử dụng rất linh hoạt 24/24 thông qua việc chuyển khoản online từ tài khoản thấu chi sang tài khoản thụ hưởng....



Vay sản xuất kinh doanh bổ sung Vốn lưu động:

Sản phẩm vay sản xuất kinh doanh là sản phẩm VietABank thiết kế dành riêng cho KHCN có nhu cầu vay bổ sung vốn lưu động ngắn hạn và vay phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh trung hạn. Các ưu điểm vượt trội của sản phẩm: khách hàng được áp dụng chương trình ưu đãi lãi vay ngắn hạn “Lãi suất vàng – Kinh doanh rộn ràng” chỉ từ 5%/năm và chương trình ưu đãi lãi vay trung hạn “Vay ưu đãi – lãi tri ân” chỉ từ 3%/năm (với các khoản vay 60 tháng), với các nhu cầu ngắn hạn khách hàng có cơ hội được cấp hạn mức 12 tháng, với các nhu cầu trung hạn khách hàng có cơ hội được cấp với thời gian tối đa 60 tháng...



Vay sản xuất kinh doanh đầu tư TSCĐ:

Sản phẩm đầu tư tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh là sản phẩm VietABank thiết kế dành riêng cho KHCN có nhu cầu mở rộng nhà xưởng sản xuất... Với sản phẩm này khách hàng có cơ hội vay với thời gian tối đa lên tới 180 tháng, được áp dụng chương trình ưu đãi lãi vay trung dài hạn “Vay ưu đãi – lãi tri ân” chỉ từ 3%/năm (với các khoản vay có thời gian vay từ 60 tháng trở lên), miễn phí phạt trả nợ trước hạn với khoản vay đã duy trì thời gian vay từ 5 năm trở lên...



Vay cầm cố Số dư tiền gửi:

Nếu quý khách có tài khoản tiết kiệm tại VietABank nhưng chưa đến hạn tất toán. Quý khách đang cần gấp một khoản tiền để chi tiêu ngắn hạn nhưng vẫn muốn duy trì lãi suất ưu đãi hiện có của tài khoản tiết kiệm đang mở, thì VietABank đã có sản phẩm cho vay cầm cố số dư tiền gửi để đáp ứng nhu cầu của quý khách. Sản phẩm có các ưu điểm như: giải ngân ngay tức thì, lãi suất vay ưu đãi, thủ tục đơn giản, miễn phí trả nợ trước hạn...

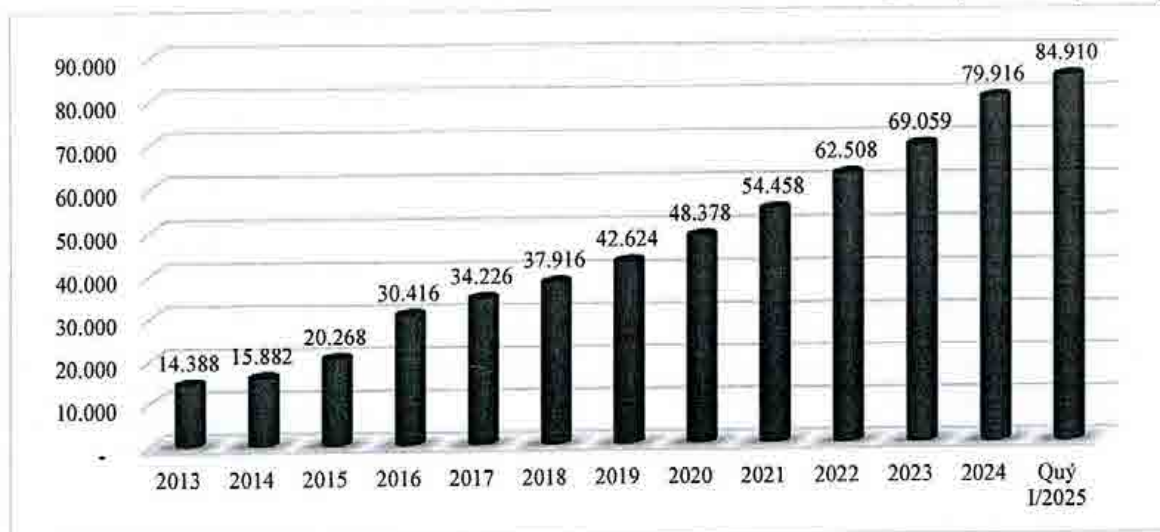
❖ Kết quả hoạt động tín dụng của VAB

VAB theo đuổi định hướng phát triển tín dụng an toàn và bền vững. Tăng trưởng dư nợ đảm bảo hài hòa mục tiêu an toàn quản lý rủi ro và chất lượng tín dụng hiệu quả. Ngân hàng đã nỗ lực đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng vào 10 ngành nghề mục tiêu, giải ngân cho các khách hàng có mức tín nhiệm tốt, đồng thời tăng cường công tác quản trị rủi ro và quản lý nợ sau giải ngân. Tính đến ngày 31/03/2025, dư nợ tín dụng của VAB đạt 84.910 tỷ đồng, tăng 6,25% so với cuối năm 2024. Trong giai đoạn 2013–2024, dư nợ cho vay khách hàng ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép bình quân (CAGR) đạt khoảng 17,24%/năm, phản ánh nỗ lực liên tục và hiệu quả trong chiến lược phát triển tín dụng bền vững của ngân hàng.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

Hình 7: Tình hình hoạt động tín dụng của VAB

Đơn vị tính: Triệu đồng



Nguồn: VAB

Cơ cấu dư nợ tín dụng

Cơ cấu cho vay khách hàng tiếp tục có sự thay đổi tích cực theo định hướng đã đề ra. Tính đến hết 31/12/2024, cơ cấu cho vay KHDN cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn duy trì ở mức trên 95% cho cả hai nhóm khách hàng này cho giai đoạn từ năm 2023 năm 2024.

❖ Dư nợ cho vay theo kỳ hạn

Theo số liệu hợp nhất đã kiểm toán tại thời điểm 31/12/2024, tổng dư nợ cho vay khách hàng tại VAB đạt 79.915.536 triệu đồng, tăng 10.856.496 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng 15,72% so với cùng kỳ năm 2023.

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn

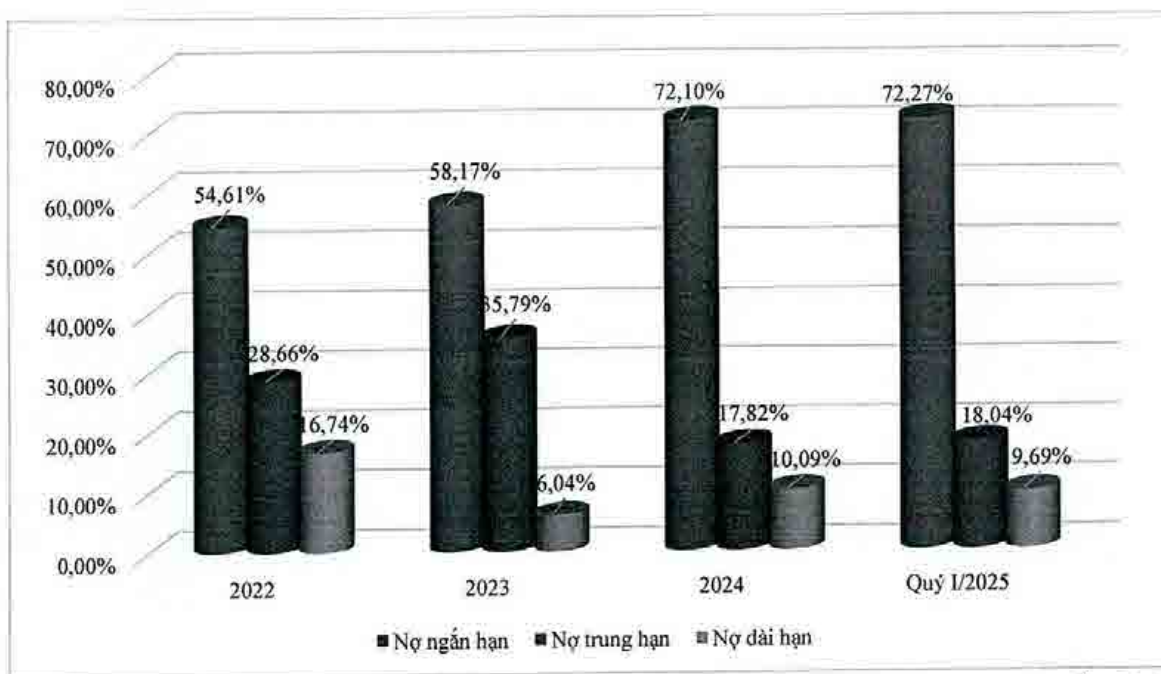
Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Loại hình	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
1	Nợ ngắn hạn	40.174.484	58,2%	57.616.561	72,1%	61.361.660	72,27%
2	Nợ trung hạn	24.713.196	35,8%	14.239.245	17,8%	15.320.605	18,04%
3	Nợ dài hạn	4.171.360	6,0%	8.059.730	10,1%	8.228.203	9,69%
	Tổng	69.059.040	100%	79.915.536	100%	84.910.468	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

VAB tăng trưởng tín dụng trên cơ sở phù hợp với định hướng của Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước và các giá trị kinh doanh cốt lõi. Chiến lược kinh doanh của VAB đảm bảo chất lượng hoạt động tín dụng được đặt lên hàng đầu và là cơ sở tạo nên nền tảng khách hàng ổn định, phát triển lâu dài.

Hình 8: Cơ cấu dư nợ cho vay theo kỳ hạn



Nguồn: VAB

❖ **Dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh**

Bảng 12: Dư nợ cho vay theo lĩnh vực

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Loại hình	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	16	0,02%	2	0,00%	3	0,00%
2	Khai khoáng	1.303	1,88%	1.903	2,38%	2.095	2,47%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.558	5,14%	3.706	4,64%	4.230	4,98%
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	3.235	4,68%	3.459	4,33%	3.496	4,12%

5	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	615	0,89%	875	1,09%	873	1,03%
6	Xây dựng	10.458	15,11%	12.560	15,72%	12.423	14,63%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	3.079	4,45%	6.128	7,67%	6.984	8,23%
8	Vận tải kho bãi	2.497	3,61%	3.588	4,49%	3.596	4,23%
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.622	8,13%	6.316	7,90%	6.327	7,45%
10	Thông tin và truyền thông	816	1,18%	636	0,80%	628	0,74%
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	-	0,00%	520	0,65%	490	0,58%
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.859	5,58%	4.062	5,08%	4.565	5,38%
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	12.772	18,46%	13.790	17,26%	13.827	16,28%
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	10.235	14,79%	12.166	15,22%	13.384	15,76%
15	Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	3	0,00%	6	0,01%	6	0,01%
16	Giáo dục và đào tạo	10	0,01%	8	0,01%	9	0,01%
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	3	0,00%	4	0,01%	3	0,00%
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	-	0,00%	7	0,01%	6	0,01%
19	Hoạt động dịch vụ khác	10.314	14,91%	9.151	11,45%	11.115	13,09%
20	Xuất nhập khẩu	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
21	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	663	0,96%	1.028	1,29%	851	1,00%

22	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
	Tổng cộng	69.190	100%	79.915	100%	84.910	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Tại thời điểm cuối năm 2024 và quý I/2025, ba ngành có dư nợ cao nhất trong danh mục tín dụng của VAB tiếp tục là: (i) Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; (ii) Xây dựng; và (iii) Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ.

Trong đó, ngành chuyên môn, khoa học và công nghệ duy trì vị trí dẫn đầu với dư nợ trên 13.800 tỷ đồng, mặc dù tỷ trọng có xu hướng giảm nhẹ từ 18,46% năm 2023 xuống còn 16,28% vào quý I/2025. Ngành xây dựng ghi nhận mức dư nợ ổn định quanh ngưỡng 15%, cho thấy nhu cầu vốn duy trì đều đặn cho các dự án hạ tầng và công trình dân dụng.

Đáng chú ý, ngành hành chính và dịch vụ hỗ trợ có mức tăng trưởng nổi bật, khi dư nợ tăng từ 10.235 tỷ đồng năm 2023 lên 13.384 tỷ đồng trong quý I/2025, kéo theo tỷ trọng tăng từ 14,79% lên 15,76%. Diễn biến này phản ánh xu hướng mở rộng hoạt động và nhu cầu tài trợ vốn gia tăng trong khu vực dịch vụ hỗ trợ, logistics và thuê ngoài.

VAB luôn thực hiện phân bổ tín dụng có trọng tâm, bám sát định hướng tăng trưởng ngành, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về giới hạn và quản lý rủi ro tín dụng theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Nhà nước.

❖ **Dư nợ dư nợ tín dụng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp**

Ngân hàng TMCP Việt Á là Ngân hàng đa dạng về đối tượng khách hàng, bao gồm cá nhân và pháp nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

Đối với nhóm khách hàng cá nhân:

Với mục tiêu đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, Ngân hàng TMCP Việt Á đa dạng hóa các hình thức tín dụng cá nhân, bao gồm: Cho vay mua bất động sản; vay phục vụ mục đích xây dựng, sửa chữa nhà; vay linh hoạt; vay tiêu dùng; vay bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; vay phát triển kinh tế hộ gia đình; ...

Đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp:

Tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp luôn ở mức cao trong cơ cấu tổng dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng TMCP Việt Á và có xu hướng tăng nhẹ trong giai đoạn năm 2023 đến 31/03/2025, từ mức 97,05% tại thời điểm 31/12/2023 tăng lên mức 97,60% tại ngày 31/12/2024 và tăng lên 98,06% tại ngày 31/03/2025. Đối tượng khách hàng chiếm tỷ trọng cao trong loại hình này là loại hình các Công ty TNHH và Công ty cổ phần.

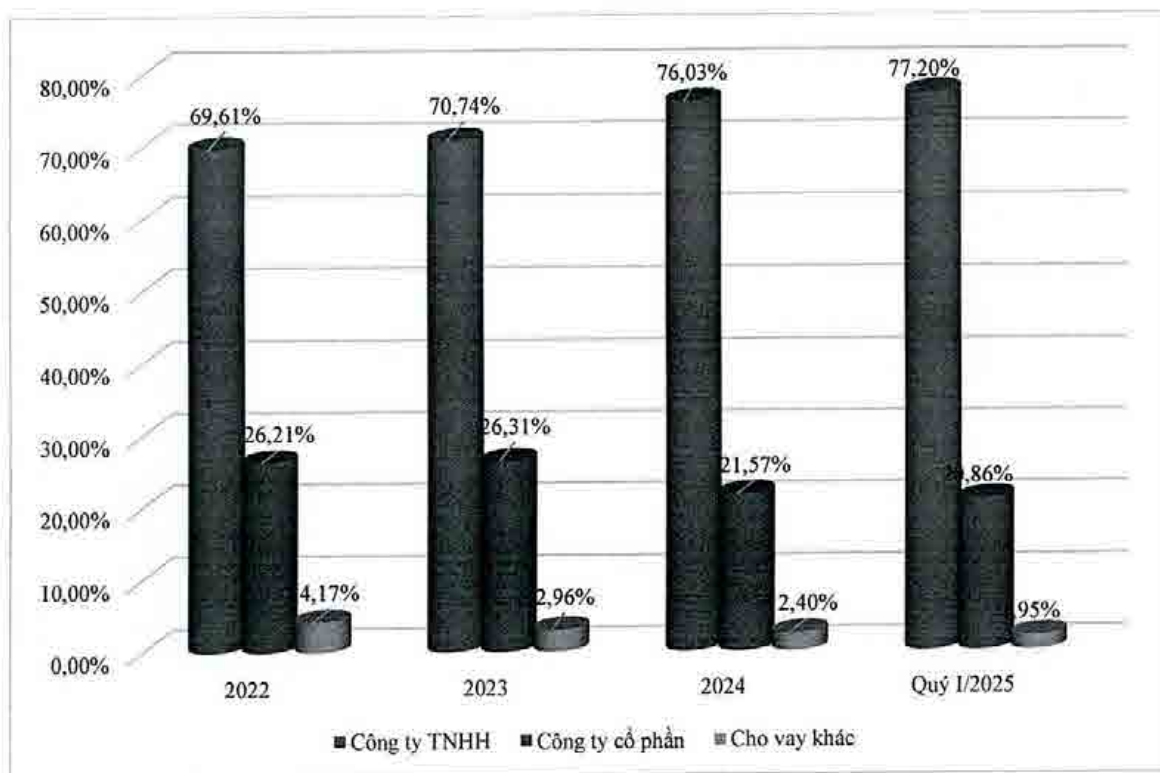
Bảng 13: Dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Loại hình	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	Công ty TNHH	48.849.514	70,74%	60.759.929	76,03%	65.547.271	77,20%
2	Công ty cổ phần	18.167.510	26,31%	17.235.819	21,57%	17.709.327	20,86%
3	Cho vay khác	2.042.016	2,96%	1.919.788	2,40%	1.653.870	1,95%
	Tổng	69.059.040	100%	79.915.536	100%	84.910.468	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Hình 9: Cơ cấu dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp



Nguồn: VAB

Khách hàng cho vay của VAB đều thuộc khối kinh tế tư nhân với các loại hình Công ty cổ phần, Công ty TNHH và các cá nhân.

❖ **Dư nợ cho vay theo nhóm nợ**

Bảng 14: Dư nợ cho vay theo nhóm nợ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Loại hình	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	Nợ đủ tiêu chuẩn (Nợ nhóm 1)	67.289.676	97,44%	78.490.807	98,22%	82.922.290	97,66%
2	Nợ cần chú ý (Nợ nhóm 2)	669.226	0,97%	333.686	0,42%	1.451.927	1,71%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn (Nợ nhóm 3)	574.539	0,83%	13.995	0,02%	9.751	0,01%
4	Nợ nghi ngờ (Nợ nhóm 4)	21.877	0,03%	558.089	0,70%	49.348	0,06%
5	Nợ có khả năng mất vốn (Nợ nhóm 5)	503.722	0,73%	518.959	0,65%	477.153	0,56%
	Tổng	69.059.040	100%	79.915.536	100%	84.910.468	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Chính sách của VAB luôn trích lập dự phòng ngay khi cần thiết trên cơ sở thận trọng và phù hợp với các quy định của NHNN. Các khoản dư nợ thuộc Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) luôn giữ vững ở mức 97% - 99% trong tổng dư nợ, đảm bảo an toàn rủi ro tín dụng theo các quy định của NHNN và quy định nội bộ của VAB. Các khoản nợ có chất lượng kém chỉ có tỷ trọng nhỏ (từ 0,1% đến 2,6% trong tổng dư nợ hàng năm).

VAB tiếp tục cơ cấu lại danh mục tín dụng theo ngành, khách hàng và hạn chế cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tập trung vào những ngành nghề được khuyến khích như: đẩy mạnh cho vay các doanh nghiệp SXKD, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tập trung cho vay một số ngành ưu tiên, công nghiệp phụ trợ, nông nghiệp, lâm nghiệp, bất động sản, y tế được..., cho vay các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty lớn sử dụng nhiều dịch vụ ngân hàng trong và ngoài nước.

VAB tập trung quản lý, nâng cao chất lượng tín dụng, trong năm đã xử lý dứt điểm một số khoản nợ có vấn đề tồn đọng nhiều năm.

Kết thúc năm 2024, nợ xấu (nhóm 3-5) là 1.091 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ là 1,37%, giảm so với mức 1,59% vào năm 2023 và 1,53% vào năm 2022 và thấp hơn so với mức tiêu chuẩn 3% của NHNN. Đến quý I/2025, tỷ lệ nợ xấu giảm mạnh chỉ còn 0,63%.

❖ **Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng**

Nhằm đảm bảo nguồn vốn dự phòng bù đắp rủi ro trong hoạt động tín dụng, VAB thường xuyên đánh giá và tuân thủ các quy định về việc trích lập dự phòng của NHNN, cụ thể tình hình trích lập như sau:

Bảng 15: Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	Năm 2023	Năm 2024	Quý I/2025
1	Dự phòng chung	514.165	595.174	633.250
2	Dự phòng cụ thể	232.505	163.298	172.278
	Tổng	746.670	758.472	805.528

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

7.1.3. Hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư của VAB bao gồm đầu tư chứng khoán và góp vốn đầu tư dài hạn. Trong giai đoạn năm 2023 đến quý I năm 2025, quy mô vốn tài trợ cho hoạt động đầu tư chiếm trung bình khoảng 10,8% tổng tài sản của Ngân hàng. Trong đó, tại thời điểm 31/03/2025, hoạt động đầu tư chứng khoán tăng 25,81% giá trị so với cuối năm 2024, cụ thể như sau:

Bảng 16: Hoạt động đầu tư của VAB

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chứng khoán đầu tư	7.416.315	98,9%	14.132.542	99,4%	17.780.619	99,54%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	82.610	1,1%	82.610	0,6%	82.610	0,46%
Tổng cộng	7.498.925	100%	14.215.152	100%	17.863.229	
% tổng tài sản	6,68%		11,86%		13,84%	

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

❖ Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bảng 17: Hoạt động đầu tư của VAB

ĐVT: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Quý I/2025
I	Chứng khoán đầu tư			
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	7.431.410	14.146.614	17.794.692
a	Chứng khoán nợ	7.377.840	14.096.335	17.744.412
	Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	5.597.767	5.403.570	6.781.357
	Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.649.173	8.692.765	10.963.055
	Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	130.900	-	-
b	Chứng khoán vốn	53.570	50.279	50.280
	Chứng khoán vốn do TCKT trong nước phát hành	53.570	50.279	50.280
2	Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
	CK nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-	-
	CK nợ do các TCKT trong nước phát hành	-	-	-
	Cộng	7.431.410	14.146.614	17.794.692
II	Dự phòng chứng khoán đầu tư			
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	15.095	14.072	14.073
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
	Cộng	15.095	14.072	14.073
III	Giá trị chứng khoán đầu tư ròng	7.416.315	14.132.542	17.780.619

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Tính đến cuối năm 2024, Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) đã đầu tư tổng cộng 8.692 tỷ đồng vào danh mục chứng khoán nợ, bao gồm chứng chỉ tiền gửi (CCTG) do các tổ chức tín dụng (TCTD) trong nước phát hành, ghi nhận mức tăng mạnh 7.043 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2023. Đến ngày 31/03/2025, số dư danh mục này tiếp tục tăng lên 10.963 tỷ đồng. Toàn bộ khoản đầu tư vào chứng khoán nợ tại thời điểm báo cáo đều là CCTG do các TCTD trong nước phát hành, không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp hay chứng khoán nợ của các tổ chức kinh tế ngoài ngành ngân hàng.

Năm 2024, danh mục đầu tư chứng khoán nợ của VAB ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ năm trước, xuất phát từ một số yếu tố vĩ mô và nội tại như sau:

- Tăng trưởng tín dụng toàn ngành có dấu hiệu chậm lại, dẫn đến nguồn vốn tạm thời dư thừa trong ngắn hạn cần được phân bổ hợp lý.
- Các TCTD tiếp tục đẩy mạnh huy động vốn để đảm bảo thanh khoản trong bối cảnh rủi ro hệ thống gia tăng, đặc biệt sau các sự kiện như vụ việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và sự sụt giảm niềm tin vào thị trường trái phiếu doanh nghiệp.
- Trong bối cảnh đó, VAB đã chủ động cơ cấu lại danh mục đầu tư, tăng tỷ trọng đầu tư vào CCTG nhờ các lợi thế vượt trội như:
 - + Lãi suất đầu tư hấp dẫn hơn so với lãi suất liên ngân hàng;
 - + Tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển nhượng trên thị trường thứ cấp;
 - + Mức độ rủi ro thấp, do bên phát hành là các TCTD, công ty tài chính có xếp hạng tín nhiệm cao, phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

VAB luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và nhóm khách hàng có liên quan. Căn cứ theo quy định tại Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành không được coi là khoản cấp tín dụng và không thuộc phạm vi áp dụng giới hạn cấp tín dụng. Đồng thời, VAB không phát sinh rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư này. Việc gia tăng tỷ trọng đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi trong năm 2024 là bước đi chủ động, nằm trong định hướng đa dạng hóa danh mục tài sản, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tạm thời trong ngắn hạn, và phù hợp với chiến lược quản trị thanh khoản, kiểm soát rủi ro và an toàn hoạt động của Ngân hàng. VAB cam kết tiếp tục tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo hoạt động đầu tư minh bạch, hiệu quả và bền vững, góp phần nâng cao năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động chung của Ngân hàng.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

❖ **Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn**

Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn của VAB chủ yếu là khoản vốn góp vào các công ty cổ phần. Cụ thể như sau:

Bảng 18: Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn của VAB

Đơn vị tính: triệu đồng

Công ty	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Quỹ Bảo lãnh cho các Doanh nghiệp vừa và nhỏ TP.HCM	-	-	-
CTCP Thương mại quốc tế (ITC)	904	904	904
CTCP Kim Hoàn Sài Gòn (SJC)	672	672	672
CTCP Thanh toán Quốc Gia Việt Nam (Napas)	2.000	2.000	2.000
CTCP Nước khoáng Vĩnh Hảo	15.565	15.565	15.565
CTCP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn (Techgel)	8.868	8.868	8.868
CTCP Đầu tư Công nghiệp Hoá chất Lào Cai	330	-	-
CTCP Khoáng sản Yên Bái VPG	41.850	-	-
CTCP Sài gòn Đầu tư Kỹ thuật Xây dựng (ECI-Sai Gon)	10.184	-	-
CTCP Bảo Hiểm Hùng Vương	54.600	54.600	54.600
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	134.973	82.610	82.610

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023 và 2024 của VAB

❖ **Kết quả hoạt động đầu tư**

Bảng 19: Kết quả hoạt động đầu tư

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Quý 1/2025
1	Lãi (lỗ) từ mua bán chứng khoán đầu tư	410.371	40.024	(2.694)
	Thu nhập từ mua chứng khoán đầu tư	412.554	42.635	1.989
	Chi phí về mua chứng khoán đầu tư	(2.595)	(2.691)	(4.683)

	<i>Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư</i>	412	79	-
2	Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	11.097	8.303	-

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

7.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

❖ Các sản phẩm giao dịch ngoại tệ

Dịch vụ mua bán ngoại tệ của VAB đáp ứng mọi nhu cầu hợp lệ của khách hàng với tỷ giá hấp dẫn. Các dịch vụ mua bán ngoại tệ hiện đang được VAB triển khai bao gồm:

Giao dịch ngoại tệ giao ngay (SPOT): Là giao dịch hai bên thực hiện mua/bán một lượng ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm giao dịch và kết thúc thanh toán trong ngày hoặc trong vòng 02 ngày làm việc tiếp theo.

Giao dịch ngoại tệ hoán đổi (SWAP): Là giao dịch đồng thời mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch), trong đó kỳ hạn thanh toán của hai giao dịch là khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định ngay tại thời điểm ký kết hợp đồng. Sản phẩm này có kỳ hạn thanh toán linh hoạt theo nhu cầu của khách hàng. Cụ thể Giao dịch hoán đổi giữa Đồng Việt Nam với các ngoại tệ: Từ 3 đến 365 ngày kể từ ngày giao dịch; Giao dịch hoán đổi giữa các ngoại tệ với nhau: Do VAB và khách hàng tự thỏa thuận.

Giao dịch ngoại tệ có kỳ hạn (FORWARD): Là giao dịch hai bên cam kết sẽ mua/ bán với nhau một lượng ngoại tệ theo mức tỷ giá được xác định vào thời điểm cam kết và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào thời điểm xác định trong tương lai.

- Áp dụng tỷ giá kỳ hạn: Tỷ giá được xác định vào ngày giao dịch trên cơ sở:
 - + Tỷ giá giao ngay,
 - + Chênh lệch lãi suất giữa hai đồng tiền giao dịch;
 - + Kỳ hạn của hợp đồng.
- Kỳ hạn thanh toán linh hoạt theo nhu cầu của khách hàng:
 - + Giao dịch giữa VND với ngoại tệ: kỳ hạn thanh toán tối thiểu là 03 ngày, tối đa là 365 ngày kể từ ngày giao dịch.
 - + Giao dịch giữa hai ngoại tệ khác nhau: kỳ hạn thanh toán dựa trên cơ sở thỏa thuận giữa VAB và khách hàng.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

❖ **Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối**

Hoạt động kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng bao gồm kinh doanh ngoại tệ giao ngay, kinh doanh vàng và kinh doanh từ các công cụ tài chính phát sinh tiền tệ. Từ năm 2021, VAB đã chủ trương thu hẹp các hoạt động kinh doanh ngoại hối, đặc biệt là kinh doanh vàng. Hoạt động kinh doanh ngoại hối hướng đến việc cung cấp các dịch vụ ngoại hối cho khách hàng của VAB, nhờ đó đã kiểm soát và hạn chế tối đa những rủi ro biến động tỷ giá trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ.

Bảng 20: Hoạt động kinh doanh ngoại hối

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Quý 1/2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	62.019	55.161	5.843
<i>Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay</i>	28.259	24.743	5.002
<i>Thu từ kinh doanh vàng</i>	521	0	0
<i>Thu từ các công cụ tài chính phát sinh tiền tệ</i>	33.239	30.418	842
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(55.808)	(56.628)	(1.798)
<i>Chi phí kinh doanh ngoại tệ giao ngay</i>	(9.031)	(19.638)	(704)
<i>Chi phí về kinh doanh vàng</i>	(332)	0	0
<i>Chi từ các công cụ tài chính phát sinh tiền tệ</i>	(46.445)	(36.990)	(1.094)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.212	(1.467)	4.045

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý 1/2025 của VAB

7.1.5. Dịch vụ khác

Cùng với sự lớn mạnh của mạng lưới khách hàng, chi nhánh và các phòng giao dịch, VAB cũng từng bước đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ ngân hàng như dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ... và một số dịch vụ đặc trưng khác.

❖ **Dịch vụ thanh toán**

- *Thư tín dụng nhập khẩu/Xuất khẩu (L/C):*

VAB thực hiện phát hành L/C theo yêu cầu của doanh nghiệp (người nhập khẩu) để cam kết thanh toán ngay hoặc thanh toán vào một thời hạn nhất định trị giá của L/C cho người hưởng lợi khi người hưởng lợi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với các điều kiện nêu trong L/C.

Ở chiều ngược lại, VAB kiểm tra tính chân thực bề ngoài của L/C hoặc sửa đổi L/C và thông báo đến doanh nghiệp. Bộ chứng từ sẽ được VAB hỗ trợ kiểm tra, hướng dẫn sửa chữa, chiết khấu (nếu có nhu cầu) và gửi đi nước ngoài yêu cầu thanh toán.

- Nhờ thu Nhập khẩu/Xuất khẩu

VAB với vai trò Ngân hàng nhờ thu sẽ chuyển bộ chứng từ xuất khẩu của Quý khách đi nước ngoài nhờ thu hộ, theo dõi, nhắc nhở thanh toán, chuyển tiền vào tài khoản của Quý khách khi đối tác thanh toán.

Ở chiều ngược lại, VAB nhận ủy quyền của người nhập khẩu để kiểm tra, thông báo chứng từ do ngân hàng của người xuất khẩu chuyển đến và thanh toán tiền theo yêu cầu của người xuất khẩu

- Chuyển tiền quốc tế

Nhu cầu thanh toán tiền hàng nhập khẩu, phí dịch vụ, hoa hồng... cho đối tác hay muốn chuyển lợi nhuận, doanh thu được chia và thu nhập hợp pháp về nước (đối với các nhà đầu tư nước ngoài)... của Khách hàng sẽ được đáp ứng tốt nhất với dịch vụ chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài của VAB.

Nhu cầu nhận tiền thanh toán bằng điện chuyển tiền (Telegraphic Transfer) của đối tác cho các hợp đồng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của Khách hàng sẽ được đáp ứng một cách nhanh chóng, an toàn và hiệu quả thông qua dịch vụ chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam của VAB.

- Dịch vụ chi trả kiều hối Western Union

Dịch vụ nhận tiền từ nước ngoài gửi về qua Western Union được cung cấp bởi VAB với dịch vụ chuyên nghiệp, nhanh chóng, thuận lợi, an toàn và hoàn toàn không thu phí người nhận tiền.

- Dịch vụ chuyển tiền trong nước

Với mạng lưới chi nhánh và các điểm giao dịch trải rộng trên toàn quốc, VAB cam kết dịch vụ chuyển tiền đi/ đến của khách hàng được thực hiện một cách nhanh chóng, an toàn và thuận lợi.

❖ Dịch vụ ngân quỹ

Nhằm cung ứng các tiện ích cho khách hàng khi thực hiện giao dịch bằng tiền mặt, VAB đã triển khai các dịch vụ về ngân quỹ như sau.

- Thu đổi ngoại tệ theo qui định của NHNN với tỷ giá hợp lý.
- Dịch vụ chi trả hộ: gồm chi trả hộ lương cho CB CNV, chi cổ tức cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

- Dịch vụ kiểm đếm tiền mặt tại chỗ
- Kiểm định vàng.
- Kiểm đếm và xác định ngoại tệ thật, giả.
- ❖ **Kết quả kinh doanh hoạt động dịch vụ**

Bảng 21: Hoạt động dịch vụ (Hợp nhất)

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Quý I/2025
Thu phí dịch vụ	109.798	163.203	46.487
<i>Thu dịch vụ thanh toán</i>	<i>48.646</i>	<i>109.998</i>	<i>36.266</i>
<i>Thu dịch vụ ngân quỹ</i>	<i>314</i>	<i>728</i>	<i>38</i>
<i>Thu dịch vụ uỷ thác và đại lý</i>	<i>13.761</i>	<i>12.727</i>	<i>3.644</i>
<i>Thu khác về dịch vụ</i>	<i>47.075</i>	<i>39.749</i>	<i>6.540</i>
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(33.212)	(34.574)	(6.455)
<i>Chi dịch vụ thanh toán</i>	<i>(14.399)</i>	<i>(16.510)</i>	<i>(2.537)</i>
<i>Chi về dịch vụ ngân quỹ</i>	<i>(340)</i>	<i>(323)</i>	<i>(48)</i>
<i>Chi khác về dịch vụ</i>	<i>(18.472)</i>	<i>(17.740)</i>	<i>(3.871)</i>
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	76.586	128.629	40.032

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Bảng 22: Hoạt động dịch vụ (Riêng)

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Quý I/2025
Thu phí dịch vụ	70.836	136.607	43.621
<i>Thu dịch vụ thanh toán</i>	<i>48.653</i>	<i>110.008</i>	<i>36.267</i>
<i>Thu dịch vụ ngân quỹ</i>	<i>314</i>	<i>728</i>	<i>38</i>
<i>Thu dịch vụ uỷ thác và đại lý</i>	<i>13.761</i>	<i>12.727</i>	<i>3.644</i>
<i>Thu khác về dịch vụ</i>	<i>8.106</i>	<i>13.143</i>	<i>3.672</i>

Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(33.140)	(34.424)	(6.455)
<i>Chi dịch vụ thanh toán</i>	<i>(14.399)</i>	<i>(16.510)</i>	<i>(2.537)</i>
<i>Chi về dịch vụ ngân quỹ</i>	<i>(340)</i>	<i>(323)</i>	<i>(48)</i>
<i>Chi khác về dịch vụ</i>	<i>(18.401)</i>	<i>(17.590)</i>	<i>(3.871)</i>
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	37.696	102.183	37.166

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC riêng Quý I/2025 của VAB

7.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

7.2.1. Tổng quan

VAB đã và đang tiếp tục xây dựng một chiến lược QTRR vững mạnh với một hệ thống phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh và những hướng dẫn vận hành chặt chẽ nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong trung và dài hạn. Khối Quản trị Rủi ro thuộc sự giám sát của HĐQT và Ban Điều hành là một trong những nhân tố chủ yếu của hoạt động VAB và được thực hiện chặt chẽ ngay từ khi VAB đi vào hoạt động. Ý thức rằng QTRR đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một NHTM, VAB xây dựng chiến lược QTRR dựa trên các nguyên tắc sau: an toàn trong hoạt động cho vay; đa dạng danh mục cho vay; đơn giản, thuận tiện trong qui trình; cam kết đầu tư vào phát triển con người và hệ thống; và các chính sách thận trọng được đầu tư về trung và dài hạn.

Chiến lược QTRR cơ bản của VAB là xây dựng một hệ thống QTRR phù hợp với Chiến lược và mô hình phát triển kinh doanh kèm theo các hướng dẫn vận hành chi tiết. Chiến lược này sẽ được triển khai tương thích với mức độ rủi ro mà VAB gặp phải, cho phép vừa phát triển kinh doanh vừa đảm bảo việc phòng ngừa, giảm thiểu và kiểm soát rủi ro. Chiến lược QTRR sẽ gắn chặt với các hoạt động kinh doanh chủ chốt của VAB và linh hoạt để thích ứng với những thay đổi của môi trường bên ngoài.

Để xây dựng được hệ thống QTRR như vậy, VAB đã liên tục củng cố nền tảng của Khung quản trị rủi ro bằng việc phát huy những thành tựu đạt được và phát triển cán bộ nòng cốt thông qua công tác đào tạo. Cùng với việc áp dụng những công cụ QTRR và ứng dụng công nghệ mới nhất, công tác QTRR sẽ được áp dụng trong mọi khía cạnh hoạt động của VAB.

Bên cạnh đó VAB đã tích cực đầu tư vào các hệ thống công nghệ, phần mềm và giải pháp để nâng cao năng lực quản trị, phòng chống rủi ro như: Đầu tư và nâng cấp hệ thống phòng chống rửa tiền (AML), đảm bảo tuân thủ các quy định mới nhất và liên thông với các hệ thống của NHNN; đầu tư hệ thống giám sát an toàn công nghệ thông tin SIEMSOC, hệ thống tường lửa

firewall mới nhất, hệ thống core switch cho phép VAB giám sát tổng thể mọi hoạt động liên quan đến hệ thống công nghệ tập trung, theo thời gian thực...; đầu từ hệ thống thu thập thông tin sinh trắc học khách hàng được kết nối với BCA (C06) để kiểm tra giao dịch/thông tin khách hàng theo thời gian thực; hệ thống chấm điểm tín dụng khách hàng cá nhân...

7.2.2. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Khối Quản trị rủi ro

Cơ cấu bộ máy tổ chức của khối quản trị rủi ro trong VAB được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 3: Cơ cấu tổ chức của khối quản trị rủi ro



Khối QTRR có các nhiệm vụ như sau:

- Hoạch định, xây dựng chiến lược và triển khai thực hiện kế hoạch QTRR toàn hệ thống. Xây dựng chính sách qui định, triển khai và giám sát việc tuân thủ thực hiện đảm bảo giảm thiểu rủi ro toàn hệ thống.
- Hỗ trợ các khối kinh doanh và các đơn vị trong các chương trình hành động của khối, giám sát việc thực hiện các chính sách qui định QTRR. Hỗ trợ xây dựng các chính sách, sản phẩm tín dụng, cảnh báo sớm rủi ro nhằm giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận của Ngân hàng.
- Xây dựng các công cụ định lượng và đánh giá rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, định kỳ kiểm soát rủi ro toàn danh mục, kiểm soát đảm bảo chất lượng tín dụng toàn hệ thống.
- Thực hiện các công việc kiểm tra, tái thẩm định các hồ sơ đề xuất cấp tín dụng, đưa ra những ý kiến độc lập và những đề xuất giảm thiểu rủi ro tín dụng.
- Đưa ra các quyết định phê duyệt theo chính sách, sản phẩm của VAB một cách rõ ràng, nhất quán trong phạm vi thời gian quy định.
- Kiểm soát đảm bảo chất lượng tín dụng và tài sản đảm bảo toàn hệ thống. Quản lý danh mục QTRR, cung cấp các báo cáo phân tích và cảnh báo rủi ro, xây dựng các công cụ Quản trị kiểm soát rủi ro.

- Xây dựng chính sách, công cụ, phương thức quản lý tài sản bảo đảm và hệ thống thu hồi nợ nhằm giảm thiểu tổn thất cho VAB.
- Xây dựng chính sách, công cụ, phương thức quản lý vốn nhằm giảm thiểu tổn thất cho VAB.

7.2.3. Các phương pháp đánh giá rủi ro các khoản vay

VAB đã phát triển các mô hình đánh giá tín dụng khác nhau phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Những mô hình này thường xuyên được rà soát và cải thiện khi Ngân hàng có thêm nhiều dữ liệu. Tất cả những khách hàng tiềm năng đều được đánh giá tín dụng thông qua hệ thống đánh giá tín dụng nội bộ của Ngân hàng trước khi hồ sơ vay của họ được phê duyệt. VAB đã xây dựng các chính sách và hướng dẫn sử dụng các mô hình đánh giá tín dụng này để đảm bảo rằng nhân viên quen thuộc với các phương pháp đánh giá tín dụng của Ngân hàng. Ngoài ra, mô hình đánh giá tín dụng cũng được tích hợp vào hệ thống CNTT của Ngân hàng, do đó tăng tính hiệu quả của quy trình đánh giá và QTRR.

- **Mô hình đánh giá tín dụng đối với KHCN**

Nhằm hoàn thiện việc đánh giá rủi ro đến từ các khách hàng cá nhân, VAB đã đưa vào sử dụng mô hình xác định và mô phỏng xác suất vỡ nợ (Probability of default) của KHCN nhằm lượng hóa các tổn thất tín dụng. Ngân hàng sẽ xác định các biến số trong mô hình dựa trên các dữ liệu nội bộ, bao gồm thông tin về khách hàng, lịch sử giao dịch, lịch sử thanh toán trong quá khứ, dữ liệu của cơ quan tín dụng, tài sản hiện có và các sản phẩm ngân hàng đang được khách hàng sử dụng. Ngoài ra, VAB cũng đã hoàn thiện mô hình mới có khả năng dự phóng các tổn thất ước tính (Loss Given Default) để tính toán giá trị nội tại và giá trị còn lại của tài sản đảm bảo nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của biến động thị trường lên giá trị tài sản này.

Sự kết hợp giữa mô hình Xác định và mô phỏng xác suất vỡ nợ (PD) và mô hình dự phòng các tổn thất ước tính (LGD) giúp ngân hàng lượng hóa rủi ro tín dụng của khách hàng tại bất cứ thời điểm nào, từ đó giúp Ngân hàng ra các quyết định tín dụng khác nhau như phê duyệt hồ sơ vay, quyết định bán chéo sản phẩm và các quyết định khác tại giai đoạn tiền phê duyệt và/hoặc giai đoạn cảnh báo sớm.

- **Mô hình đánh giá tín dụng đối với KHDN**

Khách hàng doanh nghiệp được xếp loại bằng những mô hình PD khác nhau, tùy theo phân khúc khách hàng. Những mô hình này tích hợp và xem xét đến các yếu tố định lượng và cả định tính nhằm đánh giá khách hàng qua ba tiêu chí: (i) ngành, lĩnh vực hoạt động và sự thành lập; (ii) mức độ tin cậy về mặt tín dụng của khách hàng; và (iii) ngành nghề kinh doanh, tình hình tài chính, tài sản và khả năng chi trả.

Các khách hàng doanh nghiệp được xếp loại, đánh giá lại định kỳ mỗi năm một lần hoặc khi có sự thay đổi đáng kể ảnh hưởng đến xếp loại rủi ro của khách hàng. Kết quả xếp loại được sử dụng như nguồn tham chiếu chính trong quá trình phê duyệt tín dụng của khách hàng.

7.2.4. Mục tiêu và định hướng công tác quản trị rủi ro

❖ VAB – hiểu rõ khách hàng để quản trị rủi ro tốt hơn

Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ đảm bảo sức khỏe tài chính và sự phát triển bền vững của một ngân hàng. Vì vậy, trong những năm gần đây các ngân hàng Việt Nam rất chú trọng đầu tư và đẩy mạnh hoạt động quản lý rủi ro.

Sự khác biệt của VAB là tất cả mọi chiến lược và hoạt động của chúng tôi đều đặt khách hàng ở trung tâm, làm thế nào để mang lại giá trị cho khách hàng, đi song hành cùng với sự phát triển thịnh vượng của khách hàng thay vì tập trung bằng mọi cách để bán sản phẩm của mình. Khi hiểu khách hàng, chất lượng của sản phẩm dịch vụ sẽ sát với nhu cầu của khách hàng, và theo đó Ngân hàng cùng phát triển đồng hành với khách hàng. Hiểu rõ điều này, “Khách hàng là trọng tâm” cũng chính là kim chỉ nam cho hoạt động quản lý rủi ro của VAB và được thể hiện qua các góc độ sau:

❖ Mô hình quản lý rủi ro hướng tới khách hàng

Với mục tiêu QTRR hiệu quả, thông suốt, minh bạch và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, mô hình quản trị tại VAB tách biệt các chức năng bán hàng và phê duyệt chấp nhận rủi ro, theo đó các bộ phận chức năng đều có vai trò độc lập của mình. Việc có chung một mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, nhằm phát triển kinh doanh song hành với đảm bảo quản trị rủi ro hiệu quả là vô cùng thách thức. Tuy nhiên, mô hình QTRR được xây dựng theo từng phân khúc khách hàng, đáp ứng với quy mô, đặc tính, hành vi của từng nhóm khách hàng và với định hướng “QTRR chủ động tới gần khách hàng hơn, am hiểu kinh doanh hơn” đã giúp VAB ngày càng quản trị rủi ro hiệu quả hơn, hiểu khách hàng, nhận diện sớm các rủi ro và có các quyết định phù hợp hơn.

VAB xây dựng các phương thức quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản linh hoạt và chủ động dự phòng cho các phương án rủi ro. Việc linh hoạt trong quản trị, giúp vừa quản lý được vốn mà đơn giản trong vận hành kinh doanh. Theo đó, các giải pháp và dịch vụ cho khách hàng cũng có nhiều lựa chọn hơn, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng. Một số sản phẩm được đánh giá cao, trong đó đặc biệt là các sản phẩm trái phiếu Doanh nghiệp bán cho các KHCN cũng được các khách hàng nhiệt tình tham gia.

❖ Văn hóa tuân thủ đảm bảo tính hệ thống và chuẩn mực

Với mục tiêu chiến lược là Ngân hàng tốt nhất tại Việt Nam, VAB đã luôn tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất vào hoạt động quản trị kinh doanh, đặc biệt trong công tác quản trị rủi ro. Việc nghiêm túc tuân thủ các qui định pháp luật, các chuẩn mực tiêu chuẩn quốc tế và

chủ động thực hiện áp dụng toàn hệ thống, VAB hướng tới xây dựng hệ thống minh bạch tin cậy đối với các khách hàng và đối tác.

Văn hóa tuân thủ được xây dựng, phát huy và đề cao ở VAB. Các cán bộ VAB nghiêm túc và đề cao tính tự giác tuân thủ, không dung túng bao che các vi phạm. Bên cạnh đó còn chủ động cam kết thực hiện các chuẩn mực hành vi và đạo đức nghề nghiệp.

❖ **Kế hoạch và định hướng**

Trong các năm tới, VAB tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Trong công tác QTRR hoạt động: cán bộ VAB nghiêm túc, thống nhất, đưa công tác QTRR hoạt động gắn liền với hoạt động của tất cả đơn vị theo sự chỉ đạo, định hướng của Hội đồng rủi ro hoạt động và Pháp lý.
- Xây dựng một văn hóa QTRR hoạt động mạnh mẽ, trở thành một cấu phần quan trọng trong Văn hóa tổ chức của VAB.

7.3. Thị trường hoạt động

❖ **Mạng lưới chi nhánh**

- Trụ sở chính đặt tại Tầng 4 và 5, Tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội.
- Số lượng chi nhánh (CN), phòng giao dịch (PGD) theo từng năm (từ năm 2019 đến năm 2024):

Bảng 23: Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của VAB

Mạng lưới	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Số lượng chi nhánh (bao gồm Hội sở)	25	25	25	25	25	25
Số lượng PGD	73	73	73	73	73	73
Số lượng Quỹ tiết kiệm	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	98	98	98	98	98	98
Số lượng CN mở mới	3	0	0	0	0	0
Số lượng PGD mở mới	4	0	0	0	0	0
Số lượng PGD chuyển đổi từ QTK	0	0	0	0	0	0
Cộng	7	0	0	0	0	0
Phân bố mạng lưới						
Miền Bắc & Hà Nội	19	19	19	19	19	19
Miền Trung & Tây Nguyên	24	24	24	24	24	24
HCM & Đông Nam Bộ	38	38	38	38	38	38
Miền Tây	17	17	17	17	17	17

Tổng cộng	98	98	98	98	98	98
------------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

- o Năm 2015, VAB khai trương hoạt động PGD Duy Xuyên chi nhánh Hội An.
- o Năm 2016, theo quyết định số 752/NHNN-TTGSNH ngày 05/02/2016 VAB nâng cấp toàn bộ 05 Quỹ tiết kiệm (Nguyễn Thượng Hiền, Số 2, Sơn Tịnh, Tây Bắc Cù Chi, Số 4) lên mô hình PGD. Đồng thời, VAB được cấp phép mở mới và khai trương chi nhánh Bắc Ninh.
- o Năm 2017 khai trương 03 Chi nhánh (Phan Thiết, Quảng Ninh, Hải Phòng).
- o Năm 2018, VAB không mở mới thêm CN và PGD.
- o Năm 2019, VAB khai trương và đưa vào hoạt động 03 chi nhánh: Hà Đông, Thăng Long, Hoàng Mai và 04 PGD (Lê Chân trực thuộc chi nhánh Hải Phòng), (An Nhơn – Quy Nhơn), (Bắc Phan Thiết – Phan Thiết), (Trảng Dài – Đồng Nai). Đến năm 2019, mạng lưới ngân hàng có 98 điểm giao dịch gồm: 01 trụ sở chính, 24 chi nhánh và 73 PGD.
- o Từ năm 2019 đến nay, VAB chưa mở mới thêm CN và PGD.

Tính đến nay, Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) có 98 điểm giao dịch trên toàn quốc. Từ năm 2019, do ảnh hưởng kéo dài của dịch Covid-19 và chưa hoàn tất kế hoạch tăng vốn điều lệ, VAB chưa mở rộng thêm mạng lưới. Tuy nhiên, theo kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt, VAB sẽ tăng vốn điều lệ lên 11.582 tỷ đồng. Khi đó, ngân hàng sẽ đủ điều kiện mở rộng mạng lưới theo Thông tư 32/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024. VAB đã xây dựng quy hoạch phát triển mạng lưới, ưu tiên mở rộng tại các vùng kinh tế trọng điểm. Sau khi tăng vốn, ngân hàng sẽ có thêm nguồn lực đầu tư vào quỹ đất, mở mới chi nhánh, phòng giao dịch và tăng hiện diện tại các khu vực tiềm năng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phục vụ khách hàng hiệu quả hơn.

- VAB có 01 công ty con: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản NHTMCP Việt Á (viết tắt là AMC VAB), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 2764/QĐ-NHNN ngày 18/11/2010. Đến 31/12/2024, VAB AMC có vốn điều lệ 500 tỷ đồng.

❖ Mạng lưới khách hàng và các dịch vụ cho khách hàng

VAB đã triển khai mạng lưới 43 máy ATM để phục vụ nhu cầu giao dịch của khách hàng. Hiện tại, VAB chưa đầu tư máy POS đặt tại các đơn vị chấp nhận thẻ (nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, công ty du lịch, khách sạn,...), đầu tư các máy POS lắp đặt tại các Chi nhánh/Phòng Giao dịch, các đơn vị chấp nhận thanh toán để phục vụ cho nhu cầu thanh toán của khách hàng.

Ngoài mạng lưới ATM/POS của mình, VAB còn tham gia liên minh thẻ NAPAS (Công ty Cổ phần Chuyển mạch Quốc gia Việt Nam - đơn vị chuyển mạch thẻ duy nhất tại Việt Nam hiện

nay), cho phép khách hàng giao dịch tại tất cả các ATM/POS trên toàn quốc (18.586 ATM và 228.420 POS).

❖ **Thị phần và khả năng cạnh tranh**

Hiện tại, VAB đã có trên 500.000 KHCN và khoảng trên 10.000 KHDN đang sử dụng dịch vụ của VAB. VAB đã thiết lập một hệ thống dịch vụ toàn diện nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng gồm dịch vụ ngân hàng bán buôn, ngân hàng bán lẻ, dịch vụ ngân hàng dành cho doanh nghiệp và các tổ chức khác, dịch vụ tài chính cá nhân. Đồng thời, VAB cũng phát triển các kênh giao dịch điện tử internet banking, mobile banking, hỗ trợ thanh toán hóa đơn và thanh toán qua các website bán hàng trên mạng trên thị trường Việt Nam.

Thời điểm hiện tại, mạng lưới phân phối của VAB là mạng lưới lớn trong khối ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam.

7.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Hiện VAB đã và đang triển khai hàng loạt các dự án như:

- Dự án OMNI Channel
- Dự án loyalty dành cho GDV tại quầy,
- Dự án ILos trong phê duyệt tín dụng
- Dự án thanh toán hóa đơn tại quầy
- Dự án phần mềm định giá đất,
- Dự án Tingbox
- Dự án triển khai dịch vụ thanh toán QRcode với các đối tác liên quan

7.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Ngân hàng:



Biểu tượng trên được Ngân hàng thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh, Ngân hàng sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ.

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

Theo số liệu báo cáo của VAB, giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2024 và quý I năm 2025, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng có nhiều khởi sắc, quy mô tài sản và lợi nhuận sau thuế duy trì mức tăng trưởng tốt, cụ thể như sau:

Bảng 24: Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2023 đến Quý I/2025 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm	Quý I/2025
Tổng giá trị tài sản	112.196	119.832	6,81%	129.046
Dư nợ cho vay khách hàng	69.059	79.916	15,72%	84.910
Tiền gửi khách hàng	86.695	90.289	4,15%	93.896
Vốn chủ sở hữu	7.997	8.857	10,75%	9.152
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	2.513	2.662	5,93%	666
- Thu nhập lãi thuần	1.810	2.328	28,62%	613
- Tổng thu nhập ngoài lãi	703	334	-52,35%	53
Chi phí hoạt động	909	1.021	12,30%	225
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	917	1.085	18,43%	353
LNTT/TOI	36,5%	40,8%	11,76%	53,00%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	173	219	26,59%	60
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	744	867	16,53%	293
LNST/TOI	29,61%	32,56%	9,97%	43,99%
Tỷ lệ chi phí/Tổng thu nhập hoạt động (CIR)	36,18%	38,34%	5,98%	33,83%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản (ROA)	0,66%	0,72%	9,11%	0,23%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên VCSH (ROE)	9,30%	9,79%	5,22%	3,20%
Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II	9,25%	9,31%	0,76%	9,09%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Bảng 25: Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2023 đến Quý I/2025 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm	Quý I/2025
Tổng giá trị tài sản	112.130	119.812	6,85%	129.018
Dư nợ cho vay khách hàng	69.059	79.916	15,72%	84.910
Tiền gửi khách hàng	86.702	90.371	4,23%	93.974
Vốn chủ sở hữu	7.970	8.797	10,38%	9.086
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	2.428	2.564	5,60%	654
- Thu nhập lãi thuần	1.810	2.323	28,34%	612
- Tổng thu nhập ngoài lãi	618	241	-61,00%	42
Chi phí hoạt động	852	964	13,16%	221
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	889	1.045	17,55%	346
LNTT/TOI	36,61%	40,76%	11,31%	52,91%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	177	210	18,64%	60
Lợi nhuận sau thuế	711	835	17,28%	286
LNST/TOI	29,32%	32,57%	11,05%	43,73%
Tỷ lệ chi phí/Tổng thu nhập hoạt động (CIR)	35,09%	37,60%	7,16%	33,85%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản (ROA)	0,63%	0,70%	9,76%	0,22%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên VCSH (ROE)	8,93%	9,49%	6,25%	3,15%
Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II	9,21%	9,25%	0,54%	9,03%

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC riêng Quý I/2025 của VAB

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 867 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng 16,53% so với mức 744 tỷ đồng của năm 2023. Mức tăng này chủ yếu đến từ sự cải thiện đáng kể trong thu nhập lãi thuần, đạt 2.328 tỷ đồng, tăng mạnh 28,62% so với cùng kỳ. Mặc dù thu nhập ngoài lãi sụt giảm 52,35%, tổng thu nhập hoạt động (TOI) vẫn tăng 5,93%, đạt 2.662 tỷ đồng, phản ánh hiệu quả trong việc mở rộng quy mô tín dụng và tối ưu hóa danh mục sinh lời.

8.2 Phân tích các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

Kết thúc năm tài chính 2024, VAB ghi nhận mức tăng trưởng tích cực về cả tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Cụ thể, tổng tài sản hợp nhất đạt 119.832 tỷ đồng, tăng 6,81% so với năm 2023; trên báo cáo tài chính riêng lẻ, con số này là 119.812 tỷ đồng, tăng 6,85%. Mức tăng đồng đều giữa hai loại báo cáo cho thấy sự minh bạch và ổn định trong hoạt động tài chính của ngân hàng, đồng thời phản ánh xu hướng mở rộng quy mô hoạt động một cách có kiểm soát.

Vốn chủ sở hữu của VAB cũng tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024. Trên báo cáo hợp nhất, vốn chủ sở hữu tăng 10,74%, từ 7.997 tỷ đồng lên 8.856 tỷ đồng; trên báo cáo riêng lẻ, mức tăng là 10,38%. Tốc độ tăng vốn chủ sở hữu vượt trội so với tăng trưởng tài sản là dấu hiệu tích cực, cho thấy VAB đang chú trọng nâng cao chất lượng tài chính, củng cố năng lực vốn và tăng cường khả năng chống chịu trước rủi ro trong môi trường kinh doanh đầy biến động.

Bước sang quý I năm 2025, VAB tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định. Tổng tài sản tăng thêm 7,7% so với cuối năm 2024, trong khi vốn chủ sở hữu tăng 3,3%. Tuy tốc độ tăng vốn chủ sở hữu có phần chậm lại so với tài sản, nhưng vẫn thể hiện sự tích cực trong bối cảnh thị trường tài chính còn nhiều thách thức.

Về hiệu quả hoạt động, lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 867 tỷ đồng, tăng 16,53% so với năm 2023. Đây là mức tăng trưởng ấn tượng, vượt xa tốc độ tăng của tài sản và vốn chủ sở hữu, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn đang được cải thiện rõ rệt, đồng thời phản ánh sự phục hồi tích cực trong hoạt động kinh doanh cốt lõi của ngân hàng.

Ngược lại, năm 2023 là một năm đầy thách thức với VAB nói riêng và toàn ngành ngân hàng nói chung. Lợi nhuận sau thuế của VAB trong năm này đạt 712 tỷ đồng, giảm 127 tỷ đồng so với năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chi phí huy động vốn tăng mạnh do ảnh hưởng của sự kiện liên quan đến Ngân hàng SCB và sự đổ vỡ của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, khiến nhiều ngân hàng phải nâng lãi suất huy động để dự phòng rủi ro thanh khoản. Bên cạnh đó, bối cảnh nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong kinh doanh đã làm gia tăng nợ quá hạn và nợ xấu, khiến chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tăng cao, ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của ngân hàng.

Tuy nhiên, VAB đã có những giải pháp chủ động nhằm cải thiện kết quả kinh doanh. Ngân hàng đã thực hiện bán một số khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ được mua từ các thời điểm trước, qua đó hiện thực hóa lợi nhuận. Nhờ đó, lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư trong năm 2023 tăng tới 368 tỷ đồng, tương đương mức tăng 870% so với cùng kỳ, góp phần bù đắp một phần suy giảm từ hoạt động tín dụng.

Tổng kết, giai đoạn 2023 - Quý I/2025 cho thấy VAB đã vượt qua giai đoạn khó khăn bằng các giải pháp linh hoạt và đang trên đà phục hồi mạnh mẽ. Tăng trưởng tài sản, củng cố vốn chủ sở hữu và cải thiện hiệu quả hoạt động là những điểm sáng nổi bật, khẳng định hướng đi ổn định và bền vững của ngân hàng trong bối cảnh ngành tài chính – ngân hàng còn nhiều biến động.

❖ **Cơ cấu thu nhập hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á**

Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (TOI) của VAB trong giai đoạn 2023 – 2024 chủ yếu bao gồm hai cấu phần chính là thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ, phản ánh định hướng tập trung vào hoạt động cốt lõi và sự ổn định trong nguồn thu.

Bảng 26: Cơ cấu thu nhập của VAB

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Thu nhập lãi thuần	1.809,5	72,01%	2.327,7	87,44%	612,5	92,01%
2	Lãi/lỗ từ hoạt động dịch vụ	76,6	3,05%	128,6	4,83%	40,0	6,01%
3	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	6,2	0,25%	(1,5)	-0,06%	4,0	0,61%
4	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	0,00%	(0,0)	0,00%	-	0,00%
5	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	410,4	16,33%	40,0	1,50%	(2,7)	-0,40%
6	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	199,2	7,93%	158,8	5,97%	11,8	1,77%

7	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	11,1	0,44%	8,3	0,31%	-	0,00%
Tổng thu nhập hoạt động		2.513,0	100%	2.661,9	100%	665,7	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Trong năm 2024, thu nhập lãi thuần đạt 2.327,7 tỷ đồng, tăng 28,6% so với mức 1.809,5 tỷ đồng của năm 2023, chiếm 87,44% tổng thu nhập hoạt động, so với tỷ trọng 72,01% của năm trước. Sự gia tăng mạnh mẽ này được thúc đẩy bởi mức tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng đạt 15,72% cùng với sự cải thiện biên lãi ròng (NIM), phản ánh khả năng tối ưu hóa chi phí vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản sinh lời.

Bảng 27: Chỉ số NIM

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Riêng lẻ		Hợp nhất	
	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ số NIM	1,86	2,17	1,86	2,18

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Trong giai đoạn 2023 – 2024, chỉ số NIM (Net Interest Margin) – đo lường hiệu quả sinh lời từ hoạt động tín dụng của VAB ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực, phản ánh hiệu quả trong hoạt động quản trị tài chính và tối ưu hóa chi phí vốn.

Trên BCTC riêng lẻ, NIM tăng từ 1,86% năm 2023 lên 2,17% năm 2024, tương ứng mức tăng 0,31 điểm phần trăm. Kết quả này cho thấy sự cải thiện đáng kể trong hiệu quả sinh lời từ hoạt động tín dụng và đầu tư, đồng thời thể hiện khả năng kiểm soát chi phí vốn đầu vào một cách hiệu quả trong bối cảnh thị trường lãi suất biến động.

Trên BCTC Hợp nhất, chỉ số NIM cũng ghi nhận sự cải thiện tương đồng, tăng từ 1,86% năm 2023 lên 2,18% năm 2024, tức tăng 0,32 điểm phần trăm. Việc cải thiện NIM hợp nhất thể hiện năng lực tăng trưởng đồng đều giữa công ty mẹ và các công ty con trong hệ sinh thái, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản sinh lãi trên toàn tập đoàn.

Diễn biến tích cực của chỉ tiêu NIM trong giai đoạn 2023 - 2024 là kết quả từ chiến lược tái cấu trúc danh mục tín dụng, đẩy mạnh các khoản cho vay có biên lợi nhuận cao và tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn. Đồng thời, Công ty đã chủ động ứng phó với xu hướng điều chỉnh của lãi suất

điều hành và duy trì chính sách lãi suất linh hoạt, phù hợp với định hướng của Ngân hàng Nhà nước và tình hình thị trường.

Song song đó, lãi thuần từ hoạt động dịch vụ cũng ghi nhận tăng trưởng mạnh, từ 76,6 tỷ đồng năm 2023 lên 128,6 tỷ đồng trong năm 2024, tương ứng mức tăng 67,8%, nâng tỷ trọng đóng góp từ 3,05% lên 4,83% trong tổng thu nhập hoạt động. Đây là kết quả của chiến lược đẩy mạnh phát triển dịch vụ ngân hàng số, thanh toán và các sản phẩm phi tín dụng khác, góp phần đa dạng hóa nguồn thu và giảm thiểu phụ thuộc vào tín dụng.

Ở chiều ngược lại, các khoản thu nhập không thường xuyên như lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư có xu hướng giảm mạnh, từ 410,4 tỷ đồng (16,33%) năm 2023 xuống chỉ còn 40 tỷ đồng (1,50%) năm 2024, phù hợp với định hướng thận trọng hơn trong hoạt động đầu tư tài chính, gia tăng tính bền vững trong cơ cấu thu nhập.

Đến quý I/2025, xu hướng trên tiếp tục được khẳng định khi thu nhập lãi thuần chiếm tới 92,01% tổng thu nhập hoạt động, cho thấy sự duy trì ổn định và hiệu quả từ hoạt động tín dụng. Lãi thuần từ dịch vụ tiếp tục chiếm tỷ trọng 6,01%, trong khi các khoản mục khác chỉ đóng góp không đáng kể.

Tổng thể, cơ cấu thu nhập của VAB đang chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững, tập trung vào hoạt động cốt lõi, đồng thời cải thiện hiệu quả sinh lời qua chỉ số NIM, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho các kế hoạch tăng trưởng trong giai đoạn tới.

❖ **Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng**

Trong giai đoạn từ năm 2023 đến Quý I/2025, các chỉ tiêu chi phí của VAB ghi nhận xu hướng cải thiện tích cực về cơ cấu và hiệu quả sử dụng, góp phần củng cố nền tảng tài chính lành mạnh, phù hợp với định hướng tăng trưởng bền vững của Ngân hàng, chi tiết như sau:

Bảng 28: Cơ cấu chi phí của VAB

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	7.042	81,21%	4.962	75,49%	1.445	81,90%
-	Tỷ trọng trên thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		79,56%		68,07%		70,22%

2	Chi phí hoạt động dịch vụ	33	0,38%	35	0,53%	6	0,37%
-	<i>Tỷ trọng trên thu nhập hoạt động dịch vụ</i>		30,25%		21,18%		13,89%
3	Chi phí hoạt động	909	10,49%	1.021	15,54%	225	12,77%
-	<i>Tỷ trọng trên Tổng thu nhập hoạt động</i>		36,18%		38,34%		33,83%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	687	7,92%	555	8,45%	87	4,96%
-	<i>Tỷ trọng trên Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</i>		42,83%		33,83%		19,86%
Tổng chi phí		8.671	100%	6.573	100%	1.764	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Trong năm 2024, tổng chi phí hoạt động của VAB đạt 6.573 tỷ đồng, giảm 24,2% so với mức 8.671 tỷ đồng của năm 2023. Cơ cấu chi phí tiếp tục được duy trì hợp lý với tỷ trọng chi phí lãi và các chi phí tương tự chiếm 75,49%, giảm so với mức 81,21% của năm trước, cho thấy hiệu quả trong việc quản trị chi phí vốn và tối ưu hóa nguồn huy động đầu vào.

Tỷ lệ chi phí lãi trên tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự giảm đáng kể từ 79,56% năm 2023 xuống 68,07% trong năm 2024, phản ánh sự cải thiện biên lãi ròng (NIM) và khả năng kiểm soát chi phí vốn trong điều kiện thị trường lãi suất có nhiều biến động.

Chi phí hoạt động năm 2024 ghi nhận mức tăng nhẹ, đạt 1.021 tỷ đồng, tăng 12,3% so với năm 2023. Tuy nhiên, tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động (CIR) vẫn được kiểm soát ở mức hợp lý, ở 38,34%, chỉ tăng nhẹ so với mức 36,18% của năm trước, đảm bảo hiệu quả vận hành ổn định và phù hợp với chiến lược đầu tư nâng cao năng lực công nghệ, phát triển mạng lưới dịch vụ và nhân sự.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2024 đạt 555 tỷ đồng, giảm 19,2% so với mức 687 tỷ đồng của năm 2023. Tỷ lệ dự phòng trên lợi nhuận thuần trước trích lập đạt 33,83%, cải thiện so với mức 42,83% của năm trước, phản ánh tín hiệu tích cực từ việc kiểm soát chất lượng tín dụng và giảm thiểu nợ xấu.

Tính riêng quý I/2025, tổng chi phí ghi nhận ở mức 1.764 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi tiếp tục chiếm tỷ trọng cao (81,90%) nhưng vẫn duy trì được sự ổn định về mặt tương quan với thu nhập lãi. Đáng chú ý, tỷ lệ chi phí dịch vụ trên thu nhập dịch vụ giảm mạnh còn 13,89%, cho thấy hiệu quả khai thác và mở rộng mảng dịch vụ ngân hàng bán lẻ và phi tín dụng. Đồng thời, chi phí dự phòng tín dụng chỉ chiếm 4,96% tổng chi phí, tương ứng 19,86% so với lợi nhuận thuần trước dự phòng, cho thấy mức độ rủi ro tín dụng tiếp tục được kiểm soát tốt trong quý đầu năm.

Nhìn chung, cơ cấu và xu hướng chi phí của VAB trong giai đoạn 2023 – Quý I năm 2025 cho thấy sự cải thiện rõ rệt về hiệu quả tài chính, đặc biệt trong quản trị chi phí vốn, nâng cao năng lực sinh lời từ hoạt động tín dụng cốt lõi, đồng thời tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng một cách chủ động và hiệu quả.

❖ **Ý kiến của đơn vị kiểm toán**

Đối với Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2023

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện các Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất cho VAB trong năm 2023. Đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng TMCP Việt Á tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đối với Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC đã thực hiện các Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất cho VAB trong năm 2024. Đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng TMCP Việt Á tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

8.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo

❖ **Những nhân tố thuận lợi**

Tăng trưởng tín dụng khả quan: Theo dự báo, tín dụng toàn ngành ngân hàng trong quý I/2025 có thể tăng trưởng khoảng 15% so với cùng kỳ năm trước, nhờ vào sự khởi sắc của nền kinh tế và nhu cầu vay vốn gia tăng từ các doanh nghiệp và cá nhân.

Đẩy mạnh thu nhập ngoài lãi: Ngân hàng đang tập trung phát triển các dịch vụ như thẻ tín dụng, thanh toán quốc tế và thu hồi nợ xấu đã xử lý rủi ro, nhằm đa dạng hóa nguồn thu và giảm sự phụ thuộc vào thu nhập từ lãi suất.

Chính sách hỗ trợ từ Ngân hàng Nhà nước: Việc NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025 ở mức 16%, cao hơn so với năm 2024, tạo điều kiện cho Ngân hàng mở rộng hoạt động cho vay và tăng trưởng lợi nhuận.

Cải thiện chất lượng tài sản: Những ngân hàng có chất lượng tài sản tốt sẽ kiểm soát được nợ xấu ở mức thấp, giảm chi phí dự phòng rủi ro và tăng hiệu quả kinh doanh.

Chuyển đổi số và công nghệ tài chính: Sự phát triển của công nghệ số và Fintech tạo điều kiện cho các ngân hàng nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện trải nghiệm khách hàng và mở rộng dịch vụ. Những ngân hàng tiên phong trong chuyển đổi số sẽ có lợi thế cạnh tranh đáng kể.

❖ **Những nhân tố khó khăn**

Nguy cơ gia tăng nợ xấu: Sau khi Thông tư 02/2023/TT-NHNN hết hiệu lực vào ngày 31/12/2024, nợ xấu nội bảng của các ngân hàng thương mại có thể tăng nhẹ. Dự nợ tái cơ cấu theo thông tư này tính đến cuối tháng 8/2024 còn khoảng 126.000 tỷ đồng, và một phần có thể chuyển thành nợ xấu trong năm 2025.

Áp lực từ biến động kinh tế vĩ mô: Những biến động kinh tế và địa chính trị toàn cầu tiếp tục gây áp lực lên hoạt động kinh doanh của các ngân hàng. Sự phục hồi kinh tế chưa đồng đều có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng và khả năng trả nợ của khách hàng.

Cạnh tranh gay gắt trong ngành: Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng trong việc thu hút khách hàng và mở rộng thị phần có thể dẫn đến việc giảm lãi suất cho vay và tăng chi phí hoạt động, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận.

Rủi ro từ thị trường bất động sản: Nếu thị trường bất động sản không phục hồi như kỳ vọng, các khoản vay liên quan đến lĩnh vực này có thể trở thành nợ xấu, ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính của ngân hàng.

Nhìn chung, năm 2025 hứa hẹn mang đến nhiều cơ hội và thách thức cho ngành ngân hàng Việt Nam. Việc tận dụng các nhân tố thuận lợi và chủ động đối phó với những khó khăn sẽ quyết định sự thành công của các ngân hàng trong giai đoạn này.

9. Vị thế của Ngân hàng so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Ngân hàng trong cùng ngành

Ngân hàng TMCP Việt Á là một ngân hàng trẻ, năng động. Trải qua hơn 21 năm xây dựng và phát triển, VAB đã đạt được những thành tựu quan trọng, từng bước khẳng định vị thế trên thị

trường là một ngân hàng được tín nhiệm cao, chất lượng dịch vụ tốt, mặt bằng lãi suất hấp dẫn và sản phẩm dịch vụ linh hoạt. VAB không ngừng hoàn thiện cơ chế hoạt động, đào tạo đội ngũ cán bộ, trở thành một điểm đến được khách hàng tin tưởng, có thái độ phục vụ tận tâm, là điểm tựa vững chắc cho KHCN và KHDN.

Thành công của VAB đã được cộng đồng xã hội cũng như các tổ chức trong nước và quốc tế nhìn nhận, đánh giá cao thông qua những giải thưởng: Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất Việt Nam do tổ chức quốc tế Global Business Outlook trao tặng, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam; Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất năm 2023 cùng nhiều giải thưởng uy tín khác. Ngoài ra, năm 2024 là năm thứ 3 liên tiếp được tổ chức tài chính uy tín thế giới Moody xếp hạng ở mức B2 – Triển vọng ổn định.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2025 mở ra với nhiều tín hiệu tích cực cho nền kinh tế Việt Nam, tạo nền tảng quan trọng để ngành ngân hàng tiếp tục tăng trưởng ổn định và bền vững. Tăng trưởng GDP quý I/2025 đạt mức 6,93% – cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020–2025 – cho thấy đà phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế sau những biến động toàn cầu trong thời gian qua. Cùng với đó, lạm phát được kiểm soát ổn định ở mức dưới 4%, cụ thể là 3,13% trong tháng 3/2025, giúp duy trì sức mua của người dân và tạo điều kiện thuận lợi cho chính sách tiền tệ mở rộng của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

Trong bối cảnh đó, NHNN đã đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành ngân hàng ở mức khoảng 16% trong năm 2025, cao hơn đáng kể so với mức tăng 13,5% của năm 2024. Đây là nỗ lực nhằm hỗ trợ Chính phủ đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP đầy tham vọng từ 8% trở lên, đặc biệt trong bối cảnh sản xuất – kinh doanh phục hồi, đầu tư công được đẩy mạnh và dòng vốn FDI tiếp tục tăng trưởng. Đồng thời, NHNN cũng đã phân bổ chỉ tiêu tín dụng 15% ngay từ đầu năm cho các ngân hàng thương mại, giúp các tổ chức tín dụng chủ động trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh và mở rộng cho vay.

Một trong những động lực chính thúc đẩy tăng trưởng ngành ngân hàng năm nay chính là sự chuyển mình mạnh mẽ về chuyển đổi số. Các ngân hàng đã và đang đầu tư lớn vào công nghệ, đặc biệt là hệ thống ngân hàng số, eKYC, ứng dụng AI trong quản trị rủi ro và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Với dân số trẻ, năng động, có trình độ công nghệ cao và thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng, nhu cầu về các dịch vụ tài chính cá nhân đang mở rộng nhanh chóng. Điều này tạo điều kiện để các ngân hàng đẩy mạnh dịch vụ số, từ internet banking, mobile banking cho đến ví điện tử tích hợp đa tiện ích.

Bên cạnh đó, những cải cách về thể chế và chính sách từ phía Nhà nước cũng đang tiếp sức cho ngành. Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) năm 2024, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/07/2024, giúp nâng cao tính minh bạch và ổn định thị trường tài chính – ngân hàng. Luật mới này siết chặt giới hạn sở hữu và kiểm soát hoạt động cấp tín dụng, đồng thời điều chỉnh hoạt động bancassurance để ngăn ngừa rủi ro thao túng, khôi phục niềm tin thị trường. Ngoài ra, NHNN đang đề xuất gia hạn Thông tư 02/2023/TT-NHNN – một chính sách được đánh giá là “vùng đệm” quan trọng giúp các doanh nghiệp và ngân hàng xử lý nợ xấu, tạo điều kiện cho vay mới mà không làm gia tăng áp lực tín dụng trong ngắn hạn.

Đặc biệt, việc triển khai gói tín dụng 500.000 tỷ đồng do Chính phủ chỉ đạo, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như cơ sở hạ tầng, chuyển đổi số và năng lượng xanh, đang mở ra một dòng vốn mới có định hướng rõ ràng cho ngân hàng. Cùng với đó, các ngân hàng đang thay đổi chiến lược phát triển theo hướng đa dạng hóa mô hình hoạt động, như thành lập công ty con chuyên về bảo hiểm, chứng khoán, tài chính tiêu dùng – giúp mở rộng nguồn thu và giảm phụ thuộc vào tín dụng truyền thống.

Tuy nhiên, ngành ngân hàng vẫn phải đối diện với nhiều thách thức tiềm ẩn. Rủi ro nợ xấu vẫn hiện hữu khi nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn đang vật lộn phục hồi sau đại dịch và biến động chi phí đầu vào. Áp lực tuân thủ theo lộ trình trích lập dự phòng rủi ro sau Thông tư 02 cũng sẽ làm giảm lợi nhuận tạm thời của một số ngân hàng. Mặt khác, bối cảnh toàn cầu còn nhiều bất định – bao gồm lãi suất quốc tế chưa ổn định, nguy cơ chiến tranh thương mại và các căng thẳng địa chính trị – có thể ảnh hưởng tới tâm lý thị trường, dòng vốn đầu tư và tỷ giá.

Mặc dù vậy, với nền tảng vĩ mô ổn định, chính sách điều hành chủ động và linh hoạt của NHNN, cùng với sự chuyển mình mạnh mẽ về công nghệ và chiến lược kinh doanh, ngành ngân hàng Việt Nam năm 2025 vẫn được kỳ vọng là trụ cột quan trọng của nền kinh tế, đóng vai trò dẫn dắt trong phục hồi và tăng trưởng.

9.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành

Theo NHNN, đến ngày 18/02/2025, Việt Nam có 30 Ngân hàng Thương mại cổ phần đang hoạt động. Dưới đây là số liệu so sánh các ngân hàng có quy mô vốn điều lệ và tổng tài sản tương đương với VAB, chi tiết như sau:

Bảng 29: So sánh về tình hình tài chính của một số ngân hàng năm 2024

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KLB	BVB	NVB	VAB	VBB	BAB
----------	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Tổng tài sản	91.176	103.536	118.498	119.832	162.855	165.486
Vốn chủ sở hữu	6.604	6.154	6.092	8.856	8.701	11.782
Vốn điều lệ	3.652	5.518	11.749	5.399	7.139	8.959
Tiền gửi của khách hàng	63.521	67.389	96.117	90.289	94.841	122.549
Cho vay khách hàng	60.451	67.189	69.978	79.157	92.493	108.228
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.935	1.002	(4.864)	1.640	1.936	1.411
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(823)	(612)	263	(555)	(805)	(151)
Lợi nhuận sau thuế	887	311	(5.128)	867	900	1.011

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 của KLB, BVB, NVB, VAB, VBB, BAB

Ghi chú: KLB: Ngân hàng TMCP Kiên Long, BVB: Ngân hàng TMCP Bản Việt, NVB: Ngân hàng TMCP Quốc Dân, VBB: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín, BAB: Ngân hàng TMCP Bắc Á.

Ngoài ra, chất lượng lợi nhuận của Ngân hàng thông qua chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ cũng là yếu tố rất quan trọng để đánh giá khả năng sinh lời của các ngân hàng bên cạnh tốc độ tăng trưởng lợi nhuận. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao có thể tiềm ẩn rủi ro từ việc các ngân hàng không đánh giá kỹ khả năng thanh toán của khách hàng, từ đó có thể làm cho ngân hàng có khả năng mất vốn. Dưới đây là tổng hợp số liệu về chất lượng nợ cho vay của các ngân hàng trên:

Bảng 30: So sánh chất lượng nợ cho vay của một số ngân hàng

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KLB	Tỷ lệ	VAB	Tỷ lệ	VBB	Tỷ lệ	BAB	Tỷ lệ
Nợ đủ tiêu chuẩn (Nợ nhóm 1)	59.354	96,62%	78.491	98,22%	90.288	96,43%	107.804	98,40%
Nợ cần chú ý (Nợ nhóm 2)	838	1,36%	333	0,42%	770	0,82%	389	0,36%

Nợ dưới tiêu chuẩn (Nợ nhóm 3)	231	0,38%	14	0,02%	583	0,62%	194	0,18%
Nợ nghi ngờ (Nợ nhóm 4)	170	0,28%	558	0,70%	496	0,53%	271	0,25%
Nợ có khả năng mất vốn (Nợ nhóm 5)	839	1,37%	519	0,65%	1.498	1,60%	894	0,82%
Tổng dư nợ	61.432	100%	79.915	100%	93.635	100%	109.552	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 của KLB, VAB, VBB, BAB

Nhìn chung, khi so sánh với các ngân hàng có quy mô tương đương trong năm 2024, VAB có Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng và Lợi nhuận sau thuế cao với cơ cấu chất lượng nợ cho vay duy trì an toàn. Điều này chứng tỏ Ngân hàng đã đánh giá các rủi ro của khách hàng cẩn trọng giúp cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng tăng trưởng bền vững.

9.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong bối cảnh kinh tế ngày càng có nhiều biến động ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao và chi tiết, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì định hướng chiến lược của VAB hướng tới sự tăng trưởng để đáp ứng nhu cầu và làm sâu sắc mối quan hệ với khách hàng và gia tăng giá trị của doanh nghiệp dựa trên các nền tảng xuất sắc về nhân sự, dữ liệu, vận hành và quản trị rủi ro là hoàn toàn phù hợp với các chính sách của Nhà nước, định hướng của ngành ngân hàng và xu thế phát triển chung trên thế giới.

Với thế mạnh sẵn có, VAB tiếp tục chú trọng vào xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, kỹ thuật tiên tiến nhằm hiện đại hoá và phù hợp với yêu cầu hội nhập; kết hợp xây dựng khung quản trị rủi ro toàn diện cho toàn hàng để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo ứng phó kịp thời trước các nguy cơ của nền kinh tế. VAB tin tưởng rằng sự phát triển của Ngân hàng sẽ góp phần vào sự phát triển của ngành nghề, chính sách và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

Với định hướng phát triển bền vững, các nhiệm vụ trong thời gian tới của ngân hàng bao gồm:

- Tăng trưởng quy mô, đảm bảo hiệu quả và an toàn tài sản, tuân thủ các quy định chỉ số an toàn hoạt động theo quy định của NHNN;
- Phát triển dịch vụ ngân hàng theo chiều sâu, nâng cao chất lượng dịch vụ, gắn với phát triển ngân hàng số, hạ tầng công nghệ của ngân hàng;
- Tăng cường chất lượng hoạt động, tập trung nâng cao năng lực QTRR. Triển khai thực hiện Thông tư 13, Thông tư 41 theo Basel II;
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới CN/PGD theo quy định, phê duyệt của ngân hàng. Nâng cấp và cải tạo trang thiết bị cho hệ thống;
- Tăng cường củng cố chất lượng hoạt động, truyền thông và độ nhận diện của ngân hàng trong công chúng;
- Niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động trong Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Việt Á luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Ngân hàng. Chính sách nhân sự của VAB được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh hàng đầu.

Tại ngày 31/12/2024 số lượng nhân sự tại VAB là 1.597 người, phân bố trên toàn hệ thống gồm: 01 Trụ sở chính, 24 chi nhánh và 73 phòng giao dịch tại các tỉnh/thành phố trên cả nước.

Thu nhập bình quân của người lao động của VAB như sau:

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	19.538.402	20.196.788

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 của VAB

Cơ cấu nhân sự được phân bổ như sau:

- **Theo chức năng công việc:** Nhóm nhân sự kinh doanh trực tiếp (Front Office) chiếm khoảng **63%**, Nhóm nhân sự hỗ trợ trực tiếp hoạt động kinh doanh (Middle Office) chiếm khoảng **13%**, Nhóm nhân sự hỗ trợ khác (Back Office) chiếm khoảng **24%**.
- **Theo trình độ chuyên môn:** Tỷ lệ nhân sự có trình độ từ đại học trở lên đạt **85%**, trong đó nhân sự có bằng sau đại học chiếm **6%**.
- **Theo độ tuổi:** Đội ngũ nhân sự trẻ trung, năng động với **trên 50%** nhân sự dưới 35 tuổi.

Ngân hàng luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn ngành ngân hàng hiện đại và có khả năng thích ứng cao với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường.

10.2 Chính sách thu hút và giữ nhân tài

Quy trình tuyển dụng bài bản, minh bạch, tập trung vào chất lượng nhân sự và hướng đến phát triển bền vững.

- Môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho tất cả cán bộ nhân sự dựa trên năng lực, kết quả khảo sát hàng năm trên 90% CBNV hài lòng với môi trường làm việc.
- Chính sách đãi ngộ cạnh tranh bao gồm:
 - **Chế độ lương, thưởng theo hiệu quả công việc (KPI)**, gắn liền với hiệu suất cá nhân và kết quả hoạt động chung của đơn vị.
 - **Các chính sách phúc lợi đa dạng:** Bên cạnh các chính sách phúc lợi cơ bản cho CBNV như bảo hiểm bắt buộc, khám sức khỏe định kỳ, du lịch hàng năm, nghỉ phép, chế độ... VAB có thêm các chính sách phúc lợi khác để nâng cao chất lượng cuộc sống của CBNV như bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, , hỗ trợ thai sản ngoài chính sách BHXH, thưởng các ngày lễ tết, quà tặng thăm hỏi CBNV, chính sách cho vay ưu đãi đối với CBNV, câu lạc bộ văn hóa thể thao, nghỉ hưởng nguyên lương ngày sinh nhật,...
 - **Chính sách khen thưởng và công nhận đóng góp kịp thời**, VAB triển khai định kỳ hàng năm các chương trình thi đua khen thưởng như các chương trình đổi mới sáng tạo, thúc đẩy kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ để xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, phát triển kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân đạt thành tích.

10.3 Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Ngân hàng duy trì ngân sách đào tạo hàng năm ổn định nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm và tư duy lãnh đạo cho đội ngũ nhân sự.
- Các hình thức đào tạo đa dạng bao gồm:
 - **Đào tạo nội bộ** thông qua Trung tâm đào tạo, chương trình mentoring và coaching nội bộ, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn từ các cấp lãnh đạo.
 - **Đào tạo bên ngoài** cử CBNV tham gia các khóa đào tạo của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế để nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo,
 - **Đào tạo trực tuyến qua hệ thống E Learning**, các khóa đào tạo trực tuyến chiếm 60% tổng số khóa đào tạo hàng năm, giúp CBNV tiếp cận các phương pháp đào tạo hiện đại, tăng hiệu quả hoạt động đào tạo. Đặc biệt, Ngân hàng không ngừng nâng cao và liên tục cập nhật các phần mềm hỗ trợ công tác đào tạo, nhằm gia tăng trải nghiệm tốt nhất cho người học để nâng cao hiệu suất công việc
- Chương trình đào tạo nhân sự kế nhiệm NextGen được triển khai từ năm 2021, đến nay đã bước sang năm thứ 5 với nhiều kết quả đáng ghi nhận. Mỗi năm, chương trình lựa chọn gần 100 CBNV tiềm năng vào danh sách nhân sự kế nhiệm thông qua đánh giá năng lực chuyên môn và tiềm năng lãnh đạo. Các NextGen được tham gia chương trình

đào tạo toàn diện với 3 trọng tâm chính: nâng cao kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ chuyên sâu, phát triển các kỹ năng mềm thiết yếu như lãnh đạo, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề, rèn luyện phẩm chất đạo đức và kỹ năng lãnh đạo để trở thành đội ngũ nhân sự vừa hồng vừa chuyên. NextGen đã và đang khẳng định là chương trình then chốt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuẩn bị đội ngũ kế cận có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của VAB trong giai đoạn mới. Đối với đội ngũ CBQL cấp cao, ngân hàng cử CBNV tham gia các khóa đào tạo bên ngoài của các tổ chức uy tín hoặc các chương trình do NHNN chủ trì tổ chức để nâng cao năng lực, gần 50% cán bộ quản lý cấp khối đã được cử tham gia Chương trình đào tạo cán bộ quản lý Ngân hàng cấp cao do SECO Thụy Sĩ tài trợ.

10.4 Chế độ bảo hiểm, phúc lợi

VAB luôn đảm bảo tuân thủ các chế độ bảo hiểm, phúc lợi theo quy định của pháp luật (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế). Ngoài các chế độ bắt buộc theo quy định của Pháp luật, VAB còn áp dụng nhiều chính sách phúc lợi riêng để tạo môi trường làm việc tốt, gắn kết người lao động với tổ chức:

- Chi cho CBNV nhân dịp các ngày lễ lớn, ngày sinh nhật CBNV....
- Trợ cấp cho CBNV nữ nghỉ sinh con, CBNV nghỉ ốm đau
- Đồng phục ngân hàng, trang phục ngoại khóa
- Chương trình nghỉ mát hàng năm
- Chương trình team-building nhằm phát huy và nâng tính gắn kết tập thể
- Chương trình cho vay ưu đãi CBNV
- Đào tạo và phát triển

Trong năm 2024, chất lượng đội ngũ nhân sự của VAB đã được cải thiện thông qua việc trẻ hóa đội ngũ nhân sự và tăng tiêu chuẩn chất lượng nhân sự đầu vào, kết hợp với việc triển khai và tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ và thuê ngoài.

Công tác đào tạo đã được chú trọng đẩy mạnh, với số giờ đào tạo trực tiếp trên toàn hệ thống của VAB lên tới 17.265 giờ và 438 khóa học qua E-learning. VAB đã triển khai đào tạo tập trung: 19 khóa học Sản phẩm bảo hiểm của Chubb Life cho 546 CBNV thuộc các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.

Năm 2024, Trung tâm đào tạo của VAB đã cập nhật và nâng cấp hệ thống đào tạo trực tiếp E-learning và Website đào tạo nhằm gia tăng các tiện ích và tính năng cho người sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho CBNV phát huy khả năng tự học, tự đào tạo, trau dồi, hỗ trợ cho người lao động phát triển nghề nghiệp.

10.5 Chuyển đổi số trong quản trị nhân sự

VAB chú trọng đổi mới liên tục trong việc ứng dụng công nghệ trong quản trị nhân sự, một loạt các phần mềm được đầu tư, nâng cấp:

- Phần mềm tuyển dụng liên kết với website tuyển dụng, các kênh đăng thông tin tuyển dụng giúp số hóa toàn diện từ khâu sàng lọc hồ sơ đến đánh giá năng lực.
- Hệ thống phần mềm nhân sự giúp tự động hóa các quy trình nhân sự, quản trị thống nhất dữ liệu nhân sự, hệ thống báo cáo nhân sự trực quan, chi tiết phục vụ công tác quản trị nhân sự.
- Phần mềm KPIs giúp CBNV theo dõi kết quả thực hiện công việc hàng ngày.
- Hệ thống học trực tuyến (E Learning) giúp cá nhân hóa hành trình học tập và nâng cao hiệu quả đào tạo.

11. Chính sách cổ tức

Trong hai năm gần đây, để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực tài chính, VAB không thực hiện chia cổ tức, dù bằng tiền mặt hay bằng tài sản khác.

Việc trả cổ tức năm 2025 phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, điều kiện thị trường và phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông cũng như các cơ quan quản lý nên sẽ chỉ được xác định vào từng thời điểm cụ thể thực hiện.

12. Tình hình tài chính

Bảng 31: Tình hình tài chính (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Quy mô vốn		
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,25%	9,31%
- Vốn chủ sở hữu	7.997	8.857
- Vốn điều lệ (tỷ đồng)	5.399	5.399
- Tổng tài sản có (tỷ đồng)	112.195	119.832
2. Kết quả hoạt động kinh doanh		
- Doanh số huy động tiền gửi	920.037	1.679.230
- Doanh số cho vay (tỷ đồng)	105.328	171.125
- Doanh số thu nợ	53.259	75.446
- Nợ quá hạn (tỷ đồng) (*)	1.767	1.424
- Nợ xấu (tỷ đồng) (**)	1.100	1.091
- Hệ số sử dụng vốn	71,56%	82,01%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	2,56%	1,78%
- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	1,59%	1,37%
3. Khả năng thanh khoản		
- Khả năng thanh toán ngay (<i>Tỷ lệ dự trữ thanh khoản</i>)	13,41%	12,41%
- Khả năng thanh toán chung	1,08	1,08

Nguồn: VAB

Bảng 32: Tình hình tài chính (Riêng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Quy mô vốn		
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,21%	9,25%
- Vốn chủ sở hữu		
- Vốn điều lệ (<i>tỷ đồng</i>)	5.399	5.399
- Tổng tài sản có (<i>tỷ đồng</i>)	112.129	119.812
2. Kết quả hoạt động kinh doanh		
- Doanh số huy động tiền gửi	920.044	1.679.230
- Doanh số cho vay	105.328	171.125
- Doanh số thu nợ	53.259	75.446
- Nợ quá hạn (<i>tỷ đồng</i>) (*)	1.767	1.424
- Nợ xấu (<i>tỷ đồng</i>) (**)	1.100	1.091
- Hệ số sử dụng vốn	71,56%	82,01%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	2,56%	1,78%
- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	1,59%	1,37%
3. Khả năng thanh khoản		
- Khả năng thanh toán ngay (<i>Tỷ lệ dự trữ thanh khoản</i>)	13,41%	12,41%
- Khả năng thanh toán chung	1,08	1,08

Nguồn: VAB

(*) Nợ quá hạn là nợ thuộc các nhóm 2, 3, 4, 5.

(**) Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3,4,5.

Do thực hiện nâng cao năng lực thẩm định tín dụng, tăng cường giám sát sử dụng vốn, đơn đốc thu hồi – xử lý nợ, nên nợ xấu tại VAB được kiểm soát ở mức 1.091 tỷ đồng năm 2024, giảm nhẹ 0,22% so với năm 2023, chiếm 1,37% dư nợ cho vay của VAB – đảm bảo tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3% theo quy định của NHNN.

Về quy mô:

Quy mô của VAB tiếp tục tăng trưởng ở mức khá tốt, bám sát mục tiêu kế hoạch kinh doanh. Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản có hợp nhất của VAB ghi nhận mức 119.812 tỷ đồng, tăng 6,85% so với kết thúc kỳ năm 2023.

Tại thời điểm 31/12/2024, vốn chủ sở hữu của VAB đạt 8.857 tỷ đồng tăng 860 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 10,75% so với năm 2023.

Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) duy trì ổn định ở mức 5.399 tỷ đồng, không có sự thay đổi so với các kỳ báo cáo trước. Việc giữ nguyên vốn điều lệ cho thấy ngân hàng đang ưu tiên tăng cường hiệu quả sử dụng vốn hiện hữu, thay vì mở rộng quy mô vốn.

Đây có thể là chiến lược phù hợp trong bối cảnh ngành ngân hàng đang siết chặt quản trị rủi ro, đồng thời VAB vẫn đảm bảo được tỷ lệ an toàn vốn (CAR) trên 9%, cao hơn tỷ lệ an toàn vốn theo quy định là 8% và năng lực tài chính ở mức kiểm soát.

Hoạt động kinh doanh:

Huy động tiền gửi và cho vay là hai hoạt động đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của NHTM nói chung và VAB nói riêng. Số dư huy động tiền gửi và cho vay khách hàng tại thời điểm 31/12/2024 lần lượt là 1.679.230 tỷ đồng và 171.125 tỷ đồng. Bên cạnh các hoạt động tăng trưởng tín dụng, việc quản trị rủi ro và thu hồi nợ tại Ngân hàng cũng được VAB đặc biệt chú trọng. VAB luôn duy trì Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ và Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ ở mức dưới 3% trong các năm gần đây và có tỷ lệ nợ xấu tại ngày 31/12/2023 là 1,59 % và tại ngày 31/12/2024 là 1,37%.

Khả năng thanh khoản:

Tỷ lệ dự trữ thanh khoản luôn duy trì ở mức trên mức tối thiểu 10% của NHNN, cụ thể tỷ lệ dự trữ thanh khoản năm 2023 đạt 13,41%, năm 2024 giảm nhẹ đạt còn 12,41%.

Khả năng thanh toán chung năm 2023 đạt 1,08% và năm 2024 đạt 1,08%, cho thấy tình hình thanh khoản của ngân hàng ổn định, không có sự cải thiện hay xấu đi trong việc cân đối giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn. Mức 1,08% là tương đối an toàn: Tài sản ngắn hạn nhiều hơn nợ ngắn hạn khoảng 8%, thể hiện ngân hàng có khả năng chi trả trong ngắn hạn, nhưng biên an toàn chưa lớn.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1 Hội đồng quản trị

✦ Danh sách

Bảng 33: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ
Ông Phương Thành Long	Chủ tịch HĐQT	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Ông Phan Văn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Luật học, Kỹ sư điều khiển tàu biển
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên HĐQT	Kỹ sư kinh tế vận tải
Ông Lê Hồng Phương	Thành viên độc lập HĐQT	Cử nhân kinh tế đối ngoại
Ông Nguyễn Văn Trọng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Ông Thái Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên độc lập HĐQT	Cử nhân công nghệ thông tin

✦ Sơ yếu lý lịch

❖ Chủ tịch HĐQT - Ông Phương Thành Long

- Họ và tên : Phương Thành Long
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 02/07/1983
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Số CCCD : 027083000472
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Ngày cấp: 24/7/2021
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : P.2705 Tòa A2 Hòa Bình Green city, 505 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : longpt2@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T11/2009 đến T04/2011	Trợ lý quan hệ KHDN Ngân hàng TMCP Kỹ Thương
Từ T05/2011 đến T07/2012	Chuyên viên KHDN vừa và nhỏ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương
Từ T07/2012 đến T01/2014	Phó giám đốc VAB chi nhánh Hà Nội Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T02/2014 đến T08/2014	Phó giám đốc Trung tâm Phê duyệt tín dụng VAB Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T02/2015 đến T10/2015	Giám đốc cao cấp QHKKH – Khối KHDN Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Từ T05/2016 đến T12/2020	Giám đốc - Công ty CP đầu tư và thương mại Tri Việt
Từ T07/2017 đến T02/2018	Trưởng ban Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (nay là Công ty Cổ phần SAM Holdings)
Từ T03/2018 đến T10/2020	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần SAM Holdings
Từ T11/2020 đến T01/2021	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T01/2021 đến T09/2021	Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T04/2021 đến T09/2021	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Á

Từ T09/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Á
---------------------	--

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : không có.

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: không có.*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn: không có*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á:

Cá nhân/Tổ chức	Quan hệ	Số CCCD với cá nhân/ Giấy ĐKKD với tổ chức	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) vốn điều lệ
Bà Lương Thị Linh	Mẹ đẻ	027155000017 cấp ngày 3/6/2014 tại Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	1.280.363	0,24%

- Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày
31/03/2025: 47.527.623 đồng
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của
Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên HĐQT – Phan Văn Tới**

- Họ và tên : Phan Văn Tới
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/01/1957
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- Số CCCD : 079057007177
- Ngày cấp : 22/12/2021
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ thường trú : Quốc Lộ 22, Ấp Tân Tiến, Xã Tân Thông Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : toipv@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Thương mại Củ Chi.
 - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn
 - + Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Xây Dựng Phát Triển Tây Bắc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T6/1978 đến T7/1979	Kế toán tổng hợp Trạm xăng dầu số 10 (Công ty xăng dầu Thành phố Hồ Chí Minh)
Từ 7/1979 đến T3/1984	Phó phòng kế toán Công ty Vật tư Tổng hợp Huyện Củ Chi
Từ T3/1984 đến 9/1987	Phó Giám đốc Công ty Vật tư Tổng hợp Huyện Củ Chi
Từ 9/1987 đến 4/2002	Giám đốc Công ty Vật tư Tổng hợp Huyện Củ Chi, Công ty Thương mại Củ Chi
Từ T5/2002 đến T5/2019	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp – Thương mại Củ Chi.
Từ T5/2019 đến nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Thương mại Củ Chi.
Từ T4/2019 đến nay	Thành viên HĐQT Công Ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn
Từ T6/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Xây Dựng Phát Triển Tây Bắc
Từ T4/2011 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Á

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á:

Cá nhân/Tổ chức	Quan hệ	Số CMTND với cá nhân/ Giấy ĐKKD với tổ chức	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) vốn điều lệ
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp – Thương mại	Chủ tịch HĐQT	ĐKKD số 0302704764 cấp ngày 27/08/2002 tại Sở KH & ĐT TP. HCM	6.467.319	1,19%

- Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày 31/12/2024: 0 đồng
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên HĐQT – Trần Tiến Dũng**

- Họ và tên : Trần Tiến Dũng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 19/08/1962
- Nơi sinh : Bắc Giang
- Số CCCD : 024062012429
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Ngày cấp : 04/07/2022
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : 215D10 Nguyễn Văn Hường, phường Thảo Điền, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : dungtt3@vietabank.vn

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật, Kỹ sư điều khiển tàu biển
- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị VAB
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT - Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – VAB
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T12/1987 đến T03/1993	Nhân viên Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Từ T03/1993 đến T06/1996	Nhân viên Công ty Liên doanh dầu khí Việt - Xô
Từ T06/1996 đến T10/2008	Phụ trách pháp chế Công ty Liên doanh Vận tải Biển Việt – Pháp
Từ T11/2008 đến T11/2012	Phụ trách pháp chế Công ty cổ phần Gemadept.
Từ T12/2012 đến T06/2013	Phó Giám đốc phụ trách phòng Hành chính quản trị - Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T06/2013 đến T06/2018	Giám đốc Trung tâm xử lý nợ - Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T06/2018 đến T04/2019	Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Á Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T04/2019 đến T04/2022	Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Á Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Á Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương
Từ T04/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Á Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Á Người phụ trách quản trị - Ngân hàng TMCP Việt Á Thành viên HĐQT - Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – VAB

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 5.492.760 cổ phần (tương ứng với 1,02% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.492.760 cổ phần (tương ứng với 1,02% Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày 31/03/2025: 167.690.120 đồng
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên HĐQT – Nguyễn Hồng Hải**

- Họ và tên : Nguyễn Hồng Hải
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 07/07/1960
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Số CCCD : 031060017621
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Ngày cấp : 18/12/2021
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 17-19 ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : hainh@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tài
- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – VAB
- Quá trình công tác:

Thời gian

Chức vụ

Từ T02/1983 đến T06/1986	Nhân viên Ga Vật Cách – tuyến đường sắt Hà Nội – Hải Phòng – Tổng Công ty đường sắt Việt Nam
Từ T06/1986 đến T06/1992	Chuyên viên phòng TCKT Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội
Từ T06/1992 đến T06/1994	Chuyên viên phòng TCKT, Bí thư đoàn thanh niên Công ty Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội
Từ T06/1994 đến T08/1996	Phó phòng TCKT, Bí thư đoàn Công ty Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội
Từ T08/1996 đến T03/1999	Quyền Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Bí thư đoàn Công ty Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội
Từ T03/1999 đến T09/2003	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng TCKT Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội
Từ T09/2003 đến T02/2011	Trưởng phòng Tài chính kế toán - Kiểm thu Công ty Vận tải Hàng hóa Đường sắt
Từ T02/2011 đến T03/2014	Kế toán trưởng Công ty Công ty Vận tải Hàng hóa Đường sắt
Từ T04/2014 đến T12/2014	Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Từ T01/2015 đến T01/2016	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty Công ty TNHH một thành viên vận tải đường sắt Sài Gòn
Từ T02/2016 đến T09/2016	Ủy viên HĐQT kiêm phó TGD Công ty Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn
Từ T10/2016 đến T11/2016	Phó TGD kiêm Giám đốc tài chính kế toán Công ty TNHH Capella Group
Từ T11/2016 đến 02/2017	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (nay là Công ty Cổ phần SAM Holdings) Phó TGD kiêm Giám đốc tài chính kế toán - Công ty TNHH Capella Group
Từ T02/2017 đến T12/2019	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (nay là Công ty Cổ phần SAM Holdings) Phó TGD kiêm Giám đốc tài chính kế toán - Công ty TNHH Capella Group Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group

Từ T12/2019 đến T06/2020	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (nay là Công ty Cổ phần SAM Holdings) Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group
Từ T06/2020 đến T04/2023	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T04/2023 đến T5/2023	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T5/2023 đến T4/2024	Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Á; Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản VAB
Từ T04/2023 đến nay	Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Á; Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản VAB

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày 31/03/2025: 254.000 đồng
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên độc lập HĐQT- Lê Hồng Phương**

- Họ và tên : Lê Hồng Phương
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25/02/1976
- Nơi sinh : Ninh Bình
- Số CCCD : 037076003172
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

- Ngày cấp : 09/12/2021
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : 31 Ngõ 18 Lương Yên, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội (Số 27 Đường 3.7/10 Gamuda Garden, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội)
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : phuonglh@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế đối ngoại
- Chức vụ hiện tại : Thành viên độc lập HĐQT
- Chức vụ tại các tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Newtechco Group
 - + Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Đổi mới Sáng tạo Makara
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T08/1999 đến T10/2001	Giáo viên thỉnh giảng Trường Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà Nội
Từ T10/2001 đến T12/2002	Giám đốc nhân sự Viện giáo dục và phát triển nguồn nhân lực quốc tế SYNectics
Từ T01/2003 đến T03/2004	Trưởng nhóm Công ty Tư vấn BFC và KPMG
Từ T04/2004 đến T10/2007	Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Từ T11/2007 đến T02/2009	Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội (SHF)
Từ T03/2009 đến T04/2010	Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bảo Việt
Từ T05/2010 đến T07/2010	Trợ lý Tổng Giám đốc

	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
Từ T07/2010 đến T12/2010	Phó Giám đốc Khối Phát triển Doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng Công nghệ và Đào tạo Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
Từ T12/2010 đến T08/2011	Phó Giám đốc Khối Phát triển Doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng nhân sự và Công nghệ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
Từ T08/2011 đến T07/2013	Giám đốc Khối Phát triển Doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng Nhân sự kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng công nghệ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
Từ T08/2013 đến T09/2014	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nhân sự kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng Công nghệ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
Từ T01/2015 đến T07/2016	Giám đốc chiến lược/Cố vấn cao cấp HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc Dân
Từ T07/2016 đến T02/2017	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó trưởng ban Chiến lược và Phát triển Ngân hàng kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Khối Vận hành Ngân hàng TMCP Quốc Dân
Từ T02/2017 đến T07/2017	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó trưởng ban Chiến lược và Phát triển ngân hàng kiêm Giám đốc Khối Vận hành Ngân hàng TMCP Quốc Dân
Từ T08/2017 đến T05/2018	Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc Dân
Từ T05/2018 đến T06/2019	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc Dân
Từ T09/2019 đến T01/2021	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP BBGroup

Từ T02/2021 đến T05/2021	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long
Từ T01/2021 đến T12/2021	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long
Từ T01/2022 đến T08/2022	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Newtechco Group
Từ T08/2022 đến T04/2023	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Newtechco Group Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Truth Việt Nam – Singapore Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Dược Phẩm SaKae
Từ T04/2023 đến T11/2023	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Newtechco Group Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Dược Phẩm SaKae; Thành viên HĐQT độc lập - Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T11/2023 đến T5/2024	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Newtechco Group; Thành viên độc lập HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Á.
Từ T6/2024 đến T11/2024	Thành viên độc lập HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Á.
Từ T12/2024 đến nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Newtechco Group; Thành viên độc lập HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Á. Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Đổi mới Sáng tạo Makara

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày 31/03/2025; 86.095.462 đồng

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ Thành viên HĐQT – Nguyễn Văn Trọng

- Họ và tên : Nguyễn Văn Trọng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/01/1970
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Số CCCD : 027070000024
- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Ngày cấp : 27/09/2021
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Số 44, Ngõ 60, Phố Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : trongnv1@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T01/1994 đến T12/1996	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Thăng Long Vàng
Từ T01/1997 đến T05/1999	Kế toán trưởng Công ty TNHH vận tải Thành Công
Từ T06/1999 đến T03/2002	Kế toán trưởng

	Công ty XNK May Anh Vũ
Từ T04/2002 đến T02/2007	Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương
Từ T03/2007 đến T04/2014	Phó ban kỹ thuật viễn thông Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện VTC
Từ T05/2014 đến T08/2018	Phó ban Tài chính kế hoạch Tổng công Truyền thông đa phương tiện VTC
Từ T09/2018 đến T12/20218	Kiểm soát viên chuyên trách Công ty TNHH MTV Viễn thông số VTC – Công ty con của Tổng Công ty VTC.
Từ T01/2019 đến T12/2019	Kế toán trưởng Công ty TNHH Capella Group (Nay đổi tên là Công ty CP Capella Group)
Từ T01/2020 đến T03/2020	Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính, Phó Giám đốc Khối khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T04/2020 đến T06/2020	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối tài chính Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T07/2020 đến 08/09/2021	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 04/2021 đến T04/2023	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 08/09/2021 đến 16/04/2025	Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 17/04/2025 đến 26/04/2025	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 26/04/2025 đến nay	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á Thành viên HĐQT

Ngân hàng TMCP Việt Á

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày 31/03/2025: 58.712.973 đồng
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ Thành viên độc lập HĐQT – Thái Nguyễn Hoàng Nhã

- Họ và tên : Thái Nguyễn Hoàng Nhã
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/01/1978
- Nơi sinh : An Giang
- Số CCCD : 089078027063
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Ngày cấp : 09/06/2022
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : T1-A25. 09+10 C/c Masteri Thảo Điền, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : nhatnh@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Công nghệ thông tin

- Chức vụ hiện tại : Thành viên độc lập HĐQT
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T04/2002 đến T10/2004	Tư vấn kỹ thuật Cisco Systems Việt Nam
Từ T10/2004 đến T10/2005	Trưởng phòng Cơ sở Hạ tầng Ngân hàng TMCP Đông Á
Từ T11/2005 đến T10/2006	Phó Giám đốc Trung tâm Điện toán Ngân hàng TMCP Đông Á
Từ T10/2006 đến T9/2009	Giám đốc Trung tâm Điện toán Ngân hàng TMCP Đông Á
Từ T10/2007 đến T4/2025	Giám đốc – Công ty TNHH Giải pháp Nền tảng Thông tin và Truyền thông - NT&T Solution
Từ T09/2009 đến T09/2011	Giám đốc Trung tâm Điện toán kiêm Giám đốc Phòng Ngân hàng Điện tử - Ngân hàng TMCP Đông Á
Từ T09/2011 đến T04/2012	Giám đốc Trung tâm Điện toán - Ngân hàng TMCP Đông Á
Từ T01/2013 đến T12/2016	Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin - Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T01/2017 đến T10/2017	Trợ lý Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T06/2016 đến T06/2022	Giám đốc - TNC Group LLC
Từ T07/2022 đến T04/2025	Giám đốc - TNC Tech Corp
Từ 26/04/2025 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT – Ngân hàng TMCP Việt Á

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).

- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

13.2 Ban Kiểm soát

✦ Danh sách

Bảng 34: Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ
Bà Nguyễn Kim Phụng	Trưởng Ban Kiểm soát	Cử nhân kinh tế
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên Ban Kiểm soát	Cử nhân kinh tế
Ông Trần Ngọc Hải	Thành viên Ban Kiểm soát	Thạc sỹ kinh tế

✦ Sơ yếu lý lịch

❖ Trưởng Ban kiểm soát – Nguyễn Kim Phụng

- Họ và tên : Nguyễn Kim Phụng
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 26/11/1966
- Nơi sinh : Xã Châu Phú B, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang
- Số CCCD : 089166002826
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Ngày cấp : 07/10/2022
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : Căn hộ 14.11 Chung cư Ngọc Lan, 35 Đường Phú Thuận, Khu phố 10, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636

- Địa chỉ email : phuongnk@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 01/1987 đến 08/1989	Nhân viên tín dụng nông nghiệp Ngân hàng Nhà nước huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
Từ 09/1989 đến 11/1990	Phó phòng Nghiệp vụ kinh doanh Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
Từ 12/1990 đến 02/1991	Nhân viên tín dụng Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp tỉnh An Giang
Từ 03/1991 đến 05/1996	Kiểm soát viên - Phòng Kiểm soát Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chi nhánh tỉnh An Giang
Từ 06/1996 đến 06/2002	Phó phòng Kiểm soát Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh kiêm Trưởng phòng Kiểm soát Ngân hàng Phục vụ Người nghèo tỉnh An Giang
Từ 07/2002 đến 12/2002	Phó phòng Kế toán – Ngân quỹ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh, kiêm Trưởng phòng Kiểm soát Ngân hàng Phục vụ Người nghèo tỉnh An Giang
Từ 01/2003 đến 09/2007	Trưởng phòng Kiểm tra, Kiểm toán nội bộ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang
Từ 10/2007 đến 07/2010	Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang
Từ 08/2010 đến 06/2013	Trưởng phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 07/2013 đến 04/2015	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Á

Từ 05/2015 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á
--------------------	---

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 - Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.280 cổ phần (tương ứng với 0,000237% Vốn điều lệ).
- Trong đó:
- Sở hữu cá nhân: 1.280 cổ phần (tương ứng với 0,000237% Vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày 31/03/2025: 11.347.372 đồng
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Việt Á
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên Ban kiểm soát – Nguyễn Văn Thành**

- Họ và tên : Nguyễn Văn Thành
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 24/06/1986
- Nơi sinh : Bình Định
- Số CCCD : 052086000159
- Nơi cấp : Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày cấp : 22/11/2017
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú : 7.20 Lô C, C/C Ehome 3, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : thanhnv2@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T11/2008 đến T09/2012	Tập sự/ Chuyên viên Quan hệ khách hàng/Trưởng nhóm KHCN Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – CN Văn Thánh
Từ T10/2012 đến T07/2014	Kiểm toán viên Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh
Từ T07/2014 đến T07/2020	Kiểm toán viên chính Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T08/2020 đến T08/2022	Trưởng Kiểm toán Nội bộ Khu vực Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh
Từ T09/2022 đến T04/2023	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T04/2023 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày 31/12/2024: 99.501.163 đồng
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên Ban kiểm soát – Trần Ngọc Hải**

- Họ và tên : Trần Ngọc Hải
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 23/10/1982
- Nơi sinh : TP.HCM
- Số CCCD : 079082024261
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Ngày cấp : 13/01/2022
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : TP.HCM
- Địa chỉ thường trú : 380 Tỉnh lộ 8, KP4, Thị trấn Cù Chi, TPHCM.
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : haitn2@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T11/2004 đến T09/2007	Kế toán Phòng KHTC – Sở LĐTBXH TP.HCM
Từ T02/2008 đến T07/2009	Chuyên viên Hỗ trợ tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN – CN HCM
Từ T01/2010 đến T08/2010	Chuyên viên QHKH Phòng Kinh doanh – NHNN & PTNT – CN An Sương
Từ T10/2010 đến T01/2011	Chuyên viên QHKH Phòng KH đặc biệt - NHTMCP Việt Á
Từ T02/2011 đến T09/2012	Kiểm toán viên nội bộ Phòng Kiểm toán nội bộ –NHTMCP Phát triển nhà TP.HCM

Từ T10/2012 đến T12/2014	Trưởng KTNB Khu vực Miền Trung Phòng Kiểm toán nội bộ –NHTMCP Phát triển nhà TP.HCM
Từ T01/2015 đến T11/2016	Trợ lý Tổng Giám đốc Ban Trợ lý – NHTMCP Việt Á
Từ T12/2016 đến T07/2018	Phó Giám đốc Tín dụng cá nhân – Ban Dự án Corebanking tại Phòng Tín dụng cá nhân NHTMCP Việt Nam Thương tín
Từ T11/2018 đến T06/2020	Giám đốc kiểm toán nội bộ cấp 2 Trung tâm Kiểm toán nội bộ - NHTMCP Hàng Hải VN
Từ T06/2020 đến T12/2021	Trưởng Phòng KTNB (Phòng KTNB) Phòng Kiểm toán nội bộ –NHTMCP Phát triển TP.HCM
Từ T01/2022 đến T05/2022	Tổ phó tổ soạn thảo chính sách (Ban Kiểm soát) Phòng Kiểm toán nội bộ –NHTMCP Phát triển TP.HCM
Từ T10/2022 đến T03/2024	Phó Giám đốc Trung tâm thẩm định tín dụng tổ chức 2 tại Trung tâm TĐTD tổ chức 2 Ngân hàng TMCP Bản Việt
Từ T04/2024 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày 31/03/2025: 70.210.000 đồng
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

13.3 Ban Tổng giám đốc

✦ Danh sách

Bảng 35: Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ
Ông Nguyễn Văn Trọng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Luật, Kỹ sư điều khiển tàu biển
Ông Bùi Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

✦ Sơ yếu lý lịch

❖ **Tổng Giám đốc – Nguyễn Văn Trọng (đã trình bày ở phần HĐQT)**

❖ **Phó Tổng Giám đốc – Trần Tiến Dũng (đã trình bày ở phần HĐQT)**

❖ **Phó Tổng Giám đốc – Bùi Xuân Dũng**

- Họ và tên : Bùi Xuân Dũng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/10/1976
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CCCD : 001076058388
- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Ngày cấp : 23/12/2022
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : P300A, C3, 34A Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : dungbx@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T09/1997 đến T03/2008	Cán bộ tín dụng, Phó phòng Nguồn vốn, Phó phòng Tín dụng Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội
Từ T03/2008 đến T05/2008	Quyền Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, phụ trách vùng phía Bắc Ngân hàng TMCP Đại Á
Từ T05/2008 đến T05/2014	Lần lượt Trưởng phòng kế hoạch thị trường - Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực
Từ T05/2014 đến T06/2020	Lần lượt Tổng Giám đốc - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực
Từ T06/2020 đến T10/2024	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần đầu tư GOPAL Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH SEACO Việt Nam
Từ T10/2024 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày 31/03/2025: 4.971.045 đồng
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

13.4 Kế toán trưởng

✦ **Danh sách**

Bảng 36: Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ
Ông Nguyễn Thành Công	Kế toán trưởng	Cử nhân Tài chính Ngân hàng

✦ Sơ yếu lý lịch

❖ Kế toán trưởng – Nguyễn Thành Công

- Họ và tên : Nguyễn Thành Công
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 21/01/1983
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Số CCCD : 022083010774
- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Ngày cấp : 14/6/2022
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : 138 Trần Bình, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : (84-4)-39 333636
- Địa chỉ email : congnt@vietabank.com.vn
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T05/2006 đến T12/2007	Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Công thương Việt Nam
Từ T02/2008 đến T07/2015	Phó Trưởng phòng KHTC – Khối TCKT Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex (PGBank)
Từ T07/2015 đến T07/2020	Trưởng phòng Kế hoạch và Quản trị tài chính – Khối Tài chính Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)
Từ T07/2020 đến T09/2021	Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Phụ trách kế toán Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)

Từ T09/2021 đến T10/2023	Phó Giám đốc Khối Tài chính kiểm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)
Từ T10/2023 đến nay	Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính kiểm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Dư nợ thẻ tín dụng ngày 31/03/2025: 62.064.942 đồng
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng TMCP Việt Á
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

14. Tài sản

14.1 Tài sản cố định hữu hình

Bảng dưới đây liệt kê tình hình tài sản cố định hữu hình của Ngân hàng TMCP Việt Á tại thời điểm 31/03/2025:

Bảng 37: Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	97.230	36.278	37,31%
Máy móc, thiết bị	117.465	18.453	15,71%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	96.461	19.694	20,42%
Tài sản hữu hình khác	7.969	150	1,88%
Tổng cộng	319.125	74.575	23,37%

Nguồn: BCTC hợp nhất quý I năm 2025 của VAB

14.2 Tài sản cố định vô hình

Bảng dưới đây liệt kê tình hình tài sản cố định vô hình của Ngân hàng TMCP Việt Á tại thời điểm 31/03/2025:

Bảng 38: Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Quyền sử dụng đất	112.002	112.002	100%
Phần mềm máy tính	134.150	33.435	24,92%
TSCĐ vô hình khác	24.374	8.521	34,96%
Tổng cộng	270.526	153.958	56,91%

Nguồn: BCTC hợp nhất quý I năm 2025 của VAB

Bảng 39: Bất động sản thuộc quyền sở hữu của VAB đến 31/12/2024

Đơn vị tính: đồng

STT	TÀI SẢN	Nguyên giá đầu kỳ
1	ĐS D8/46, Ấp 4 - Xã Tân Tạo - Huyện Bình Chánh - TP.HCM	2.475.872.255
2	BDS Tòa Nhà 119 - 121 Nguyễn Công Trứ – Phường Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP.HCM	52.627.519.444
3	BDS Nhà 126 Nguyễn Công Trứ – Phường Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP.HCM	21.646.199.930
4	Quyền thuê đất và nhà ở trên đất 191 Hoàng Diệu – Phường Nam Dương – Quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng	12.000.000.000
5	BDS 33 Hùng Vương – Phường Hải Châu 1 – Quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng	2.024.728.146
6	BDS VAB Chi nhánh Hội An - Số 567A Hai Bà Trưng – Phường Cẩm Phô – TP. Hội An – Quảng Nam	13.791.903.500
7	BDS VAB Chi nhánh Quảng Ngãi – Số 27 Phan Đình Phùng – Phường Trần Hưng Đạo – TP. Quảng Ngãi – Quảng Ngãi	10.785.687.603
8	BDS tại 176-178 Trần Hưng Đạo – Phường Trần Hưng Đạo – TP. Quy Nhơn – Bình Định	10.687.472.000

9	BDS – Thừa đất số 7 – Bản đồ số 4 – Phố Phan Trung – P. Tân Tiến – TP. Biên Hòa – Đồng Nai	10.050.000.000
10	BDS Số 04 – Phan Văn Trị – Phường An Phú – Quận Ninh Kiều – TP. Cần Thơ	14.868.526.776
11	BDS VAB Chi nhánh Bạc Liêu – Số 26/2, Đường Hòa Bình, Khóm 4, Phường 7, TP. Bạc Liêu – Bạc Liêu	7.638.000.000
12	BDS Số 40 Hùng Vương, Phường Tự An – TP. Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk	6.480.492.220
13	BDS Số 1-3 Trần Quốc Toàn, Phường Mỹ Bình – TP. Long Xuyên – An Giang	13.603.165.214
14	BDS VAB PGD Châu Đốc – 202 Trưng Nữ Vương – Phường Châu Phú B – TP. Châu Đốc – An Giang	19.041.613.515
15	BDS VAB AN GIANG - 1296 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	11.180.828.600
Tổng cộng		208.902.009.203

Nguồn: VAB

Các quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động của VAB, hiện đang được khai thác, sử dụng làm trụ sở, văn phòng giao dịch, kho lưu trữ và các cơ sở phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Bảng 40: Bất động sản thuộc quyền sử dụng của VAB đến 31/12/2024

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÀI SẢN	Giá thuê	Thời gian thuê	Chi phí đã phân bổ	Chi phí còn lại
1	Tầng 1, Toà nhà CT1 Khu đô thị Mỹ Đình – Mỹ Trì	83.545	50 năm	4.595	78.950

Nguồn: VAB

Hợp đồng thuê dài hạn số 01.SH/HĐCT-CT1/SUDICO ký ngày 31/12/2020 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà (nay là Công ty Cổ phần SJ Group) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á. Theo hợp đồng này, VAB thuê tài sản với thời hạn 50 năm. Tính đến thời điểm lập báo cáo, chi phí thuê đã được phân bổ lũy kế là 4.595 triệu đồng.

14.3 Tài sản có khác

Bảng 41: Tài sản có khác

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Quý I/2025
1	Các khoản phải thu	3.858.416	1.858.917	1.908.015
2	Các khoản lãi, phí phải thu	7.928.170	4.676.754	4.803.118
3	Tài sản có khác	124.041	726.653	1.318.907
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho Các tài sản có nội bảng khác	(263.679)	(368.011)	(368.011)
	Tổng cộng	11.646.948	6.894.312	7.662.029

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023; 2024 và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của VAB

Tổng giá trị nhóm tài sản có khác (bao gồm: các khoản phải thu, các khoản lãi – phí phải thu, tài sản có khác và dự phòng rủi ro cho tài sản có nội bảng khác) ghi nhận mức giảm mạnh trong năm 2024. Tổng giá trị giảm từ 11.646.948 triệu đồng năm 2023 xuống 6.894.312 triệu đồng vào cuối năm 2024 (giảm 40,8%), sau đó phục hồi nhẹ lên 7.662.029 triệu đồng trong Quý I/2025 (+11,1% so với cuối năm 2024).

⬇️ Các khoản phải thu

Bảng 42: Chi tiết các khoản phải thu của VAB đến 31/12/2024

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm
I	Các khoản phải thu nội bộ	46.093	36.944	-19,85%
II	Các khoản phải thu bên ngoài	3.812.324	1.821.973	-52,21%
1	Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	15.828	16.496	4,22%
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	970	973	0,34%

4	Phải thu chờ xử lý liên quan đến sự vụ tại phòng giao dịch Đông Đô	232.581	299.081	28,59%
5	Phải thu tiền cọc đảm bảo thực hiện các hợp đồng hợp tác đầu tư	1.300.000	-	-100,00%
6	Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group về các khoản bán tài sản gắn nợ	738.302	314.301	-57,43%
7	Phải thu phần vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	502.000	502.000	0,00%
8	Phải thu tiền đặt cọc mua bất động sản	142.829	142.829	0,00%
9	Dự thu lợi nhuận, phí sử dụng vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	8.535	-	-100,00%
10	Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Cổ phần Công nghệ và Năng lượng mới Việt Nam	60.400	-	-100,00%
11	Phải thu Ông Nguyễn Minh Trọng liên quan đến các khoản bán nợ và trả chậm	40.000	40.000	0,00%
12	Phải thu Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc Gia Việt Nam về giao dịch chuyển tiền	596.571	351.280	-41,12%
13	Phải thu Công ty Cổ phần Pacific Partners (UPAS)	19.089	-	-100,00%
14	Các khoản phải thu khác	155.218	155.013	-0,13%
	Tổng cộng	3.858.416	1.858.917	-51,82%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 của VAB

Cơ cấu các khoản phải thu đến ngày 31/12/2024 bao gồm hai nhóm chính: các khoản phải thu nội bộ và các khoản phải thu bên ngoài. So với thời điểm cuối năm 2023, cả hai nhóm đều ghi nhận mức giảm. Tuy nhiên, sự sụt giảm chủ yếu đến từ các khoản phải thu bên ngoài, vốn chiếm gần như toàn bộ mức giảm tổng thể. Với tỷ trọng lớn và biến động đáng kể, nhóm khoản phải thu bên ngoài là khu vực cần được phân tích chuyên sâu nhằm đánh giá rủi ro tín dụng và khả năng thu hồi công nợ.

Dựa vào mức độ biến động, giá trị tuyệt đối và quy định pháp luật hiện hành, VAB có xác định các chỉ tiêu trọng yếu để đánh giá chi tiết như sau:

Mục 4: Phải thu chờ xử lý liên quan đến sự vụ tại phòng giao dịch Đông Đô:

Khoản phải thu có liên quan đến sự vụ lừa đảo của đối tượng Nguyễn Thị Hà Thành và đồng phạm, VAB đã kết chuyển các khoản cho vay và tiền gửi liên quan vào các chỉ tiêu “Các khoản phải thu” và “Các khoản nợ khác” trên Báo cáo tài chính năm 2024 là 299.081 triệu đồng, dự phòng rủi ro đến 31/12/2024 là 112.500 triệu đồng. Căn cứ bản án phúc thẩm số 425/2024/HS-PT ngày 25/05/2024, VAB được khấu trừ các sổ tiết kiệm và sử dụng các tài sản khác của đối tượng Nguyễn Thị Hà Thành và đồng phạm thu hồi công nợ liên quan. Đây là bước tiến quan trọng trong xử lý khoản phải thu có rủi ro cao. Ngân hàng đang làm việc với cơ quan thi hành án để hoàn tất quyết toán nghĩa vụ tài chính, dự kiến hoàn thành trong Quý III/2025. Diễn biến này có thể tác động tích cực đến khả năng thu hồi và hoàn nhập dự phòng.

Mục 6: Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group về các khoản bán tài sản gắn nợ:

Tại ngày 31/12/2023, khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group liên quan đến các giao dịch bán tài sản gắn nợ được ghi nhận ở mức 738.302 triệu đồng. Đến cuối năm 2024, khoản mục này giảm mạnh xuống còn 314.301 triệu đồng, tương ứng mức giảm 424.001 triệu đồng, tương đương -57,4% so với năm trước. Việc giảm đáng kể số dư khoản phải thu trong năm 2024 cho thấy tiến độ thu hồi công nợ tích cực, khả năng thực hiện nghĩa vụ của đối tác ở mức tốt. Khách hàng dự kiến thanh toán phần còn lại theo nghĩa vụ hợp đồng trước 31/7/2025.

Mục 7: Phải thu phần vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh:

Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB), thông qua Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Việt Á (Công ty AMC Việt Á), đã tham gia góp vốn theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng một số đối tác tại khu vực TP. Hồ Chí Minh, Hòa Bình và Hà Nội nhằm thực hiện các dự án đầu tư bất động sản thương mại. Mục tiêu của các dự án là tìm kiếm, đầu tư và sở hữu văn phòng, mặt bằng kinh doanh, phục vụ hoạt động vận hành và mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trong dài hạn của VAB. Thời hạn hợp đồng từ 36 đến 42 tháng, tùy theo đặc thù từng dự án. Tại thời điểm ngày 31/12/2024, số dư khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh đạt 502 tỷ đồng. Các hợp đồng vẫn đang được thực hiện đúng tiến độ, phù hợp với các điều khoản đã cam kết, do đó không phát sinh nghĩa vụ trích lập dự phòng rủi ro tại thời điểm lập báo cáo. Trong quá trình triển khai, Công ty AMC Việt Á được hưởng lợi ích tài chính tương ứng với tỷ lệ vốn góp, cụ thể đã ghi nhận 31,67 tỷ đồng trong năm 2023 và 76,58 tỷ đồng trong năm 2024, góp phần tích cực vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty AMC Việt Á và VAB. Các dự án đang được triển khai đúng tiến độ theo kế hoạch. VAB và Công ty AMC Việt Á cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh, quản lý tài sản, đầu tư bất động sản cũng như các quy định của Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam về mở rộng mạng lưới hoạt động và sử dụng vốn đầu tư.

Mục 8: Phải thu tiền đặt cọc mua bất động sản:

Tại thời điểm 31/12/2023 và 31/12/2024, khoản phải thu tiền đặt cọc mua bất động sản được ghi nhận với số dư 142.829 triệu đồng, không phát sinh thay đổi qua hai năm. Khoản mục này phát sinh từ hợp đồng giữa Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Việt Á và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thông, liên quan đến việc đặt cọc mua bất động sản phục vụ việc mở rộng hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, do khó khăn từ phía đối tác trong việc bàn giao tài sản, khoản đặt cọc chưa được hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, dẫn đến hình thành khoản phải thu khó đòi kéo dài. Trước tình hình đó, đến ngày 31/12/2023, Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Việt Á đã thực hiện trích lập 100% dự phòng rủi ro cho khoản phải thu này, tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành. VAB tiếp tục theo dõi sát diễn biến pháp lý và thương lượng với đối tác, đồng thời thực hiện báo cáo định kỳ và đánh giá khả năng thu hồi để đảm bảo quản trị rủi ro tài chính và tuân thủ các quy định kế toán, tài chính hiện hành.

Mục 10: Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Cổ phần Công nghệ và Năng lượng mới Việt Nam:

Tại thời điểm 31/12/2023, khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Công nghệ và Năng lượng mới Việt Nam được ghi nhận với số dư 60.400 triệu đồng. Tuy nhiên, đến cuối năm 2024, số dư khoản mục này đã giảm về 0 đồng. Nguyên nhân là do công ty đối tác đã hoàn tất việc thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ vào ngày 31/05/2024.

Mục 11: Phải thu Ông Nguyễn Minh Trọng liên quan đến các khoản bán nợ và trả chậm:

Khoản phải thu từ ông Nguyễn Minh Trọng, phát sinh từ giao dịch mua bán nợ xấu và thanh toán trả chậm. Theo nội dung hợp đồng, khoản thanh toán được chia thành nhiều đợt, tuy nhiên đến cuối năm 2024, khách hàng vẫn còn nợ VAB 40.000 triệu đồng. Nguyên nhân chậm thanh toán được xác định là do khó khăn tài chính phát sinh từ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Tại thời điểm 31/12/2021, VAB đã trích lập dự phòng rủi ro 100% đối với khoản phải thu này, VAB tiếp tục làm việc để theo dõi sát tình hình tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng trong các kỳ tiếp theo.

Tài sản có khác

Bảng 43: Chi tiết Tài sản có khác

STT	Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
1	Vật liệu và Công cụ	3.953	3.610	-8,70%
2	Chi phí chờ phân bổ và tài sản có khác	118.883	704.367	492,49%

3	Tài sản có khác	1.205	18.676	1.450,34%
	Tổng cộng	124.041	726.653	485,82%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 của VAB

VAB đang có sự chuyển biến lớn về mặt tài sản. Vật liệu và công cụ năm 2023 là 3.953 triệu đồng giảm nhẹ vào năm 2024 xuống 3.610 triệu đồng tương đương tỷ lệ giảm 8,7%. Đây là chi phí liên quan đến vật tư, công cụ nhỏ phục vụ cho hoạt động kinh doanh hoặc văn phòng. Tỷ lệ giảm cho thấy VAB đang sử dụng tiết kiệm hơn, hoặc không đầu tư thêm vào công cụ trong kỳ.

Trong năm 2024, chỉ tiêu "Chi phí chờ phân bổ và tài sản có khác" ghi nhận mức tăng trưởng đột biến, từ 118.883 triệu đồng năm 2023 lên 704.367 triệu đồng năm 2024, tương ứng mức tăng 585.484 triệu đồng, tức tăng 492,49% so với năm 2023. Sự gia tăng mạnh mẽ này phản ánh một loạt các khoản chi phí trả trước phát sinh mới với quy mô lớn, có tác động đáng kể đến cơ cấu tài sản của đơn vị.

Trong đó, hai yếu tố chủ yếu đóng góp vào sự gia tăng này là:

Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng Trụ sở chính VAB: Đơn vị đã ký hợp đồng thuê dài hạn đối với văn phòng trụ sở chính tại địa chỉ 105 Chu Văn An, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, với tổng giá trị hợp đồng thuê (đã bao gồm thuế GTGT) là 284.283.450.002 đồng. Thời hạn thuê kéo dài 50 năm, do đó toàn bộ chi phí này không được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm mà được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần theo thời gian sử dụng tài sản. Khoản chi này chiếm khoảng 40,35% tổng giá trị chỉ tiêu "Chi phí chờ phân bổ và tài sản có khác" năm 2024, cho thấy đây là khoản mục quan trọng trong cơ cấu tài sản dài hạn.

Chi phí lãi tiền gửi tiết kiệm trả trước: Tính đến ngày 31/12/2024, doanh nghiệp đã ghi nhận 303.438.139.553 đồng chi phí trả trước liên quan đến sản phẩm tiền gửi lĩnh lãi trả trước. Đây là khoản lãi đã chi trả ngay từ đầu kỳ cho các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, nhưng về mặt kế toán, lãi này sẽ được phân bổ dần trong suốt thời gian gửi tiền, dẫn đến việc ghi nhận trước như một khoản chi phí chờ phân bổ. Khoản mục này chiếm khoảng 43,07% tổng chỉ tiêu.

Các khoản mục này đã được trình bày rõ ràng trong báo cáo tài chính để đảm bảo minh bạch thông tin cho các bên liên quan và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Về Tài sản có khác: cũng là chỉ tiêu tăng rất mạnh từ 1.205 triệu đồng năm 2023 lên 18.676 triệu đồng năm 2024, tương ứng mức tăng 17.471 triệu đồng. Đây là các khoản gồm tài sản không thuộc nhóm tài sản chính, như tài sản thuê hoán lại, khoản đặt cọc, thế chấp...

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được Hội đồng Quản trị trình và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số: 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025. Mục tiêu của VAB năm 2025 đặt ra có sự tăng trưởng cao với nền tảng đã được chuẩn bị trong các năm qua. Theo đó, mục tiêu trong năm 2025 tổng tài sản tăng 7,1%, tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng 9,3%, dư nợ tín dụng tăng 10,3%. Đồng thời, VAB đặt mục tiêu duy trì tỉ lệ nợ xấu dưới 3% để đảm bảo tính an toàn và ổn định của tình hình kinh doanh. Với các chỉ tiêu trên, lợi nhuận trước thuế theo kế hoạch được đặt ra là 1.306 tỷ đồng.

Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của VAB được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi. Bản Kế hoạch kinh doanh năm 2026 chính thức sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua theo đúng quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty.

Bảng 44: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	% tăng trưởng	Kế hoạch 2026	% tăng trưởng
1	Tổng tài sản	119.832	128.381	7,13%	143.854	12,05%
2	Tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	92.434	101.007	9,27%	115.558	14,41%
3	Dư nợ tín dụng (*)	79.916	88.110	10,25%	101.326	15,00%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.086	1.306	20,26%	1.558	19,30%
5	Vốn điều lệ	5.400	11.582	114,48%	11.582	0,00%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,37%	<3%	-	<3%	-
7	Cổ tức (*)	-	-	-	-	-

Nguồn: VAB

(*) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua phương án chia lợi nhuận cho cổ đông hiện hữu từ Nguồn vốn chủ sở hữu là 2.850.989.030.000 đồng để tăng vốn điều lệ, chi tiết như sau:

- Chia lợi nhuận từ nguồn Lợi nhuận chưa phân phối, giá trị chia là 2.604.089.140.250 đồng;
- Chia lợi nhuận từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, giá trị chia là 246.899.889.750 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	BCTC Riêng lẻ	BCTC Hợp nhất	Số tiền sử dụng để tăng VDL
1	Nguồn từ lợi nhuận chưa phân phối	2.606.524.369.233	2.654.743.685.131	2.604.089.140.250
2	Nguồn từ quỹ dự trữ bổ sung VDL	246.899.889.750	250.629.212.614	246.899.889.750
Tổng cộng		2.853.424.258.983	2.905.372.897.745	2.850.989.030.000

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của VAB

Đối với kế hoạch chia lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông hiện hữu năm 2025, VAB sẽ xây dựng kế hoạch và trình ĐHĐCĐ phương án để thực hiện.

Chi tiêu kế hoạch về tổng tài sản: huy động vốn khách hàng cá nhân, tổ chức kinh tế và phát hành giấy tờ có giá; Dự nợ cho vay cá nhân tổ chức kinh tế và Lợi nhuận trước thuế của VAB năm tài chính 2025 được Đại hội đồng cổ đông của VAB thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025. Bên cạnh đó, một số chi tiêu tài chính khác được Hội đồng Quản trị dự phóng dựa trên cơ sở tình hình thực tế của VAB. Kế hoạch phân phối lợi nhuận (bao gồm phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế/lợi nhuận giữ lại để tăng vốn điều lệ) năm 2025 cũng đã được trình ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/04/2025.

Căn cứ Tờ trình số 106/2025/TTr-HĐQT ngày 05/04/2025 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng VAB trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc thông qua phương án điều lệ năm 2025 và đã được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 26/04/2025, chi tiết như sau:

STT	Hình thức thực hiện	Giá trị	Tỷ lệ thực hiện
1	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	2.850.989.030.000	52,8%
2	Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động	200.000.000.000	3,7%
3	Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu	3.131.768.250.000	58%
TỔNG CỘNG		6.182.757.280.000	114,5%

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Như vậy, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Ngân hàng VAB dự kiến tăng vốn điều lệ thêm 6.182.757.280.000 nhằm mục đích nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động nhằm mục tiêu phát triển kinh doanh và đáp ứng các chỉ tiêu an toàn hoạt động của VAB. Sau khi hoàn tất việc phát hành, vốn điều lệ của VAB dự kiến sẽ nâng lên mức 11.582.357.710.000 đồng.

Cần cứ thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 - 2026

Ngân hàng TMCP Việt Á là một ngân hàng trẻ, năng động. Trải qua 22 năm xây dựng và phát triển, VAB đã đạt được những thành tựu quan trọng, từng bước khẳng định vị thế trên thị trường là một ngân hàng được tin nhiệm cao, chất lượng dịch vụ tốt, mặt bằng lãi suất hấp dẫn và sản phẩm dịch vụ linh hoạt. VAB không ngừng hoàn thiện cơ chế hoạt động, đào tạo đội ngũ cán bộ, trở thành một điểm đến được khách hàng tin tưởng, có thái độ phục vụ tận tâm, là điểm tựa vững chắc cho KHCN và KHDN. Bên cạnh các chỉ tiêu tài chính, VAB đã để lại nhiều dấu ấn, liên tiếp được nhận nhiều giải thưởng uy tín trong và ngoài nước: Năm 2024 là năm thứ 4 liên tiếp được tổ chức tài chính uy tín thế giới Moody xếp hạng ở mức B2 – Triển vọng ổn định; Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất Việt Nam do tổ chức quốc tế Global Business Outlook trao tặng, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam; Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất năm 2023 cùng nhiều giải thưởng uy tín khác...

Bước sang năm 2025 - 2026, VAB đã chuẩn bị tâm thế để bước sang một giai đoạn mới, một nơi mà ở đó sứ mệnh **“Đồng hành cùng khát vọng”** được thể hiện rõ nét nhất. Với nhiệt huyết, với tinh thần đổi mới và khát khao chưa bao giờ tắt, hơn 1500 CBNV VAB cùng tin tưởng, chung tay tiến về phía trước để đưa VAB trở thành Ngân hàng có uy tín và năng suất lao động cao nhất, trong đó được cụ thể hóa thành những định hướng trọng tâm như sau:

- + Chuyển đổi mô hình kinh doanh và năng lực quản trị.
- + Nâng cao năng lực tài chính: Tăng vốn điều lệ.
- + Kiểm soát rủi ro: Quản trị rủi ro an toàn hoạt động.
- + Chuyển đổi số: Tăng cường áp dụng công nghệ trong quản trị, sản phẩm dịch vụ, thay đổi cách thức hoạt động trên nền tảng công nghệ. Năm 2024, VAB đặt mục tiêu tăng trưởng CASA, đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng Core Banking mới.
- + Bổ sung nhân sự kinh doanh, tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực bán hàng, cải tiến cơ chế lương thưởng.
- + Xây dựng và triển khai các chính sách phù hợp để gia tăng nguồn khách hàng giao dịch, tăng huy động vốn không kỳ hạn lên gấp 2 lần so với năm 2023.
- + Tăng cường liên kết cùng các trang thương mại điện tử, khuyến khích khách hàng thanh

toán qua ứng dụng ngân hàng. Tập trung vào phân khúc khách hàng ở lĩnh vực thể mạnh và thiết kế sản phẩm dịch vụ đáp ứng được nhu cầu của khách hàng trong các lĩnh vực trọng tâm này,

- + Triển khai bán hàng các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng hệ thống công nghệ đã đầu tư như: User EzMobile, Thẻ tín dụng nội địa, Thẻ tín dụng quốc tế, và các sản phẩm dịch vụ khác trên nền tảng hỗ trợ của Corebanking từ đó gia tăng phí dịch vụ tối thiểu 2.5 lần so với năm 2023.
- + Đẩy mạnh cá nhân hoá các nội dung tiếp thị, tăng cường tương tác người dùng. Chú trọng đầu tư và phát triển các dự án về chuyển đổi số; triển khai các ý tưởng kinh doanh mới trên nền tảng công nghệ số cũng như cung cấp nhiều sản phẩm chuyên biệt cho từng đối tượng khách hàng.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của VAB cũng như lĩnh vực dịch vụ ngân hàng. VAB đảm bảo rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi nhận thấy rằng, các kế hoạch mà VAB đặt ra đã được xây dựng trên nền tảng năng lực hiện tại của VAB, đồng thời có xét đến yếu tố thị trường và tình hình kinh tế vĩ mô. Với đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và năng động trong các lĩnh vực kinh doanh chính của Ngân hàng, đồng thời những diễn biến khả quan về thị trường tài chính trong thời gian tới là những cơ sở tiền đề để VAB hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Ngân hàng đưa ra có tính khả thi cao nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo VAB về thị trường là phù hợp với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng hay các yếu tố bất khả kháng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng những đánh giá và nhận định nêu trên được đưa ra dưới góc độ của Tổ chức tư vấn, chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng cũng như không bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của VAB.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Đến thời điểm 31/12/2024, Ngân hàng đã phát hành 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000

đồng/trái phiếu với tổng giá trị ghi sổ là 1.000.000.000.000 đồng. Thời hạn trái phiếu là 7 năm, lãi suất 8,5%/năm hoặc lãi suất thả nổi, không có tài sản đảm bảo, cụ thể như sau:

STT	Mã Trái phiếu	Giá trị	Lãi suất phát hành (%/năm)	Ngày phát hành	Thời gian đáo hạn
1	VABCLH2330001	500.000.000.000	8,5%	27/12/2023	27/12/2030
2	VABCLH2431001	230.000.000.000	7,2%	16/04/2024	16/04/2031
3	VABLH2431002	270.000.000.000	7,5%	24/12/2024	24/12/2031
	Tổng cộng	1.000.000.000.000			

Nguồn: VAB

Nhằm đa dạng hóa nguồn vốn huy động trung và dài hạn, đồng thời tăng cường năng lực tài chính để phục vụ chiến lược phát triển bền vững, Ngân hàng VAB dự kiến triển khai kế hoạch phát hành trái phiếu ra công chúng trong năm 2025. Cụ thể như sau:

STT	Quy mô phát hành (tỷ đồng)	Mục đích	Hình thức phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất	Đối tượng mua trái phiếu	Phương án sử dụng vốn
1	1.000	Tăng vốn cấp 2, tăng quy mô vốn hoạt động, đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế nói chung, ưu tiên vào các dự án đầu tư trung dài hạn.	Phát hành trái phiếu ra công chúng	7 năm	9,5%	Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước có năng lực tài chính và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	Cho vay đối với khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức có nhu cầu vay vốn tại TCPH

Nguồn: VAB

VAB luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát hành (TCPH) đối với trái phiếu, bao gồm việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo quy định pháp luật, cũng như đảm bảo minh bạch trong việc công bố thông tin theo đúng quy định

hiện hành.

18. Các thông tin các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết

Vụ việc xảy ra tại Phòng Giao dịch Đông Đô vào năm 2018 liên quan đến hành vi lừa đảo của đối tượng Nguyễn Thị Hà Thành và các đồng phạm. Sau quá trình điều tra và xét xử qua nhiều cấp. Theo bản án phúc thẩm số 425/2024/HSPT ngày 25/05/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hà Nội. Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) được phép thực hiện các biện pháp khấu trừ các sổ tiết kiệm và xử lý các tài sản khác đứng tên Nguyễn Thị Hà Thành và các đồng phạm để thu hồi các khoản công nợ phát sinh liên quan đến vụ án.

VAB đã và đang phối hợp đầy đủ với các cơ quan chức năng để thực hiện các quyết định có hiệu lực pháp luật, đồng thời triển khai đầy đủ các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa rủi ro nội bộ. Vụ việc không còn gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính cũng như giá cổ phiếu của VAB trên thị trường chứng khoán. VAB luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật và quy định của NHNNVN trong toàn bộ quá trình xử lý vụ việc.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

- | | |
|---|----------------------|
| 1. Loại cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông |
| 2. Mệnh giá | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 3. Tổng số cổ phiếu niêm yết: | 539.960.043 cổ phiếu |
| 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của VAB | |

Căn cứ theo quy định tại Điều 64, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, “Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tín dụng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ”.

Ngoài ra, căn cứ theo quy định tại Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Hiện tại, trong tất cả các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, chỉ có những thành viên dưới đây đang là cổ đông của VAB. Vì những cổ đông này là thành viên HĐQT, thành viên BKS nên số cổ phiếu đang nắm giữ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng:

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng
1	Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT, Phó TGD, Người phụ trách quản trị VAB	5.492.760
2	Nguyễn Kim Phụng	Trưởng Ban kiểm soát	1.280
Tổng cộng			5.494.040

Nguồn: VAB

5. Xếp hạng tín nhiệm

Tháng 3/2025, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's đã công bố xếp hạng tín nhiệm B2, triển vọng ổn định cho VAB. Theo báo cáo mới nhất của Moody's, xếp hạng Tiền gửi dài hạn (cả nội tệ và ngoại tệ) và Nhà phát hành của VAB mức B2, đồng thời triển vọng của hai hạng mục này đều được đánh giá "Ổn định". Xếp hạng Rủi ro đối tác dài hạn (cả nội tệ và ngoại tệ) và Đánh giá rủi ro đối tác dài hạn được đánh giá mức B1. Đây là năm thứ 4 liên tiếp, Moody's đánh giá tín nhiệm VAB ở mức B2, triển vọng ổn định.

6. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến (giá tham chiếu dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên) của cổ phiếu được xác định dựa trên tham khảo các phương pháp tính giá, bao gồm: (i) Phương pháp giá trị sổ sách và (ii) Phương pháp giá thị trường.

6.1. Phương pháp giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu VAB như sau:

TT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1	Vốn chủ sở hữu (đồng)	7.261.906.213.475	7.997.093.587.052	8.856.677.552.392
2	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (đồng)	0	0	0
3	SLCP lưu hành (cổ phiếu)	539.960.043	539.960.043	539.960.043
4	Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	13.448	14.810	16.402

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất năm 2023 và 2024 của VAB

6.2. Phương pháp giá thị trường

Phương pháp giá thị trường là phương pháp xác định giá cổ phiếu VAB theo thực tế giao dịch của cổ phiếu VAB trên hệ thống giao dịch UPCOM. Giá cổ phiếu VAB theo phương pháp bình quân giá thị trường được xác định bằng bình quân giá tham chiếu của cổ phiếu của 30 (ba mươi) phiên giao dịch liên tiếp từ ngày 22/04/2025 đến ngày 05/06/2025 là **12.163 đồng/cổ phiếu**.

6.3. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE được xác định trên cơ sở hướng đến theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 157/2025/NQ-HĐQT ngày 09/05/2025 của Ngân hàng TMCP Việt Á về việc phê duyệt phương pháp tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Theo đó, phương pháp xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VAB tại HOSE là bình quân giá tham chiếu của 30 phiên giao dịch gần nhất trước khi huỷ đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Sau khi được Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định chấp thuận niêm yết và VAB hoàn thành thủ tục huỷ đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM, Ngân hàng sẽ tính toán giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VAB và báo cáo Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo các cơ quan thẩm quyền, công bố thông tin theo quy định.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo công văn số 7682/UBCK-PTTT ngày 22/11/2021 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á là 0,5%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Ngân hàng tại ngày 09/05/2025 Ngân hàng có 14 cổ đông nước ngoài sở hữu 1.336.385 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ.

8. Các loại thuế có liên quan

VAB đang nộp các loại thuế theo quy định như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, và thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các loại thuế khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

8.1. Thuế thu nhập cá nhân

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cổ đông là cá nhân có

thể phải nộp 2 loại thuế sau: (i) thuế đối với việc chuyển nhượng cổ phần và (ii) thuế đối với cổ tức được chia từ VAB.

8.2. Thuế Giá trị gia tăng

Áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 3 tháng 6 năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cổ đông là pháp nhân không phải nộp thuế đối với cổ tức được chia nhưng phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán như sau:

- **Thuế suất:** 20% đối với cổ đông là doanh nghiệp Việt Nam và 0,1% đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài.
- **Thu nhập chịu thuế:** Đối với cổ đông là doanh nghiệp Việt Nam, thu nhập chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán sẽ được xác định theo kỳ. Theo đó, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng, trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài, thu nhập chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán được xác định như đối với cá nhân.
- **Số thuế phải nộp:** Bằng thuế suất nhân (x) thu nhập chịu thuế.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)

Trụ sở chính: Tầng 5 tòa nhà Samsora Premier, 105 Chu Văn An, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 3944 5474

Fax: 024 3944 5475

Website: www.nsi.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2023

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điện Thoại: (84) 24 3824 1990

Fax: 024 3944 5475

Website: <https://aasc.com.vn>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC

Địa chỉ: Số 389A Điện Biên Phủ, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện Thoại: 028 3832 9129

Fax: (028) 3834 2957

Website: <https://aisc.com.vn/>

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

VIII. PHỤ LỤC

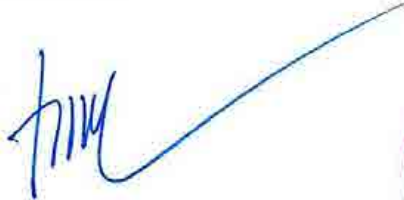
- Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á;
- Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp;
- Phụ lục III: Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu;
- Phụ lục IV: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á;
- Phụ lục V: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;
- Phụ lục VI: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2023 và năm 2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á. Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng do Ngân hàng lập Quý I/2025.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á**

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TRỌNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THÀNH CÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHƯƠNG THÀNH LONG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN KIM PHỤNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ ANH DŨNG

